

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẬP-CHÍ

VỀ SỰ GIÁO-DỤC ĐÀN-BÀ CON GÁI

TÔN-CHỈ SỰ GIÁO-DỤC — VẬN-MỆNH NGƯỜI ĐÀN BÀ

Vấn-đề giáo-dục đàn-bà con-gái là một vấn-đề quan-trọng ở nước ta ngày nay. Đương buổi nền nữ-học mới gây dựng trong nước, ta cần phải xét cho biết sự giáo-dục ấy nên thi-hành ra làm sao, cho trước là hợp với cái thân-thể chung người đàn-bà trong nhân-loại, sau là hợp với cái địa-vị riêng người đàn-bà trong xã-hội ta. Bản-chí lâu nay vẫn lưu-tâm về việc đó: ngay từ số thứ 4 ⁽¹⁾ đã có một bài chuyên-luận về « Sự giáo-dục đàn-bà con gái »; trong một số sau này lại sẽ có một bài tiếp-luận cho hết nghĩa. Nhưng mà trước khi bàn về sự giáo-dục đàn-bà con gái ở nước ta nên thế nào, thời-trường phải khảo xem sự giáo-dục ấy ở các nước ra làm sao, để lấy đấy mà làm gương làm mẫu, theo đấy chăm-chước cho thích-nghĩ.

Xét ở nước Pháp, việc nữ-học cũng mới thanh qui-cử độ trong khoảng ba bốn mươi năm nay. Trước kia sự dạy đàn-bà con gái còn là việc riêng trong gia-đình, cũng như ở nước ta; nhà nào cho con gái đi học thời là học ở các nhà tu của Giáo-hội, chứ chưa có trường công của Nhà nước, hoặc có mà ít lắm. Cách đây ba bốn mươi năm, Chính-Phủ Pháp mới lưu-tâm tổ-chức việc nữ-học. Trong những nhà giáo-dục có công về việc ấy, có quan Giáo HENRI MARION là người trước-danh hơn cả. Ngài đã từng dạy học lâu năm ở

trường « Nữ-học Cao-đẳng Sư-phạm » ở Fontenay-aux-Roses gần Paris, là nơi đào-tạo ra những tay nữ-giáo-sư các trường Nhà nước; sau ngài lại được cử ra dạy khoa « giáo-dục-học » ở trường Đại-học Paris. Những sách ngài trước-thuật về luân-lý-học, tâm-lý-học, giáo-dục-học nhiều lắm, đều là những sách có giá-trị, thiên-hạ trọng-dụng lắm. Nay xin lược-dịch một thiên ngài bàn về cái tôn-chỉ sự giáo-dục đàn-bà con gái, thiên ấy đề là « Vận-mệnh người đàn-bà », có ý xét về cái địa-vị người đàn-bà ở đời thế nào, và cách giáo-dục phải nên thi-hành ra làm sao cho hợp cái địa-vị ấy; tưởng cũng là một bài tựa hay cho những bài nghiên-cứu của bản-chí về vấn-đề nữ-học sau này.

Tôn-chỉ của giáo-dục là thế nào? Tôn-chỉ của giáo-dục là phải phát-siễn những cái năng-lực thiên-nhiên của người ta, để khiến cho có tư-cách làm trọn được cái chủ-nghĩa ở đời. Vậy thời trước hết phải biết cái chủ-nghĩa ở đời là thế nào, nhiên-hậu mới biết sự giáo-dục nên thi-hành ra làm sao cho hợp với chủ-nghĩa ấy. Nay cái chủ-nghĩa ở đời của người đàn-bà là thế nào? Cái vận-mệnh người đàn-bà ở đời là thế nào?

Lấy lẽ thường mà xét, cũng như lấy triết-lý mà suy, vận-mệnh người đàn-bà cốt nhất là để làm bạn với đàn ông. Bà

(1) Xem Nam-phong số 4 (Octobre 1917), trang 207-217.

DE STAEL đã có câu nói rằng : «*Đạy con gái bao giờ cũng phải nhớ rằng một ngày kia sẽ phải ra làm bạn với đàn-ông.* » (*Il faut élever la jeune fille avec la pensée constante qu'elle sera un jour la compagne de l'homme*). Vận-mệnh người đàn-bà là gồm trong hai chữ : làm vợ, làm mẹ ; mục-dịch sự giáo-dục là phải dạy cho người đàn-bà biết làm trọn hai chức-vụ ấy, ít ra cũng phải dạy cho có đủ tư-cách để làm-thời làm được hai chức-vụ đó, và biết lấy thế làm hạnh-phúc.

Ấy cái lẽ phải giữa đời là thế. Lẽ phải ấy dầu đời nào nước nào cũng không thể sai-dịch được. Làm trái lẽ phải ấy là làm sự điên-cuồng. Lại phép giáo-dục nào mà không lấy lẽ ấy làm cốt-yếu là phép giáo-dục điên-ảo sai-lầm. Vậy thời người lập-luận đây cũng không dám hiễn-kỳ mà đặt lời bàn trái lại với cái lẽ phải công-nhiên ấy. Tôi đây bình-sinh vẫn tin rằng cái vận-mệnh của người đàn-ông làm người đàn-ông trong xã-hội là phải lấy vợ để con, có làm hết cái chức-vụ ấy mới được hiết sự hạnh-phúc ở đời, và người nào làm được mà không làm là người ấy có tội với xã-hội ; có lẽ nào tôi lại phản-đối cái lẽ-phải kia cũng bắt-buộc người đàn-bà phải như thế ? Vậy thời tôi cũng một lời công-nhận rằng cái lẽ phải ấy là chánh-đáng, và phạm làm người đàn-bà, vì không sự gì ngăn-trở, trước nhất là phải lấy chồng, và lấy chồng phải kén-chọn cho kỹ, nhưng cũng đừng nên kỹ quá mà thành ra «*già kén kén hom*» ; thứ nhì là cứ thuận cảnh, phạm lấy chồng phải có con, trừ những người chẳng may hiếm-hoi không kề, và đã có con phải biết dạy con cho phải đường. Hoặc có người đàn-bà nào gặp cái cảnh thuận như thế, mà tự ý không muốn theo, cố ý chọn đường khác, thời đó là ý riêng của một người, tôi đây không dám trách-rằng người ấy làm

thế là có lỗi, nhưng tôi có cái quyền phân-nan cho người ấy, và nếu người ấy quyết-ý thế là vì một chủ-nghĩa quyền-lợi riêng, thời tôi có thể chắc rằng làm như vậy là đi sai đường, như tục-ngữ nói «*bỏ mồi mà bắt bóng*» vậy.

Nhưng tôi đã công-nhận như thế rồi, tôi xin nói thật : cái lẽ phải như trên kia là một lẽ cố-nhiên, nhưng vì là một lẽ cố-nhiên, nói lầm hóa nhảm, nên tôi cũng đồng-ý với phần nhiều người đàn-bà cho những kẻ chỉ khư-khư giảng một lẽ ấy là những người chỉ đủ khiến cho người ta nghe lầm rắc tai, dễ sinh chân ngất.

Thật thế, vì xét kỹ, lẽ ấy tuy là lẽ phải đương-nhiên, nhưng ngoài còn lẽ khác nữa, chưa phải một thế mà đủ ; nếu chỉ khư-khư biết có một lẽ ấy, thời dù hay dù phải mười-mươi, không khỏi sai-lầm hư-hại. Thứ nghĩ coi : muốn lập thành gia-thất, tất phải có hai người, không phải một mình người đàn-bà mà đủ được ; vả lại, tất cả đàn-bà không phải ai cũng lấy chồng hết, không phải ai cũng có con hết, có người đã biết cảnh gia-đình, nhưng đến sau góa-bụa, phải lẻ-loi một đời ; cảnh thuận đã vậy, những cảnh nghịch ấy, cũng phải xét đến trong khi bàn về sự giáo-dục đàn-bà thế nào cho hợp với cái vận-mệnh ở đời. Đó là một lẽ ; lại còn một lẽ nữa : người đàn-bà dầu ở vào cảnh thuận, có chồng, có con, công việc gia-đình nặng-nhọc đến đâu cũng không làm cho mất được bản-tính làm người, bản-tính ấy, đàn-ông đàn-bà đều như nhau cả. Đàn-ông trước khi làm chồng làm cha, phải làm người đã ; đàn-bà trước khi làm vợ làm mẹ, cũng phải làm người đã. Vậy thời trước khi dạy người đàn-bà cho biết bổn-phận trong gia-đình, phải dạy cho trọn tư-cách làm người đã.

Điều đó là quan-trọng, phải nên

xét cho kỹ. Người đàn-bà không phải mới bắt đầu đã là vợ là mẹ ngay ; rồi sau cũng không phải hết-thảy làm vợ làm mẹ cả ; có nữa, cũng không phải mãi-mãi cho đến già ; và những khi lỗi cảnh như thế, mười lần đến chín lần không phải lỗi tại ý-chí mình. Gặp những khi ấy mà mở miệng ra cứ nói hoài rằng vận-mệnh người đàn-bà ở đời chỉ có việc làm vợ làm mẹ mà thôi, và cách giáo-dục không được ra ngoài hai chữ-vụ ấy, thời chẳng hóa ra độc miệng làm ru ? Chẳng hóa ra ám-chỉ rằng người nào không theo cái cảnh thuận ấy là người lỡ-làng ru ? Cho dầu thế thật nữa, thời thế đã hợp với nhân-dạo chưa ? Nhưng mà đã chắc rằng thực chưa, đã chắc rằng phải chưa, mà dám lấy đây làm một cái phép-tắc « thánh-thần bất-khả xâm-phạm » ? Một người đàn-bà không có chồng có con, đã hẳn là người lỡ-làng chưa, đã hẳn là lỡ-làng hơn người đàn-ông kia không vợ không con chưa ? Đàn-ông thường tự-phụ với nhau rằng dầu không lấy vợ không đẻ con cũng có cách sống làm người một cách hoàn-toàn cao-thượng, hoặc đem mình chuyên-trị về văn-chương, về mĩ-thuật, về chính-trị v.v., không đâu là không có thể tận-hưởng cái lạc-thú nhân-sinh, và có lẽ càng không bận-bịu về gia-đình lại càng được thư-thái. Sự tự-phụ đó vị-tất đã là chánh-đáng : người ta, dầu là người tài-tri cao-thượng, mà không biết những sự vui-khởi, phiền-lo, trách-nhiệm trong gia-đình, thời vị-tất đã là tận-hưởng cuộc nhân-sinh bằng người khác. Và lại dầu chuyên-trị về văn-chương, về mĩ-thuật, về chính-trị, v.v., mà vẫn kiêm-bị cả việc gia-đình, cũng không phải là không được. Tuy có một ít nhiều nhà mĩ-thuật, ham ưa cái thú giang-hồ, cho được tự-do khoáng-dãng, nhưng xét ra phần nhiều các nhà bác-học, chính-trị, cùng những người làm

việc bằng tư-tưởng, bằng não-cán, thường-thường là những người chồng tốt cha hiền cả, cái cảnh gia-đình chưa hề có làm giảm mất cái giá-trị về nhân-cách. — Nay bàn tiếp lễ trên, dù thế nào mặc lòng, không có lẽ cùng một cảnh-ngộ, đối với đàn-ông không cho làm nghịch, đối với đàn-ông lại cho là nghịch. Vẫn biết rằng cảnh-ngộ đàn-bà, có nhiều nỗi khổ-khe, như về đường sinh-dục, khó thoát-li cho được. Nhưng sự bó-buộc tự-nhiên đó đã đành, hà-tất còn thêm những cách ràng-buộc bên ngoài nữa ? Cớ sao người đàn-bà lại không được như đàn-ông có quyền tự-do muốn tổ-chức cuộc đời mình thế nào cũng được ? Cớ sao sự giáo - dục đàn - bà lại cứ tất-nhiên thiên về một mặt chồng con, là một khoản người đàn - bà đối với phong-tục không được có quyền chủ-định gì cả ? Cớ sao lại chỉ riêng buộc người đàn-bà, mà để cho đàn-ông muốn sao được vậy ? Nếu đàn-ông lấy không lấy vợ làm tự-cao, sao lại buộc đàn-bà cứ tất - nhiên phải lấy chồng ? Lấy lễ gì mà bắt-buộc như thế ? Hoặc là lễ bảo-tồn nói giống chẳng ? Nếu lấy lễ ấy thời là lễ chung cả hai bên, riêng đâu một đàn-bà. Và cứ lễ ấy, phần trách-nhiệm có lẽ ở đàn-bà ít mà ở đàn ông nhiều, vì xét tâm-lý người đàn-bà, vẫn đã có thiên-tính về đường sinh - dục, thiên-tính ấy tự-nhiên vốn mạnh, không phải lo chi. Có lo nên lo về phần đàn-ông nhiều, vì đàn-ông thường phóng-dãng, hay quên việc gia-đình.

Tôi xét chỉ có một lễ đủ chứng rằng người đàn bà có cái định-nghiệp về đường gia-thất hơn là đàn ông, và sự giáo-dục đàn-bà nên phải khuynh-hướng về đường ấy; lễ ấy là thế này : một trăm người đàn-bà thời đến chín-mươi-lăm người, vì phong-tục, vì thói-quen, vì sự giáo - dục, không nhờ vào chồng, trông vào chồng, tuyệt-nhiên

không có địa-vị, không có giá-trị, và cũng không có sinh-kế gì trong xã-hội. Nhưng nếu bản như thế thời khó gkỏi bản quĩn. Vì rằng trừ người nào có cái chí khác không kể, nếu phàm đàn bà ai cũng chắc rằng có thể nhờ chồng mà được yên thân vui ấm, thời có gì hay bằng. Nếu được thế thời cái vấn-lề về thĩa phận người đàn-bà trong xã-hội, về sự giáo-dục đàn-bà con gái, không việc gì đến nỗi cần-cấp khó-khăn như vậy. Nhưng ai chẳng biết rằng kỳ-thực có được thế đâu : không phải người đàn-bà nào lấy chồng cũng lấy được chồng xứng-dáng, và không phải người đàn-bà nào có chồng cũng có thể trông cậy ở chồng được. Như vậy mà bản về sự giáo dục đàn-bà chỉ giảng về một đường chồng con thời đối với những người gặp phải cảnh-ngộ ấy, chẳng là trái-ngược lắm rư ? Lấy cơ rằng giáo-dục người đàn-bà cốt để cho thuận cái cảnh đương-nhiên, theo cái định-nghiệp sẵn, mà đối với hạng đàn-bà vì cảnh-ngộ riêng không được gặp nơi nương-tựa, phải ra xông-pha với đời, để kiếm lấy nuôi thân — cảnh này dù con nhà phú-quí nhiều khi cũng không tránh khỏi, — kỳ-thực chẳng là khiến cho người ta phải bơ-vơ, không biết đường mà tự-lập rư ? Lại khi chính là anh đàn ông tự mình không muốn lấy vợ đẻ con, hể bản đến sự giao-dục đàn-bà thời khái-nhiên nói rằng phải dạy cho người đàn-bà theo về đường chồng con, như thế thời có khiến cho người ta khỏi tức mình được không ? Không những đối với những người đàn-bà yêu-cầu sự tự-do độc-lập mà nói thế, đối với những nhà xã-hội-học, giáo-dục-học, muốn nghĩ ra những phương-pháp giáo-dục, bày ra những chế-độ pháp-luật để bênh-vực giúp-đỡ cho người đàn-bà khỏi phải cái nông-nổĩ bơ-vơ thất-sở như vậy, cũng nói thế, thời thật là người không biết nghĩ vậy.

Như vậy thời hiển-nhiên là lỗi tại người đàn-ông, tựa-hồ như muốn hạn-chế sự giáo - dục của đàn-bà, để giữ cho cứ phải tùy-thuộc mình mãi, dù tự mình không làm gì được cho người ta nhờ, cũng muốn bắt người ta phải hiển-ràng không nhờ mình không sao tự-lập được. Những người giữ cái ý-kiến nên hạn-chế sự học-hành của người đàn-bà, chắc cũng còn vì nhiều lý-tưởng khác cao-thượng hơn. Nhưng xét cho kỹ thời bao giờ cũng là có cái dã-tâm muốn cho người đàn-bà phải kém mình, muốn giữ lấy riêng cao mình cái địa-vị cao-trọng, địa-vị ấy chẳng qua là nhờ thói quen, nhờ phong-tục mà từ trước đến nay vẫn được hơn người đàn-bà, nhưng từ nay trở đi đàn-bà đã có cái bụng tự-lập, cũng ra đời mà thi-thố tài-năng, thời vị-lắt còn giữ được hoàn-toàn mãi, có giữ được cũng phải khó nhọc hơn xưa. Bụng đàn ông như thế thời cũng khí nhỏ-nhen hèn-mọn; những người thực bụng sợ rằng đàn-bà có học không tra việc chồng con, còn khả-nguyện được và chỉ tỏ là người hẹp bụng vụng suy mà thôi; đến những người vị lòng dạy-kỷ, sợ đàn-bà có ngày hơn mình, thời thật là khả-ô.

Cứ thực-tế mà xét, đã hiển - nhiên rằng có nhiều người đàn - bà không được gặp cái cảnh thuận làm vợ làm mẹ mà phải tự-lực làm-lung để nuôi lấy thân ; lại nhiều người đã thanh gia-thất mà góa-bụa sớm, cũng phải tự-lực làm để nuôi mình nuôi con ; lại cũng có người có chồng con mà không thể trông - cậy ở chồng con được ; cứ một lẽ thực như thế cũng đủ chứng-rằng trong việc giáo - dục người đàn-bà phải dùng hết phương-pháp dạy cho đến nơi đến chốn để cho sau này gặp cảnh - ngộ nào cũng có thể tự-lập được.

Dù những người sinh-trưởng ở nơi phú-quí phong-lưu, cũng không nên

cây chì, vì của đời như đám phù-vân, khi còn khi mất biết đâu là chừng. Bất cứ kẻ sang người hèn, đã gọi là giáo-dục thời phải dạy cho đến nơi đến chốn, dạy cho có đủ tư-cách mà độc-lập ở đời, dầu sau có chồng con cũng là sự hay, mà không chồng con lại là cần lắm. Tôi nói độc-lập đây không phải là ngang-nhiên phản-đối với cái cảnh gia-đình, như một vài kẻ quá-khích trong tân-nữ-lưu ngày nay đâu; không phải thế; độc-lập là được tự-do mà tự mình kén chọn cho đích-dáng, không có để cho người ta có quyền ép-dùng, cũng không có để cho mình đến ngộ-hoặc đem gửi mình vào chỗ không đang. Những kẻ phong-lưu phú-quí thường vẫn được tự-do độc-lập; nay nhờ sự giáo-dục, có thể khiến cho những người vốn không phải sinh-trưởng trong chỗ phú-quí phong-lưu cũng được có thể độc-lập như thế, thời phạm người hữu-tâm về thế-dạo há chẳng nên nhiệt-thành cổ-vô cho sự giáo-dục ấy được hoàn-toàn rư?

Nhưng mà không những thế mà thôi. Như trên kia tôi đã nói, giả-thiết hai bên đàn-ông đàn-bà cũng là cùng ở trong thuận-cảnh cả, cũng lấy việc gia-thất làm trọng cả, dầu như vậy mà nói rằng người đàn-bà ở đời chỉ có một việc chồng con, chỉ nên giáo-dục cho làm trọn việc ấy mà thôi, cũng là không có lẽ phải nữa. Nói rằng nên lấy việc ấy làm một cái mục-dịch quan-trọng cho sự giáo-dục người đàn-bà thời được; nói rằng mục-dịch ấy là mục-dịch độc-nhất vô-nhi thời không được.

Ta thử xét kỹ trong tâm-lý người đàn-bà, thấy phạm đàn-ông có những phú-tính gì, đàn-bà cũng có đủ cả, tuy trình-độ có khi cao-thấp sai nhau, mà bản-thể cũng là đồng-nhất không khác.

Như vậy thời đàn-ông có thể khai-thông được đến đâu, đàn-bà cũng có

thể tinh-liến được đến đấy, dầu không thể ngang nhau từng bước, cũng có thể cùng theo một đường. Những phép-tắc về luân-lý-học, giáo-dục-học, đối với hai bên nam-nữ, cũng là một, không khác gì. Mục-dịch sự giáo-dục là gây cho người ta, bất-cứ là đàn-ông hay đàn-bà, con trai hay con gái, được hoàn-toàn nhân-cách. Đàn-ông đã được hưởng giáo-dục, đàn-bà cũng phải được mới cân, vì tình-lý hai bên cũng như một. Nhân-loại ta một nửa là đàn-ông, một nửa là đàn-bà, nếu nửa dưới ấy cũng kiêm đủ tư-cách như nửa trên, thời cái nghĩa-vụ đối với nhân-loại là phải dạy cho đàn-bà cũng bằng đàn-ông để khiến cho những tài-năng cố-hữu cũng có thể mở-mang phát-dạt và sinh-hoa kết-quả được như đàn-ông vậy. Hoặc so-sánh hai bên, bên đàn-bà còn có khuyết-diểm, thời lại càng phải giáo-dục để bổ-cứu những sự khiếm-khuyết ấy. Bổ-cứu được chắc cũng có ích-lợi cho gia-đình, nhưng mà không phải vì một gia-đình mà bổ-cứu, là vì chính thân người đàn-bà, cho người đàn-bà được hoàn-toàn nhân-cách, được hạnh-phúc ở đời; sau nữa là vì cả xã-hội, vì cả nhân-loại vậy. Phải giáo-dục cho người đàn-bà để phòng khi không lấy chồng hay là phải góa chồng có đủ tư-cách mà tự-lập; nhưng cũng phải giáo-dục để khi lấy chồng, ở vào cảnh-ngộ nào, gặp đến cơ-hội nào, cũng có thể làm trọn được mọi việc nghĩa-vụ khó-khăn.

Cụ linh-mục FÉNELON là một nhà danh-sĩ nước Đại-Pháp về thế-kỷ thứ 17, lại là một người đã từng chuyên-tâm nghiên-cứu về vấn-đề nữ-học, có giải rõ hai cái phương-diện giáo-dục ấy như sau này. Cụ nói rằng: « Trong một nhà chẳng phải là người đàn-bà quản-trị mọi việc, một tay làm cho gia-đình được

hưng-thịnh hay phải suy-dồi rư? Mà làm cho gia-đình hưng suy, tức là làm cho cả xã-hội hưng suy vậy. Vì đó mà phong-tục trong một nước hay hay dở, một phần nhiều là bởi người dân-bà... Lại cái hạnh-phúc người dân-ông cũng ở trong tay người dân-bà: người dân-ông mà gặp phải cái gia-đình ác-liệt, thời tự mình còn có lạc-thủ gì? Lại đến con-cái là cái nhân-loại tương-lai này, nếu người mẹ đẻ ra mà không biết dạy-dỗ từ thuở nhỏ, để cho hư-thân lêu-lồng, thời sau này trở nên thế nào?»

Ấy là cái phương-diện người dân-bà làm vợ và làm mẹ. Nhưng cụ FÉNELON không lấy thế làm đủ. Cụ lại nói thêm rằng: «Vả lại, điều đức-hạnh trọng cho dân-ông đã đành, mà cũng trọng cho dân-bà lắm nữa. Bất-luận người dân-bà hay hay dở có thể làm lợi hay hại cho xã-hội thế nào, phải nhớ rằng dân-bà là một nửa nhân-loại, cũng nhờ máu Đấng Cứu-thế mà được chuộc tội vô-cùng, sau này cũng có ngày được hưởng phúc Thiên-đàng.»

Vậy thời cứ các lẽ đã nói trên đó, trong việc giáo-dục dân-bà con gái phải

thành-tâm mà dạy-dỗ cho đến nơi, để trước là xứng-dáng cái nhân-cách làm người, sau là được hưởng sự hạnh-phúc ở đời. Phải dạy cho người dân-bà biết trọn đạo làm vợ làm mẹ, cái đó đã cố-nhiên rồi; nhưng cũng phải dạy cho để hoặc khi không ở vào cảnh ấy, có thể giữ được hoàn-toàn cái giá-trị cùng cái địa-vị trong xã-hội. Thứ nhất là phải dạy cho nên con người khôn-ngoaan chính-trực. Hoặc có kẻ bẻ rằng tư-cách người dân-bà còn khiếm-khuyết nhiều lắm, không nên dạy cho lắm làm gì, thời xin đáp rằng chính bởi tư-cách còn khiếm-khuyết mà lại càng cần phải giáo-dục để cho mau bổ-cứu lại.

Nói tóm lại, theo ý tôi và vì các lẽ đã kể, không nên hạn-chế sự giáo-dục dân-bà con gái, có thể mở-mang được đến đâu phải nên hết sức mà mở-mang; đó là một cái nghĩa-vụ tối-cao, tối-thiết, đối với một nửa phần người trong nhân-loại, nửa này kẻ cũng chẳng kém gì nửa kia vậy.

HỒNG-NHÂN dịch-thuật.

KHẢO VỀ CÁC LUÂN-LÝ-HỌC-THUYẾT CỦA THÁI-TÂY (1)

II

Trên đã giải cái quan-niệm phổ-thông của người Thái-Tây thuộc về luân-lý-học và phạm-vi của luân-lý-học thế nào. Nay xét đến các học-thuyết về luân-lý của Âu-châu từ xưa đến nay duyên-cách ra làm sao.

Văn-minh Âu-châu lấy Hi-lạp làm tị-tò. Phạm văn-chương, mỹ-thuật, triết-học, luân-lý, đều uyên-nguyên tự Hi-

lạp cả. Nói riêng về luân-lý, thời sáng-lập ra luân-lý-học chính là ông SOCRATE (tàu dịch là Tô-cách-lạp-đề, 448-400 trước Gia-tô). Trước ông, luân-lý còn lẫn với tôn-giáo, tản trong phong-tục. Hồi bấy giờ, ở Hi-lạp, phái ngụ-biến (*les sophistes*) dương thịnh-hành; phái này cho luân-lý chẳng qua là một mớ những lệ phiến, tục hủ. Kịp đến ông

(1) Xem Nam-phong số 47, trang 354-362

SOCRATE xuất-hiện ra, bèn đề-xướng lên rằng luân-lý là gốc tự lòng người, có thể đem ra nghiên-cứu được, có thể lập thành môn học được, và trong cả các môn học có lẽ duy có môn luân-lý là yếu-cần và chánh-đáng hơn cả. Ông nói rằng trong lòng người vốn có những lẽ chân-chính về đạo-đức, phạm làm người ai cũng có bao-hàm hoài-bảo, duy chưa biết phân-biệt rõ-ràng mà thôi; nay nhà học-vấn, nhà triết-lý phải dùng phép biện-luận mà suy-diễn ra thành phép-tắc chung, xếp đặt lại cho nên thống-hệ. Lòng đạo-đức của người ta có thể mới hiển-trước ra được. Như vậy thời cứ theo ông SOCRATE, luân-lý, học-vấn, đức-hạnh, ba chữ ấy cũng là đồng-nghĩa với nhau cả; lòng đạo-đức thành cái của riêng người triết - nhân quân-tử mà thôi.

Học trò ông SOCRATE là ông PLATON (tàu dịch là Bá-lạp-đỗ, 429-347 trước Gia-tô) cũng tổ-thuật ông cái lý-thuyết ấy. Nhưng tuy tổ-thuật mà có biến-hóa đi nhiều: không coi luân-lý-học là một khoa-học hoàn-toàn cụ-thể như ông SOCRATE, mà cho là tùy-thuộc và một khoa-học khác cao hơn rộng hơn, gọi là « lý-tưởng-học » (*la science des Idées*), khoa này không những chuyên xét về người ta cùng các nhân-sự mà bao gồm cả nhất-thiết sự-vật trong hiện-tại cùng trong tương-lai. Những phép-tắc về luân-lý chẳng qua cũng là một cái trạng-thái đặc-biệt của những phép-tắc to lớn trong cái « bản-thể tự-tại » (*l'être*). Trong bản-thân ta cũng như ngoài sự-vật, nhất-thiết mọi sự đều là do cảm-giác mà đến tri-tuệ, do hiện-tượng mà tới lý-tưởng, càng tới gần được bao nhiêu càng được hoàn-toàn bấy nhiêu. Người đạo-đức là người thực-hiện được trong lòng mình cái lý-tưởng về điều thiện, muốn thực-hiện được cái lý-tưởng ấy, trước phải nghiên-cứu về cái lý-tưởng ấy, muốn nghiên-cứu riêng về một lý-

tưởng ấy, phải nghiên-cứu hết cả các lý-tưởng khác, vì trong lý-tưởng-giới hết thấy đều liên-hệ với nhau cả; nghiên-cứu chung về các lý-tưởng tức là mục-dịch của khoa Triết-học, vậy thời nhà luân-lý phải là một nhà triết-học, không những thế, muốn thực-hành đạo-đức, phải có nghiên-cứu triết-học mới được; triết-học là khoa-học hoàn-toàn tuyệt-dịch vậy.

Xét như thế thời hai nhà triết-học Hi-lạp khảo về đạo-đức trước nhất đều tìm cái nguồn-gốc của đạo-đức không phải ở trong tâm-tinh, trong ý - chí, mà là ở trong tri-tuệ, trong lý - tính, cho rằng chỉ có tri-tuệ, lý-tính, là mới có thể khảo-sát nghiên-cứu được mà thôi. Nói rút lại thời học-thuyết của các nhà ấy là cái học-thuyết bọn thượng-lưu, rành sự đạo-đức cho một số ít người có tri-thức mà thôi. Các nhà kế sau hai ông SOCRATE và PLATON cũng noi theo cái học-thuyết của hai ông ấy, hoặc thêm vào, hoặc bớt ra, nhưng không hề sai cái tôn-chỉ bao giờ.

Duy có ông ARISTOTE (tàu dịch là A-ly-sĩ-da-đức, 384-322 trước Gia-tô) là hơi có ý phản-đối lại một chút. Ông dạy rằng lòng đạo-đức có từ trước luân-lý-học, và không phải luân-lý-học gồm được hết; lòng đạo-đức vốn không phải ở trong tri-tuệ, thực là ở các mối tình-cảm trong lòng người, những mối tình-cảm ấy không phải là bao giờ cũng hợp với lý-tính. Nói tóm lại, đạo-đức là thuộc *tình*, hơn là thuộc *tính*, thuộc về thói-quen hơn là thuộc về học-vấn. Ông nói rằng: « Không phải cứ biết giải nghĩa đạo-đức là gì mà đủ làm người đạo-đức đâu; phải làm việc đạo-đức nữa mới được. » Trong việc đạo-đức, lý-tính có một phần, mà cảm-tình cũng có một phần to. Ông lại nói: « Người đạo-đức là người lấy sự làm lành làm vui thú. » Chắc rằng sự lành, điều thiện, phải có lý-tính (*la raison*)

mới suy-xét được. Nhưng lý-tính này là cái lý-tính thực-tiễn, do sự thường-thức, sự kinh-nghiệm mà ra, và phạm gặp việc gì biết suy-tính dẫn-do, tránh nơi cực-doan mà chọn chỗ trung-độ, chỗ trung-độ ấy tức là điều thiện. Nhưng đó mới là cái đạo-dức bình-thường hoạt-dộng mà thôi; trên cái đạo-dức ấy, ông ARISTOTE lại còn đặt một cái đạo-dức cao-thâm tịch-mịch hơn nữa, là nơi trí người phối-hợp với cái lẽ huyền-vi trong trời đất. Đối với cái đạo-dức tuyệt-phẩm này thời cái đạo-dức tầm-thường kia không thấm vào đâu cả, và muốn cảm-giác cái đạo-dức tuyệt-phẩm ấy, phi dùng trí-tuệ không sao tới được. Nói rút lại, ông chia đạo-dức làm hai phần, một phần thông-thường là ở sự cư-xử trong xã-hội; một phần cao-tượng là ở trong tri-nghĩ của người ta; phần thông-thường thời thuộc về sự hân-vi, phần cao-tượng vẫn thuộc về sự học-vấn.

Đến ông EPICURE (tên dịch là Ai-ti-cô-nhĩ, 341-270 trước Gia-tô) cũng dạy học trò rằng người ta muốn tới cõi hoàn-toàn hạnh-phúc, phải do đường học-vấn mới được. Tôn-chỉ luân-lý-học của ông là phạm người ta hành-dộng, duy chỉ do hai cơ: một là sự sướng, hai là sự khổ. Vậy đối với sự đạo-dức, ông không hề xét đến nguyên-nhân bản-thể của đạo-dức là thế nào. Ông chỉ chú-tìm làm sao cho thấy cái bi-thuật khiến cho người ta được sung-sướng. Cái gì nó làm cho ta không được sung-sướng, tức là cái thị dục và sự lo-lắng của ta. Ta chỉ mơ-màng những sự khoái-lạc dẫu dẫu, mà ta lại sợ-hãi những sự khổ-não không có. Muốn cho được sung-sướng, phải hiểu hai lẽ như sau này: một rằng ta làm người có cái quyền tự-chủ, không có oai-lực của thần-minh nào, không có phép-tắc của tạo-vật nào chuyên-chế được ta; hai rằng ở đời chỉ có một sự khoái-lạc trong-sạch và lâu-bền hơn cả, sự khoái-lạc ấy là thuộc về « tiêu-cực »,

không có khó-khăn gì, sự khoái-lạc ấy là ở thân-thể tâm-thần được bình-yên vô-sự. Ông nói rằng: « Chỉ một cái bánh lửa mạch với một chai nước con, người quân-tử có thể sướng được hơn thần Jupiter (là vị thần cao nhất trong chư-thần Hi-lạp). » Nhưng muốn tới được cõi ấy thời phải như lời nhà thi-hào LUCRÈCE đã tả: « bước tới nơi cung-diện cao xa thăm-thẳm kia, là chỗ kẻ triết-nhân quân-tử đứng đấy mà nhìn xuống dưới chân mình, thấy lũ người đời đương mơ-mơ màng-màng, lao-lao lục-lục, mà tìm đường sinh-hoạt, trong chốn bụi trần ».

Luân-lý của phái « kiên-nhẫn » (*les stoiciens*) thời phiền-phức và phong-phú hơn. Và kể từ ông ZENON (vào khoảng cuối thế-kỷ thứ 4 trước Gia-tô) là người xướng-lập ra phái này trước nhất, qua ông EPICURE (thế-kỷ thứ nhất sau Gia-tô), đến vua MARC-AURÈLE nước La-mã (121-181 sau Gia-tô), học-thuyết của phái kiên-nhẫn duyên-cách cũng nhiều lần, nên khó lòng mà tóm-tắt lại mấy câu cho hết được. Trong học-thuyết ấy, phần luân-lý không phải là một bộ-phận đặc-biệt, tức là có liên-hệ với cả môn thuần-lý-học là học về toàn-thể cái bản-thể tự-tại (*la totalité de l'être*). Song xét kỹ thời các nhà triết-học trong phái kiên-nhẫn không có nói rõ rằng lòng đạo-dức phải có nhờ thuần-lý-học và luân-lý-học mới phát-siễn ra được. Vì rằng theo cái tôn-chỉ của các nhà ấy, sự tư-tưởng không có quan-trọng bằng sự hành-vi. Các nhà ấy quan-niệm về cái nguyên-lý của vạn-vật, lấy rằng nguyên-lý ấy không phải là một cái tri-tuệ chỉ đứng cao mà quan-sát các lý-tưởng, tức là một cái động-lực hoạt-dộng trong giữa đám vật-chất, và có thể tổ-chức, biến-hóa được vật-chất. Người đạo-dức là người hằng khổ-tâm lao-lực: muốn cho cuộc đời mình được điều-hòa, muốn cho tâm-tính mình được an-khien, thời

phải căng-trì, phải miễn-lệ, lòng-da-rắn - giới, ý - chí khăng - khăng, đối với sự thăng-lai ở bên ngoài, không có đề dao-động đến trong lòng, dù gặp sướng gặp khổ, cũng điềm-nhiên như không. Người ta dù tiến-hóa đến bao nhiêu, chẳng qua cũng khởi-diềm tự con vật; đạo-đức dù cao-thượng đến bậc nào, chẳng qua cũng bắt đầu từ « lòng thú ». Nhưng mà cho được thoát-li ra ngoài vật-giới, đã phi rất nhiều công - phu. Người quân - tử đối với việc đời, đối với sự-vật, phải kiên-gan thể nào cho không cái gì làm sờn được lòng sắt-dà. Nếu giữ được vững lòng, không gì mêch-động, hạnh-phúc là ở đây, khoái-lạc là ở đây.

Nói tóm lại, về cổ-dại Âu-châu chỉ có hai học-thuyết luân-lý, một thuyết theo hẳn về chủ-nghĩa duy-trí (*intellectualisme*), lấy tri-tuệ làm tiêu-chuẩn cho luân-lý, một thuyết đã có ý thiên về ý-chí, lấy ý-chí làm gốc cho sự đạo-đức. Nhưng thuyết nào cũng coi sự đạo-đức là cái đặc-quyền của một số ít người triết-nhân quân-tử mà thôi.

Đến khi đạo Thiên-Chúa xuất-hiện, thật là khởi ra một cuộc cách-mệnh to trong luân-lý-giới. Đạo Thiên-Chúa trước nhất phát-minh ra cái lẽ rằng luân-lý không phải hẳn thuộc về triết-học, vì trong tôn-giáo cũng có thể có luân-lý được, và luân-lý của tôn-giáo lại có cái thể-lực mạnh không gì bằng, lẽ ấy các tiên-triết Hi-lạp đều không từng chú-ý đến. Sau nữa, đạo Thiên-Chúa lại chứng rằng luân-lý có thể phổ-biến ra khắp xã-hội, không phải là cái của riêng của một bọn thượng-lưu nhân-vật như xưa, không lấy sự học-vấn mà lấy sự tin-ngưỡng, không lấy tri-tuệ mà lấy tâm-tình làm gốc cho đạo-đức. Các tiên-triết lấy ông quân-tử (*le sage*) làm mô-phạm cho người đời, đạo Thiên-Chúa thời lấy ông « thánh » (*le saint*), người quân-tử tất phải là người thượng-lưu-trí-thức, « ông thánh » thời

dầu người bình-thường mộc-mạc mà giàu lòng đạo-đức cũng có thể tới bậc đó. Đạo Thiên-Chúa lại còn có những giáo-lý về tội gốc (*le péché originel*), về ơn Trời (*la grâce*), về đời sau (*la vie future*), nhân đó khởi ra cái vấn-đề đạo-đức quan-hệ với lẽ thiên-nhiên, lẽ thần-bí thế nào, vấn-đề này tiên-triết Hi-lạp không từng đề-cập bao giờ, và thực là một vấn-đề khó giải nhất trong triết-học đời nay.

Kịp đến cận-dại, phong-trào triết-học dấy lên, ông DESCARTES (tàu dịch là Địch-táp-nhi, 1596-1650) nước Pháp thủ-xướng. Ông đình hẳn cái vấn-đề luân-lý, không xét đến. Trong sách « Phương-pháp-luân » (*Discours de la Methode*) của ông, ông có ý nói rằng hiện nay cái luân-lý tuyệt-dịch ta chưa biết thế nào, ta hãy tạm theo cái luân-lý thông-thường vậy, đợi đến khi nào phát-minh được cái trên sẽ hay, và cái luân-lý trên ấy tất phải là sự kết-quả cuối-cùng của cả cái công suy-tầm học-vấn của người ta. Xét kỹ thời trong tư-tưởng ông DESCARTES có hai cái khuynh-hướng trái nhau, tức cũng là hai cái khuynh-hướng của các tiên-triết đời xưa : một là lấy đạo-đức tùy-thuộc vào sự học-vấn, hai là lấy đạo-đức do tự ý-chí người ta; đối với hai cái khuynh-hướng ấy, ông hoài-nghi lưỡng-lự, không quyết theo về bên nào. Bởi thế nên ông PASCAL (1623-1662) là người sinh-trưởng trong luân-lý đạo Thiên-Chúa, thường thông-trách cái học-thuyết của ông là không thiết gì đến cách ăn-ở của người ta ở đời, trên trời dưới đất không sự-vật gì là không khảo-sát, duy có cái đạo làm người không xét đến; ông PASCAL chê ông là « hão-huyền vô-ích » (*inutile et vain*), bèn hướng về Đức Gia-tô mà cầu lấy đạo xử-thế. Đến như ông SPINOZA (người Hòa-lan, 1632-1677) thời lại quay về cái phương-diện triết-học cũ, lấy rằng người ta muốn tìm lên

đường hạnh-phúc thời phải cầu ở sự học-vấn, và sự học-vấn tuyệt-địch tức là môn thuần-lý-học (*la métaphysique*). Còn ông LEIBNIZ (người Đức, 1646-1716) tuy về triết-học có phát-minh được nhiều lẽ mới lạ, mà về luân-lý-học thời chẳng qua là tổ-thuat những học-thuyết của hai ông PLATON, ARISTOTE và cố chấp-chước cho điều-hòa mà thôi.

Nói tóm lại thời triết-học cận-dại bắt đầu từ thế-kỷ thứ 15, chỉ chủ xây-dập nền gốc cho các khoa-học về sự-vật, còn những vấn-đề về luân-lý xã-hội thời đến khi nào xong phần việc trên mới chú-ý đến, nghĩa là mới bắt đầu từ cuối thế-kỷ thứ 18, đầu thế-kỷ thứ 19 vậy.

Trong khoảng từ bấy đến nay, tuy trước sau có hơn trăm năm, mà các học-thuyết về luân-lý đã xuất-hiện rất nhiều, không thể kể cho hết được. Đây chỉ xin nói qua về ba cái học-thuyết chính, không theo thứ-tự niên-dại, mà theo thứ-tự thiên-thâm, nghĩa là nói về cái thuyết bình-thiên trước, rồi mới xét lần đến cái thuyết thâm-trầm sau. Vậy sau đây nói lần - lượt về thuyết « duy - lợi » (*l'utilitarisme*), thuyết « biến-hóa » (*l'évolutionnisme*), rồi đến học-thuyết của ông KANT (Khang-đức, 1724-1804), thuyết này có ý cao-thâm hơn cả.

Thuyết « duy-lợi », cổ-nhân cũng đã từng biết, nhưng đến đời nay mới lập-thành thống-hệ. Thuyết này khởi-diễn từ một sự kinh-nghiệm tâm-thường như sau này : là người ta ai cũng muốn được sung-sướng. Vậy thời phải nghĩ đặt ra một cái thuật, cái phép gì, để dạy cho người ta biết đường sung-sướng. Cứ một phương-diện ấy, thời hai nhà lĩnh-tự phái này là ông BENTHAM (người Anh, tàu dịch là Biền-tầm, 1748-1832) và ông STUART MILL (người Anh, tàu dịch là Ti-thoát-Mân, 1806-1873) chẳng qua cũng là tổ-thuat ông EPICURE đời xưa

mà thôi. Nhưng mà xét kỹ ra, trong thuyết duy - lợi đời nay có hai cái khuynh-hướng khác hẳn thuyết duy-lợi đời xưa ; một là thuyết cũ chỉ chủ sự hạnh-phúc của cá - nhân, thuyết mới có ý chủ sự hạnh-phúc cả xã-hội, nghĩa là muốn điều - hòa cái sung-sướng của mỗi người với cái sung-sướng của nhiều người, khiến cho hai bên đỡ lộn lăm một ; hai là tuy thuyết mới cũng như thuyết cũ không có khởi-diễn từ cái lòng đạo-đức cố-hữu của người ta, song cũng có ý muốn khoáng-trương cái quan-niệm về sự hạnh-phúc cho đến bao-gồm được cả nhân-loại. Lại những lời khuyên-răn cũng muốn làm ra mệnh - lệnh ; cũng nói về nghĩa-vụ, về quyền-lợi, về điều thiện, điều ác, tính tốt, tính xấu ; nói tóm lại, cũng công - nhận rằng phạm làm người ai cũng có cái bụng tự-tôn, tự-trọng, muốn cho có một cái nhân-cách thanh-cao thời mới hưởng được cái hạnh-phúc hoàn-toàn.

Thuyết « biến - hóa » thời cứ xét trong sách - vở ông HERBERT SPENCER (người Anh, tàu dịch là Ti-tân-tắc, 1820-1903), tựa-hồ như không thoát - li ra ngoài phạm - vi thuyết duy - lợi. Như xem lời kết-luận về cách ăn-ở thời chẳng qua cũng là chỉ-dẫn cho người ta cái phương-pháp tiện-lợi để cho cá-nhân cùng xã - hội được mau tới cõi hạnh-phúc. Nhưng mà đó là cái biểu-diện mà thôi, chính cái đặc - sắc của thuyết biến-hóa là cho mục-dịch luân-lý - học là dùng phép khoa - học mà khảo-xét về sự đạo-đức, coi sự đạo-đức cũng như một sự-vật có thể thực-nghiệm được. Vấn-đề phải khảo-sát là thế này : Sự đạo - đức xuất - hiện thế nào, biến-hóa trong không-gian thời gian thế nào, theo những phép-tắc gì ? Nếu đứng vào phương-diện này mà khảo-sát, thời chắc rằng sự đạo - đức biến-hóa hay là tiến-hóa, cái cứu-cánh hay là cái kết-quả không phải là sự hạnh-

phúc cho cá - nhân hay cho xã - hội được; vì rằng sự hạnh - phúc là gì? Chẳng qua là một cái khoái-lạc chỉ từ người ta ai nấy biết lấy mà thôi, khoa-học khảo-sát thực-nghiệm làm sao cho được; có lẽ sự biến - hóa càng thâm thòì cái cảm-giác ấy lại càng nhạt đi vậy. Kết-quả sự biến - hóa, chính là người ta với xã - hội thích - hợp lẫn nhau, sự thích-hợp (*adaptation*) ấy là một cái hiện-tượng thuộc về khách-quan (*phénomène objectif*), không giống sự hạnh-phúc là cái hiện-tượng thuộc về chủ-quan (*subjectif*); thuộc về khách-quan thòì, có thể kinh-nghiệm khảo-sát được, nhưng đã thuộc về khách-quan thòì không phải là một cái tinh-cảm riêng trong lòng người mà là một cái phép-tắc chung của sự-vật. Cho nên nói rằng thuyết này mà kết-luận về hạnh - phúc, chẳng qua là ở ngoài biểu-diện, một sự ngẫu-nhiên đó mà thôi. Vả lại sự thích-hợp trong thuyết biến - hóa là công tác - dụng của những nguyên - nhân thuộc về vật-lý, về xã - hội, đối với những nguyên - nhân ấy thòì các sự tin-ngưỡng về đạo-đức của mỗi người ta, cùng những lý-thuyết về luân-lý của nhà triết-học, không có ảnh-hưởng gì.

Gần giống thuyết biến-hóa, có thuyết « thực-nghiệm » (*le positivisme*), thuyết này cũng chỉ chủ nghiên-cứu giải-thích về luân-lý, mà không định phép-tắc cho cách ăn-ở, nhưng có khác một chút, là lấy sự tiến-hóa về đường đạo-đức ở cái lòng yêu người hơn yêu mình, bác-ái hơn duy-kỷ.

Đến học-thuyết ông KANT mới thật là quan-trọng. Ông thường tự-ti ông là một tay COPERNIC trong thuần-lý-học (*le Copernic de la métaphysique*). COPERNIC là nhà thiên-văn học nước Ba-lan (Pologne) trước nhất phát minh ra trái đất quay quanh mình và quay quanh mặt trời, người đương-thòì nói là ông chuyển-dịch cái cột-cái của thế-giới.

Ông KANT cũng là chuyển-dịch cái cột-cái của thế-giới, nhưng là trong thế-giới vô-hình, trong tinh-thần tâm-tinh người ta; ông khởi ra một sự cách-mệnh về luân - lý - học cũng to bằng sự cách-mệnh của ông COPERNIC về thiên-văn-học.

Trước nhất ông xưng lên rằng sự đạo-đức là một sự hồn-nhiên, đặc-biệt, vốn vẫn có trong lòng người, và không thể hóa-phân ra được. Người ta tuy không bao giờ mong thực-hành cho hoàn-toàn được, nhưng bao giờ đối với sự đạo-đức cũng có một cái quan-niệm rất phân-minh chắc - chắn. Có đạo-đức, nghĩa là có cái tư-cách ăn-ở không phải vì một cái lợi gì, dù lợi cao-thượng đến đâu mặc dầu, cũng không phải vì một cái tình gì, dù tình quảng-dại đến đâu mặc-dầu, nhưng cốt để thuận một cái lý-tưởng thuần-túy, lý-tưởng ấy là lý-lương Nghĩa-vụ (*le Devoir*), mà nghĩa-vụ là một cái mệnh-lệnh phổ-thông tuyệt-dịch, mệnh-lệnh ấy bắt ta « phải ăn - ở làm sao cho cái cách ăn-ở của ta có thể đem làm phép-tắc chung cho vũ-trụ được ». Việc đạo-đức vì nghĩa-vụ mà làm là việc tối-lương-bảo, dầu kết-quả thế nào mặc-dầu, vì là việc tuyệt không vị lợi.

Vậy thòì luân-lý đối với triết-học, đối với khoa-học, đều là độc-lập cả; luân-lý không thuộc về thuần-túy lý-tinh (*la raison pure*) mà thuộc về thực-tiến lý-tinh (*la raison pratique*). Luân-lý cũng có một cái tinh-cách đích-xác, tuy không đích - xác như triết - lý, nhưng cũng phân-minh và vị-tất đũ cao-thượng kém.

Cái quan-niệm về nghĩa-vụ tự nó rõ-ràng sáng - sủa, không những nó không phải suy-diễn ở một lẽ triết-học khoa-học nào mà ra, mà duy có nó mới có thể phát-minh được cho ta những cái « nguyên - tưởng » vô-hình vô-ảnh, tịch-mịch u-âm, bàng-bạc uất-

tích ở trong những cái « hiện-tượng » phân-vấn phồn-tạp, trình bày ra trước mắt ta; những nguyên-tượng ấy thời không triết-học khoa-học nào là có thể khám-phá được.

Đã có cái quan-niệm dịch-xác về nghĩa-vụ, tất cả cái quan-niệm dịch-xác về sự tự-do, có tự-do mới có đạo-đức được. Vậy thời tuy vật-chất-giới là cõi muôn cái hiện-tượng trình-bày ra đều theo những phép-tắc nhất-định của trời-đất, và có thể thời mới có thể học-vấn kinh-nghiệm được, nhưng tinh-thần-giới thời thực là nơi hoàn-toàn tự-do, người ta có cái lòng tin-ngưỡng về đạo-đức mới vào tới đó được, và đó là chỗ không sự học-vấn, sự kinh-nghiệm nào tới được.

Không những luân-lý không phải gốc tự triết-lý, mà luân-lý lại làm gốc

cho triết-lý, định-tính-cách, định-giới-hạn cho triết-lý. Triết-học muốn cho chánh-dáng, chỉ có thể gồm những tôn-chỉ cũ, luân-lý, mà những tôn-chỉ này lại không có thể sát-nghiệm được, chỉ có thể tin-ngưỡng mà thôi. Nhưng nếu hiểu triết-học như vậy, thời triết-học không phải là triết-học nữa, thành ra tôn-giáo rồi: cho nên có nhà phê-bình đã nói rằng triết-học của ông KANT chính là « tôn-giáo ở trong phạm-vi lý-tính, chính là Thiên-chúa-giáo thu lại cho hợp với lý-tính vậy ». Lại có người nói: Ông KANT có thể gọi là một nhà « thần-học » cuối cùng của Giáo-hội vậy (*le dernier des Pères de l'Eglise*).

(Còn nữa)

THƯỢNG-CHI biên-dịch

TRÍCH-DỊCH CÁC DANH-VĂN TÂY VỀ LUÂN-LÝ-HỌC

Majesté de la loi morale.

Deux choses remplissent l'âme d'une admiration et d'un respect toujours renaissants: et qui s'accroissent à mesure que la pensée y revient plus souvent et s'y applique davantage: le ciel étoilé au-dessus de nous, la loi morale au dedans. Je n'ai pas besoin de les chercher et de les deviner comme si elles étaient enveloppées de nuages ou placées au delà de mon horizon dans une région inaccessible; je les vois devant moi, et je les rattache immédiatement à la conscience de mon intelligence. La première, de la place que j'occupe dans le monde extérieur, étend le rapport de mon être avec les choses sensibles à tout cet immense espace où les mondes s'ajoutent aux mondes et les systèmes aux systèmes, et à toute la

Uỷ-nghiêm tôn-trọng thay là phép luân-lý!

Có hai sự làm cho lòng người cảm-phục tôn-kính vô-cùng, càng lưu-tâm chú-ý, lại càng thêm kính thêm phục: một là cái cảnh trời sao ở trên đầu, hai là cái phép đạo-đức ở trong lòng. Ta không cần phải tìm mới thấy, ta không cần phải đoán mới biết, như tìm hay đoán cái gì ẩn ở trong đám vân-vụ hay đứng ở nơi xa mặt-mù; ta trông thấy hiển-nhiên ở trước mắt, ta liền lấy tri-tuệ cảm-giác ngay. Cứ địa-vị ta trong vũ-trụ, thời cái cảnh thứ nhất nó làm cho sự quan-hệ của bản-thân ta với cảnh-vật bên ngoài, khoáng-trương ra đến bao-gồm được cả cái không-gian vô-cùng là nơi thế-giới nọ liền với thế-giới kia, bộ sao này tiếp

durée sans borne de leurs mouvements périodiques. La seconde sort de mon invincible moi, de ma personnalité et me place dans un monde qui possède la véritable infinitude, mais où l'entendement seul peut pénétrer, et auquel je me reconnais lié par un rapport non plus seulement contingent mais universel et nécessaire (rapport que j'étends à tous les mondes visibles). Dans l'une, la vue d'une multitude innombrable de mondes anéantit presque mon importance, en tant que je me considère comme une créature animale qui après avoir (on ne sait comment) joui de la vie pendant un court espace de temps, doit rendre la matière qu'elle est formée à la matière qu'elle habite, et qui n'est elle-même qu'un point dans l'univers. L'autre, au contraire, relève infiniment ma valeur comme intelligence, par ma personnalité dans laquelle la loi morale me révèle une vie indépendante de l'animalité et même de tout le monde sensible, autant du moins qu'on en peut juger par la destination que cette loi assigne à mon existence, et qui, loin d'être bornée aux conditions et aux limites de cette vie, s'étend à l'infini.

KANT

(Critique de la Raison pratique,

Traduction Barni)

Giải-thích. — Đoạn này trích trong sách « Thuyết-tiên-lý-tính phê-phán-luận (*Critique de la raison pratique*) của ông KANT (tên dịch là Khang-đức), cực-tả cái giá-trị của hai chữ đạo-đức. Đại-khái nói trong trời đất chỉ có hai vật khiến cho người ta nhìn đến, nghĩ đến, sinh lòng cảm-phục vô-cùng: một là cái cảnh ban đêm khiến cho người ta nhìn đến, nghĩ đến, sinh lòng các tinh-tú vô-vân, vũ-tru mênh-mông bát-ngát, thân mình nhỏ mọn tí-tí, mới biết giống người hèn-mọn thật; hai là những khi ngắm-ngẫm xét đến chốn tâm-lý u-thâm, thấy hai chữ đạo-đức chiếu-diệu, tâm thần tuy vi-diệu, cõi lòng thật mênh-mang, mới biết giống người cao-thượng quan-niệm dưới thời người ta vì có trí-tuệ có thể bao-quát được hết cả. Ông PASCAL nước Pháp qu'un roseau, mais c'est un roseau pensant), cũng là đồng một ý ấy. Nhưng cái trí-tuệ kia, sự tư-tưởng này, lấy gì làm tiêu-chuẩn? Theo ông KANT thời tiêu-chuẩn ấy, tức là cái phép đạo

với bộ sao khác, hằng-hà-sa-số, không thể tư-lường, cùng cả cái thời-gian vô-tận là nơi các bộ sao cùng thể-giới ấy hằng-thường luân-chuyển, không bao giờ dừng. Cái phép thứ nhì thời tự trong bản-thân vô-dịch, tự trong nhân-cách thanh-cao của ta mà ra, và đề ta vào một cõi thể-giới, cõi này mới thật là vô-cùng-tận, nhưng duy có trí-giác ta mới tới được, và đối với cõi thể-giới ấy ta thấy ta có một cái quan-hệ không những là « thẳng-nhiên », mà lại là « tất-nhiên » và phổ-cập nữa (cái quan-hệ ấy tự ta lại khoáng-trương ra mà bao-gồm cả các thể-giới khác thuộc về hình-nhi-hạ). Đứng trong cái cảnh trên mà ta lấy thân ta là một con động-vật, không biết vì cớ gì được hưởng sống trong một khoảng thời-giờ ngắn-ngủ, rồi lại phải đem cái vật-chất nặn ra mình hoàn-trả lại nơi vật-chất mình sinh-trưởng, chính nơi ấy cũng chỉ là cái chấm trong vũ-tru, lấy cái thân nhỏ-mọn ấy mà xem cái cảnh thể-giới vô-vân kia, thời tưởng mình không bằng một mảy bụi. Nhưng xét đến phép dưới mới thật là chứng rõ cái giá-trị ta là một giống khôn-ngoan, là vì nhân-cách của ta, trong nhân-cách ấy có cái phép đạo-đức nó bày cho ta một cuộc sinh-hoạt siêu-việt hẳn ra ngoài vật-giới, và ra ngoài cả cái thể-giới hữu-hình nữa, cứ suy ở cái mục-dịch mà phép ấy định cho cuộc đời ta, mục-dịch không hạn-chế trong phạm-vi đời người mà khoáng-trương tới nơi cùng-cực, thời đủ biết vậy.

đức ở trong lòng. Hết-thấy các sự-vật trong hết-thấy các thể-giới thuộc về « hình-nhi-hạ » (nghĩa là mắt thấy tai nghe được) hay là « hình-nhi-thượng » (nghĩa là chỉ có trí nghĩ tới), đều là hiện-tượng (*phénomènes*), cả, duy có phép đạo-đức ở trong lòng là cái « nguyên-tượng » (*noumène*) tuyệt-dịch. Hiện-tượng là những vật khi hiện ra, khi biến mất, như cái bão-ảnh vậy. Nguyên-tượng là vĩnh-viễn tự-tại, tuyệt-đối vô-song. Người ta đủ đem tinh-thần tiêu-dao trong vũ-tru, đi Đông, đi Tây, đi Nam, đi Bắc, chẳng qua như đem đôi con mắt mờ-màng mà xem trò chớp ảnh, phút hiện ra, phút biến đi; nhưng đến khi phản-hồi trong lòng, bao giờ cũng thấy hai chữ đạo-đức vắng-vực như hai vầng nhật-nguyệt chiếu-diệu một cõi tâm-gian; các cảnh-tượng trên kia là thuộc về hằng-nhiên (*l'accidentel, le contingent*), nghĩa là vụt lại, vụt đi, không gì bằng-cứ; duy phép đạo-đức này là thuộc về « tất-nhiên » (*le nécessaire, l'absolu*), nghĩa là không có không được, tất có mới nên. Cho nên đối với sự-vật khác, người ta hoặc có thể cưỡng mà không tồn-hai đến nhân-cách, đối với phép đạo-đức, người ta nếu cố-chỉ cưỡng thôi tất bại-hoại nhân-cách ngay, vì đạo-đức sai-khiến, là tuyệt-đối mệnh-lệnh (*impératif catégorique*), nghĩa là cái lệnh truyền không thể nào cãi, không thể nào cưỡng được. Lệnh ấy truyền rằng: « Người ta ở đời phải ăn-ở làm sao cho cái cách ăn-ở của mình có thể làm mẫu-nhào cho cả thế-gian » (*Agis de telle sorte que le principe de ta conduite puisse servir de règle à tout l'univers*).

Coi đó thời biết cái luân-lý-học-thuyết của ông KANT cao-thượng biết dường nào! Ông KANT đã đặt cái đạo-đức lên một địa-vị rất cao-trong, rất tôn-nghiêm, đủ làm nền làm gốc cho nhân-loại muôn đời vậy.

— Đoạn văn dịch trên đây chính là một kiểu văn triết-lý của Âu-châu, rất là thâm-trầm huyền-áo, khó cho người dịch, khó cho người đọc, nhưng đọc kỹ mới hội được cái ý-nghĩa sâu-xa.

LUÂN-LÝ ĐỐI VỚI KHOA-HỌC THỂ NÀO?

I. Bản-chi đã mấy lần giới-thiệu cho các bạn đọc báo biết cố HUE, tên An-nam là Cố Chính Hương, biệt-hiệu là « Tây-dương xử-sĩ ». Tiên-sinh là người Tây mà văn Nam chữ Hán thông-thạo ít ai bằng. Tiên-sinh gần đây có soạn một tập đề là « Minh-giao xích-dục », xuất-bản lần từng số, hiện nay đã đến số 8, có ý mượn thể thư-trát vãng-lai, đề giảng về nghĩa đạo Thiên-Chùa, lối văn thật hợp thể quốc-văn hiện-thời, tương mới đọc không ai biết là người Tây viết. Bản-chi Chu-but thường tiếp chuyện Tiên-sinh, có khen ngài viết văn quốc-ngữ đã giỏi lắm, ngài cười mà đáp rằng: « Đó là nhờ các báo quốc-ngữ, và thư nhất là qui-tập-chi đã có công gây thành một lối nam-văn mới. »

Lời nói ấy thật là làm vẻ-vang cho bản-chi, và cũng là một lời tưởng-lệ cho vậy.

Tập Minh-giao xích-dục số thư 8 bàn về « Luân-lý đối với Khoa-học », chính là vấn-đề bản-chi đương nghiên-cứu. Vậy bản-chi có xin phép Tiên-sinh cho trích-lục như sau này, trước là giúp về sự khảo-sát các luân-lý-học-thuyết của Thái-Tây, sau đề các ngài duyệt báo biết một nhà tây-nho viết

(1) Số thứ 1 - Sao có người không đi đạo?

- 2 - Đạo nào cũng quý, đạo nào cũng trọng.
- 3 - Bức Kuông-tử có giữ đạo-giáo nào không?
- 4 - Đạo tại tâm.
- 5 - Đi đạo bỏ cha bỏ mẹ...!
- 6 - Phương nào đạo ấy?
- 7 - Đã giữ luân-lý, đi đạo làm gì?
- 8 - Luân-lý đối với Khoa-học.

văn quốc-ngữ thể nào, tưởng đồng-bào ta nhiều người cũng có thể lấy đây làm gương, vì lời văn nghiêm-chỉnh, dụng chữ không lảm, và lý-luận xác-tạc.

Trong khoảng nửa thế-kỷ nay, các khoa - học cách-trị thịnh-hành, nhiều nhà tri-thức bên Âu - Tây lấy lẽ thần-quyền không đủ làm gốc cho luân-lý, bèn thủ lấy phép khoa-học mà chứng giải các lẽ ăn-ở trên đời. Bởi thế, trong luân-lý-học-giới phát - minh ra nhiều học - thuyết mới. Tây - dương-tiên-sinh bình-phẩm hết các học-thuyết ấy, xét ra chưa thuyết nào được hoàn-toàn. Xin cứ y nguyên-văn lục đăng bài bình - luận của Tiên - sinh như sau này, không chữa sửa một chữ nào.

N. - P.

...BERTHELOT tiên-sinh là bậc trước-danh trong hóa-học-giới. Ông dạy rằng : « Luân-lý ví như hóa-học. Hóa-phản-tính-tình người, xét cái nào thiện, cái nào ác, thì có thể suy-diễn được công-lệ cho biết cái gì nên làm, cái gì nên đừng »

Nhưng ngặt vì một nỗi rằng : Tiên-sinh tị-trần mà chưa tìm được toàn-chất nào để hóa-giải tình-tính, cùng phân-biệt thiện-ác !

METCHNIKOFF tiên-sinh là tay chuyên-môn về y-học. Ông rằng : « Tinh tã đức chính, bất-quá như là tật-bệnh kiện-lực của thân-thể ; thí-nghiệm ra, cũng có thể trừ tà bỗ chính được, cho thành bộ-luân-lý. » — Ủ, ta chờ bao giờ tiên-sinh bào-chế được phương được trừ-tà bỗ-chính bấy giờ sẽ hay !

Phải luân - lý biến - hóa (*Morale évolutionniste*) có ông LÉVY-BRUHL và ông DURKHEIM thủ-xướng trước. Hai tiên-sinh rằng : « Luân-lý không tuyệt-dịch đâu, bèn là đối-dịch, hằng biến-cải tùy thời, tùy xứ, tùy người. Ở đâu, hiện cái gì cho là phải hay trái, ai ở đấy bấy giờ, cứ theo hay lánh tùy đó ».

Nói thế, cũng có điều phải, cũng có điều sai : điều phải, bởi vì đạo-giáo nào cũng có phát-sienn ; điều sai, vì chừng tuy rằng phát-sienn, nhưng vẫn có mấy điều làm như nền luân-lý, mà bất phân phương-xứ nào, vẫn thấy cố-định bất-dịch. Chừng như sát-nhân, gian-dâm, trộm-cướp, dối-trá, đầu-đầu cũng kể là tội. Nghĩa luân-thường, ai

nấy cũng cho là phải, kẻ xả-sinh thú-nghĩa, người làm phúc xá tội, đều được thiên-hạ khen. Đó quen gọi là điều cận-tiếp của luân-lý. Còn những điều viễn-cách kia, quả thị nhân-loại đạt tới dần dần. Xưa Khổng-tử cũng nhận nghĩa ấy, nên chỉ trong Luận-Ngữ ngài rằng : « Đạo luân-lý ví như đi xa, là cần bắt đầu đi từ gần ; lại ví như lên đồng cao, cần bắt đầu từ đồng thấp. » (*Đạo lịch như hành viễn, tất tỵ nhĩ ; lịch như dăng cao, tất tỵ tị*). Mà luân - lý tôn - giáo cũng theo công-lệ ấy. Tuy rằng về lý-luận vẫn cố-định tuyệt-dịch, nhưng phần thực-hành, hằng chuyển-hóa. Như đời cổ, nhân dân Do-thái ngoan-ngược thảo-muội, thì qui-luật còn làm thịnh thối súc-thệ, lệ thù-oán. Nhưng từ khi Đức Chúa Giê-su xuống thế, Người khởi-phục nền luân-lý cho chu-đáo, cùng làm gương cho đời. Bồn-đạo cứ đó mà noi theo. Gia-dĩ có Thánh-Giáo-Hội cầm cương nầy mực, nên chỉ không ơ lảm-lạc nữa.

Còn luân-lý biến-hóa, thật là khó thi-hành. Cái dĩ-vãng, đã cũ rich mất rồi ; cái tương-lai, chưa tìm đâu thấy. Họ bảo rằng : « Ở đâu, cứ luân-lý hiện-thời ở đấy. » Nhưng khốn một điều : khắp xã-hội biết mấy luân-lý : kẻ thủ-cự, người tối-tàn ; dây ngưng-trệ, kia cấp-tiên ! Muốn theo phần đa-số, nhớ câu : « Qui hồ tinh, bất quĩ hồ đa. » Toan vào đảng thiểu-số, lại e nghĩa : « quĩ bất dịch chúng » ; thật là tiến-thoái lưỡng-nan, Nhất-sinh những

ngóng nghe bao giờ luân-lý thiên binh vạn trượng kia có đình-dậu lại cho mình theo ! Gia-dĩ, có ai bướng-ngạnh làm điều dị-kỳ, hoặc có kẻ can ngăn mà hần thưa rằng : ta biến-hóa đấy, thì lấy lẽ gì mà khuyến-trở ? Khi nước binh-trị còn khá, nhưng ngộ gặp buổi loạn-lý thì sao ?

Phái luân-lý xã-hội (*morale sociologique*) thưa rằng : “ Có quyền-bình xã-hội chi-phối, ai nấy nên tuân theo. Sống giữa xã-hội, thì nhờ xã-hội nhiều. Đã nhờ, thế tất phải trả nghĩa.”

Ai ai cũng thừa-nhận rằng : cá-nhân nhờ xã-hội nhiều thật. Dẫu vậy, tưởng xã-hội không đủ tư-cách mà làm chuẩn-dịch luân-lý. Có nhiều lẽ làm chứng điều ấy.

Trước hết, xã-hội không quán-triệt hết các nghĩa-vụ. Biết bao nhiêu việc không quan-hệ đến xã-hội, mà thiên-hạ kẻ là tội ? Nhất là những tình-tính trong lòng.

Sau nữa, xã-hội chỉ khiến được việc ngoài, còn ý-chí, thật không đạt tới. Và lại dẫu các tội bề ngoài, lắm lúc xã-hội cũng không trị được, như khi tìm nơi vắng-khuất, lúc lập mưu kín-dào ; hay là khi kẻ làm can giỡ là người có vảy có cánh, không ai dám dă-dộng đến. Và chẳng nữa, mấy lần xã-hội xử ức, xử thiên, xử lăm ? Dẫu xử phải nữa, chính xã-hội lấy gì làm chuẩn-dịch ? Có phải điều gì xã-hội dạy mà nên cả hay sao ? Thế chẳng hóa ra lấy xã-hội như thần ru ! Ôi ! từ xưa đến nay, biết bao nhiêu tội, nhân chủ-nghĩa xã-hội, nhân lý-tưởng quốc-gia mà dă thi-thổ khắp hoàn-cầu ! Xét lịch-sử thì rõ. Như thuở trước, khi Thánh-Giáo Hội chưa thủ-xương chủ-nghĩa phóng-nô, các nước bắt người làm nô-lệ, thế có hợp luân-lý hay không ? Như mới rồi, nước Đức thi-hành những kế-hoạch dă-man, toan bá-dồ thế-giới, thế có phải lẽ hay không ? Vì bằng

chịu là tội, thì mới rõ cũng có lúc xã-hội lăm-lỗi. Đã lăm-lỗi, lấy ai mà chỉnh lại ? Lấy cá-nhân chứ ! Ấy là nói về thời bình-thường, còn khi gặp buổi thương-luân bại-lý, biết đâu mà theo ? Bấy giờ càng cần phải nhờ luân-lý cá-nhân cho khỏi sóng dồi-phong vũi-lấp mất cả xã-hội. Nhưng ngặt một lẽ rằng : luân-lý xã-hội lại khinh-miệt cá-nhân quá độ. Theo phái ấy, luân-lý không phải từ trong mà diễn ra, bên là từ ngoài mà nhiểm vào. Cá-nhân cứ diềm-nhiên mà tiếp-thụ. Thiết-tưởng nói thế là không phải : vừa trái thực-tế, vừa phá trách-nhiệm, vừa trở tiến-hóa.

Đã nói : trái thực-tế, vì chừng ai ai cũng nhận-chân rằng : cá-nhân có quyền tự-chủ, có sức phản-động, đến nỗi chỉ-trích cả việc xã-hội được : hay thì khen, dở thì chê. Thậm-chi lúc mình làm điều phi-lý mà công-chúng ca-tụng, thì mình biết tự-sĩ.

Cá-nhân chẳng những là bình-phẩm xã-hội, mà lại có lực kháng-cự nữa. Xem truyện các bậc anh-hùng ở đời thì biết. Vì lẽ ấy, khi xưa Đức Khổng-tử khuyên bảo môn-dệ Phàn-Tri rằng : “ Đang tại gia, ở cung kính ; liệu việc, ở kinh cần ; giao-thiệp cùng người, ở trung-tín ; dẫu vào măn-mọi, không nên bỏ ” (*Cư xử, cung ; chấp sự, kính, dữ nhân, trung ; tuy chi di thu, bất khả khi dă !*) Câu ấy thật là câu cảnh-thế. Có ngụ một ý-nghĩa thiết-thời, tưởng ai nấy nên nghĩ. Đời nay, khắp hoàn-cầu, các xã-hội, trình-độ luân-lý sai-biệt. Vậy thì ai ở nước văn-minh mà di-cư đến xứ bán-khai, phải nên biết kháng-cự, chớ đứng theo thói-tục dă-man dân thổ-trước.

Cá-nhân chẳng những bình-phẩm, chẳng những kháng-cự, mà lại có sức biến-hoán cả xã-hội được. Một lần Đức Khổng-tử toan vào ở với chín dân mọi. Có kẻ can gián rằng : “ Các chúng hủ-lậu ; nỡ nào làm thế ? ” Ngải đáp lại rằng : “ Quân tử ở với

nó, nó có hủ-lậu gì nữa đâu ?» (*Quán tử cư chi, hà lậu chi hữu?*) Cũng vì một chủ-nghĩa ấy, ở Bắc-kỳ, mới năm kia, có mấy nhà thượng-lưu sáng-lập hội « Khai Tri Tiến Đức », chủ-ý là cảm-hóa phong-tục nước nhà. Đã thế thì đủ chứng-rằng : cá-nhân không giữ thái-độ thụ-động mà thôi đâu, bèn có thể cải-quan cả thiên-hạ. Mà có muốn biến-hoán cả xã-hội, thì chỉ lấy luân-lý cá-nhân làm chuẩn-dịch, hoặc luân-lý tôn-giáo, hoặc luân-lý thiên-nhiên, tùy người ta có đạo hay không.

Đã nói : phá trách-nhiệm, bởi vì cứ luân-lý xã-hội, ai ai cứ-động, chỉ tuân theo lệnh quyền trên, hoặc bắt chước phần đa-số. Thế không nên trách ai phải trái hay dở nữa, chỉ nên trách xã-hội.

Đã nói : trở tiến-hóa. Vì chưng, nếu loài người nhất-loạt chỉ manh-tông xã-hội, thì mất chi phát-khởi, mà đã không phát-khởi nữa, lấy đâu mà tiến-hóa ?

Xét bấy nhiêu lẽ, mới rõ-ràng : luân-lý xã-hội thật là không hợp lẽ. Vả chẳng những là không hợp lẽ mà lại còn vô-hiệu nữa, chỉ tổ làm cho nhân-quần một ngày một điên-bại.

Nà luân-lý xã-hội, có luân-lý liên-lạc (*morale de la solidarité*). Dạy rằng : « Ai sống ở đời, thì nhờ người nhiều. Đã nhờ người, phải cho người nhờ mình : một người cho mọi người, mọi người cho một người ! »

Có được thế thì hay quá. Chính hợp với chủ-nghĩa Công-Giáo hằng truyền cho bốn đạo phải thương người bằng mình. Lại hợp với cả luân-lý Đức-Không-tử thường khuyên môn-dệ rằng : « Cái gì mình không muốn, chớ làm cho người » (*Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân*). Nghe lời kinh-diễn thì hay, nhưng xét hiện-tình ở đời, lại thấy khác xa lắm. Chính trong gia-đình, anh em thực là tình cốt-nhục mà còn sinh ra lắm nỗi huynh - đệ huých-tưởng ; huống chi

ngoài xã-hội ! Ai ai chỉ tư-tư đồ-lợi. Bên An-nam có hai tục-ngữ làm chứng điều ấy rõ-ràng. Một câu nói : « Cá lớn nuốt cá bé. » Một câu nữa rằng : « Cá vù lấp miệng em ! » Mà thật. Biết bao nhiêu kẻ kiến lợi vong nghĩa ? Mấy người ích-kỷ hại-nhân ? Nhất là ở đời tranh-cạnh kịch-liệt này. Tai thường nghe chủ-nghĩa ưu thắng liệt bại ; mắt hằng xem cảnh-tượng cường-giả lừng-nhược. Người vong-kỉ ái-nhân ; kẻ xá-sinh thủ-nghĩa, thật là hãn-hữu như sừng lân long phượng ! Liên-lạc thì có, nhưng chỉ bọn hào-cường hòa-dâm mà đàn-áp lũ nhu-nhược. Cực chẳng đã, bọn nhu-nhược mới lại phải liên-hợp để kháng-cự. Tưởng nghĩa liên-lạc khó thành nên luân-lý được !

Tương-tự luân-lý liên-lạc, có luân-lý công-ích (*Intérêt général*). Dạy rằng : « ai ai nên bỏ tư-lợi để liệu công-ích. »

Chủ-nghĩa ấy, cứ chính-lý, đã khó nghe. Bởi vì tư-lợi có lắm, công-ích mới nhiều. Nhưng bề thực-hành lại càng khó. An-nam có tục-ngữ rằng : « Canh chung không ai tra muối. » Ôi ! ở đời, tình tham vô-cùng, ai nấy chỉ muốn sấm của cho nhiều ; không mấy kẻ chịu mất của cho ai. Biết bao giờ công-ích cần hơn tư-lợi ? Sao bảo tôi bỏ tư-lợi của tôi, mà không bảo người kia ? Sao bắt tôi xống vào giữa mũi tên hòn đạn mà để người kia thúc-thủ tọa-thị ? Trong chiến-cuộc không-tiền tuyệt-hậu vừa rồi, mấy kẻ giả-công tế-tư ? mấy kẻ đầu-cơ hoành-phát ?

Vì thế có kẻ đề-xướng luân-tý tư-lợi (*Intérêt privé*). Nhưng tế-cứu ra, tưởng không phải vì mình lợi hay hại, mà việc thiện hay ác đi được. Vả lại, biết bao nhiêu khi tư-lợi nghịch với nghĩa-vụ ! Mấy lần vì cần-thù chức-trách mà thụ-hại ! Gia-dĩ tư-lợi bất-thường ; không biết lấy gì làm chuẩn-dịch mà lường. Vả dẫu lợi, cũng có thể từ bỏ, mà dẫu hại, cũng có thể theo-liệu ; nên chi tư-lợi không có thể-lực

cưỡng-bách ai. Vì lẽ đó, không làm cùng-dịch luân-lý được. Đức Khổng-tử cũng hợp ý mà rằng : « Ai cứ theo đuổi lợi, mà làm, thì sinh nhiều cái oán » (*Phóng ư lợi nhi hành, đa oán*). Nơi khác, *Luận-ngữ* rằng : « Thấy được lợi, phải nhớ đến nghĩa » (*Kiên đắc, tư nghĩa* !)

Kể luân-lý tư-lợi, thì có luân-lý khoái-lạc (*Morale du plaisir*). Dạy rằng : « Được hạnh-phúc là tại có trật-tự ; mà mất trật-tự là tại thị-dục. Và thị-dục lại chia làm ba thứ. Một là thị-dục cần-yếu, như là ăn uống. Hai là thị-dục vô-bỏ, như là của mỹ-vị cao-lương. Ba là thị-dục thiên-tà, như là gian-dâm. Quán-tử tiết hẳn thị-dục hạng ba ; hạn-chế thị-dục hạng nhì ; dong-thứ thị-dục hạng nhất, thế là hoàn-thiện. »

Nhưng tưởng nói thế là không hợp-lý. Vì chừng nền luân-lý phải có nhất-dịnh, mà khoái-lạc lại là bất-thường. Rồi đến lúc nghĩa-vụ với khoái-lạc mâu-thuẫn, lấy lẽ gì mà phân-giải ? Có kẻ thừa rằng : làm việc nghĩa-cử là đủ sướng ; làm điều phi-pháp, là đủ khổ. Nói thế thì nói, nhưng xét tình-cảnh ở đời, kẻ đam về khoái-lạc mà bỏ nghĩa-vụ, có khi chiếm phần đa-số. Chonên đức Khổng-tử phân-nân rằng : « Tôi chưa thấy ai mến nhân-đức như mến nhan-sắc. » (*Ngô vị kiến hiếu đức như hiếu sắc giả dã*.) Và lại, chiếu thường, chỉ những người lương-thiện, lương-tâm mới oán trách là khổ ; còn những quân vô-lại, những đồ vô-liêm-xĩ, dường như lương-tâm tiêu-ma mất rồi, nào có thấy cần rút gì đâu ?

Giống luân-lý khoái-lạc, lại có luân-lý cảm-tình (*Morale du sentiment*) mà luân-lý ấy mới lại càng kém sút nữa. Dạy rằng : « Cái gì ta ưa, thì là nên, cái gì ta ghét, thì là không nên. »

Kể nào thần-hồn được quân-bình, hoặc có giữ phép được ít nhiều chăng. Còn dư giả thì sao ? Cảm-tình hay

thay đổi lắm. Mỗi người cảm-xúc mỗi lúc mỗi khác ; nữa là nhiều người. Có kẻ vô-tình ; có kẻ đa-cảm ; có kẻ nhu-cảm. Cũng một việc, mà ba bậc người ấy đổi khác nhau. Lấy tiêu-chuẩn nào mà phân-biệt phải trái ? Thế mới rõ dùng cảm-tình mà thống-đốc trong luân-lý-giới thật là nguy-ngập-

Trái hẳn với luân-lý cảm-tình, thì có luân lý kiên-nhẫn (*Morale stoicienne*). Phái ấy đề xướng hai chủ-nghĩa : « Giới kị, kiên nhẫn » (*Abstienstoi ! supporte!*) Ai tán dương thì mặc ; ai vũ-nhục thì kệ. Cái gì phải, cứ làm ; cái gì trái, thì đừng. Quý hồ nhân kị nhân ».

Thoạt nghe nói, tưởng luân-lý thế là phải. Song xét kỹ ra, mới hay rằng cao-siêu quá, không hợp với tình-tình loài người. Về sự giới-kị, người ta sống ở đời, không phải loài mộc - thạch. Khi tình-tình xu-hướng về đảng chính, không nên cấm-trở làm chi. Chân-lý, thiện-phúc, mỹ - hảo, khoái-lạc, đều hấp-dẫn thần-hồn như trọng-lực hấp-dẫn hòn chì kia. Có khuynh-đảo về đảng tà, mới nên cầm hãm. Phần chủ-nghĩa kiên-nhẫn cũng quá-khắc. Đối với vạn-vật, loài người có sức phản-dộng, không nên nhất-thiết giữ thế thụ-dộng. Chỉ lúc bất-dắc-dĩ, mình chống không nổi, bấy giờ mới phải chịu, còn thì nên nỗ-lực mà cự lại như tục-ngữ rằng : « Nhân định thắng thiên. »

Bây giờ nói về luân-lý Ý-lực (*Morale des Idées-Forces*). FOUILLÉE tiên-sinh dạy rằng : « Trong tư-tưởng-giới, có mấy ý-lực mãnh-dũng, được sức cổ-xúy ta noi theo. — Và những ý-lực ấy, càng cao-viên càng ức-bách. »

Ý-kiến tiên-sinh vì như tuyệt-dịch mệnh-lệnh của KANT tiên-sinh (*Impératif catégorique*). Nhưng thiền nghĩ rằng : đảng chính cũng có ý-lực, mà đảng tà cũng có ý-lực. Người vong-kỷ ái-nhân thì có ; nhưng kẻ kiến-lợi vong-nghĩa cũng nhiều. Đương cuộc tranh-

chiến kinh-thiên động-dịa vừa rồi, lắm kẻ tuần-tiết, nhưng mấy kẻ đào-trận ? Sáo cũng một ý-lực, lúc hiệu lúc không ? Là tại vì những ý-lực ấy còn phải tùy từng người. Ai lấy làm tin, thì mới thiêng. Không lấy làm tin, thật là vô-hỗ. Mà có hỗ, là vì dùng ý-lực khác làm chuẩn-dịch, hoặc tư-lợi, hoặc thị-dục. Và lấy tiêu-chuẩn đầu mà phân-biệt ý-lực nào nên theo, ý-lực nào nên bỏ ? Không thấy nói.

FAGUET tiên-sinh nghĩ đến những điều khuyết-diểm ấy, thì đề-xương luân-lý danh-dự (*Morale de l'honneur*). Ngài rằng : « Phải nên làm thế nào cho không hổ với mình, không thẹn với đời »

Luân-lý ấy dựa vào hai nền : một là lòng tự-tôn ; hai là lời dư-luận. Lòng tự-tôn khích-thích ta làm những nghĩa-vụ chỉ mình ta biết ; lời dư-luận chủ về những việc thiên-hạ mắt thấy tai nghe.

Thuộc lòng tự-tôn, xét nghề thế, hồ-đề đã có mấy ai biết qui-trọng phẩm-già của mình ? Mấy kẻ tuần giữ được nghĩa « thân kì độc » ? Xưa Đức Không-tử rằng : « Quân tử tưởng đến nhân-dức, tiểu-nhân tưởng đến thổ » (*Quân tử hoai đức, tiểu nhân hoai thổ*).

Phần lời dư-luận, có chắc gì mình làm phải mà người ta khen ? Cuộc bao-biếm ở đời, lắm khi lắm, thiên, hoặc ưc ! Nhớ lời Mạnh-tử rằng : « Có cái vinh-dự không ai ngờ. Có kẻ cầu toàn-dức mà bị hủy-báng » (*Hữu bất ngờ chi dự ; hữu cầu toàn chi hủy*).

Vả chẳng nữa, bá nhân bá khẩu, kẻ khen người chê, biết đâu ai phải ai trái ? Tục-ngữ an-nam rằng : « Không ai uốn câu cho vừa miệng cá. » Ôi ! lựa miệng đời thật là khó !

Gia-chi-đĩ cái danh-dự, cái tu-nhục, đều theo việc cả. Nghĩa là làm rồi, người ta mới khen hoặc chê. Nhưng khi ai định xướng-suất chủ-nghĩa mới, biết thế nào là phải là trái ?

Độ nửa thế-kỷ này, mới xuất-hiện một môn luân-lý gọi là luân-lý tiên-dịnh (*Morale déterministe*). Các bậc lĩnh-tụ dạy rằng : « Người ta làm các việc gì, là không thể dừng được. Cái gì làm nên, là tại có nguyên-nhân trước. Cái hiện-tại là kết-quả cái dĩ-vãng, lại là nguyên-nhân cái tương-lai ». Nhưng khi hỏi họ nguyên-nhân là thế nào, thì mỗi người giải nghĩa mỗi cách.

Phái tinh-tú tiên-dịnh (*Déterminisme astrologique*) dạy rằng : « Loài người cử-chỉ là tại có sao có số. »

Đấy là trò trẻ con, không thêm nói.

Phái triết-học tiên-dịnh (*Déterminisme métaphysique*) dạy rằng : « Có quả, tất tại có nhân. » Thiết-sử có tự-nhằm hóa ra tự mình mà tạo thành một cái gì chưa có, té ra có quả mà không có nhân.

Nói thế tưởng là vô lý. Việc sau ở trong việc trước như cây ở trong hạt. Tự mình, hạt không mọc, phải nhờ sức đất khi trời mới nở. Cũng vậy, việc sau chưa ngấm-ngấm trong việc trước, quyền tự-do, chỉ làm cho diễn-xuất ra mà thôi. Gia-đĩ giả-sử hai việc trước sau rõ bằng nhau, cả chu-vi động-tác hóa ra đình-trệ. Quả có hơn nhân, mới có cơ tiến-hóa.

Phái vật-lý tiên-dịnh (*Déterminisme physique*). Dạy rằng : « Vũ-trụ là bế-tỏa chi thống-hệ (*système clos*). Số-lượng nghị-lực vẫn nguyên, chỉ di-chuyển mà thôi. Không có nghị-lực ở ngoài phụ vào. Có biến-hóa, là tại nội-lực. Vì vậy không tài nào mà nhận quyền tự-do ! »

Nhưng chỉ phản-nán vì một điều, là họ không đem lẽ nào làm chứng về hai điều cốt-tử của họ : là thống-hệ bế-tỏa, với lại lệ bảo-tồn nghị-lực (*conservation de l'énergie*). Riêng về lệ sau đây, trong cơ-khi-học, cũng có khi thí-nghiệm ra được hai nghị-lực biệt-chủng mà tương-hoán-cải, như động-lực với

hiệt-lực, nhiệt-lực với quang-lực. Song cũng có lúc nghị-lực suy-vi (*dégradation de l'énergie*). Ấy nói nguyên về vật-chất. Hóa ra, chính về vật-chất mà lẽ ấy còn chưa dich-xác. Mà dầu dich-xác, chỉ ứng-dụng vào vật-chất, chứ lấy lẽ dầu mà làm chứng-lẽ ấy cũng đặc-nghi về linh-chất. Cho rằng : đặc nghi cả về linh-chất nữa, cũng chưa hề chi. Vì chưng quyền tự-do, khi thì không sản-xuất nghị-lực nào sốt, một hăm lại tài-năng ; lúc thì chỉ làm cho biến-hoán nghị-lực trong chu-vi linh-hồn, bởi vì các việc tri-thức, chí-nguyện, ký-ức, đều tự tâm-chỉ diễn-xuất tất. Đã thế, thì có trở-ngại gì đến quyền tự-do đâu ?

Phải tâm-lý tiên-định (*Déterminisme psychologique*) dạy rằng : « Tâm tình vốn xu-hướng về đảng nào mình nghĩ hay hơn. Đã nghĩ hay hơn tất phải theo, không theo thì là ngu. Thế là không có quyền tự-do ! »

Cho biết rằng hay hơn hoặc kém hơn, phải so hai lý-tưởng. Nhưng lắm khi chỉ một lý-tưởng cổ lệ ta làm. Bây giờ thế nào ? Mà dầu có hai lý-tưởng nữa, lấy tiêu-chuẩn dầu mà phân-bien cái nào hơn cái nào kém ? Đã nói rằng : chọn vì tốt ; lại rằng : tốt vì chọn, thế ra quanh-co vòng bí. Sau hết cho rằng : chọn đảng tốt hơn, nhưng cũng có thể được cứ tự-do mà chọn. Lý-tưởng có thúc-phục đâu ? Khi làm việc gì, vẫn tự-giác rằng : đừng hay làm việc khác cũng được.

Phải di-truyền tiên-định (*Déterminisme atavique*), dạy rằng : « Con cái làm, là tự bẩm-tính cha mẹ di-truyền cho ».

Có hai tục-ngữ an-nam chủ vào vấn đề ấy. Một câu rằng : « Cha nào, con ấy. » Một câu rằng : « Sinh con, ai nỡ sinh lòng ? » Lắm khi con nhà gia-giáo sau thành ra dưng-tử ; nhiều lần con cái cha mẹ không dạy, hoặc làm gương xấu mà lại nên người đạo-đức. Xét thế thì đủ chứng rằng : lý-thuyết di-truyền còn là lỗ-mổ lắm. Vả chẳng, nếu có

thật nữa, thì mất cả đạo hiếu. Con cái hiếu-kính vì đã nhờ tiên-nhân. Thế nhưng nếu tiên-nhân chịu lự-tiền-định chẳng công ơn gì nữa, bởi vì cái thế không dùng được. Vì cũng một lẽ ấy, tiên-nhân không có trách-nhiệm với con cháu về sau. Dầu dự-đoán rằng vì tội mình phạm bây giờ, về sau con cháu bị hại lây, mình đến phàn-nàn là cùng, bởi vì không tài nào dùng được.

Suy bấy nhiêu lẽ ấy mới rõ rằng : môn tiên-định luân-lý chẳng những là không có lý, mà lại làm hại cả cá-nhân, cả gia-đình, cả xã-hội. Nếu việc gì cũng cần sao lại có những thói khuyên, cấm, thưởng, phạt, khen, chê ?

Trên này đã lược-cử mấy môn luân-lý-khoa-học. Kê-cử lý-luận ra, đã rõ rằng còn khuy-khuyết nhiều. Hoặc xét nghiệm thực-hành, lại càng thấy lang-tạ nữa. Từ khi khu-trục tôn-giáo ra khỏi phạm-vi luân-lý, nghĩa luân-thường ngày suy-nhược đi, số trọng-tội ngày tăng-bội lên, mà bọn thiếu-niên càng phóng-dăng lắm. Thế là mình-chứng rằng : dầu khoa-học có thể kê sô những nghĩa-vụ của nhân-loại đối với bản-thân cùng xã-hội, song không có phương-sách nào chinh-dáng mà phân tà chính, chỉ thi-nghiệm hiện-tượng mà thôi ; và cũng không có thể-lực bắt-buộc người theo, chẳng những là vì lý-thuyết còn ức-đặc nhiều, mà lại vì ai nấy cũng có quyền tự-chủ, không ai ép ai được. Trừ phi Thiên-Chúa, mình trách-nhiệm với ai ? mình chịu tội với tòa nào ?

Hóa ra từ khi xướng - suất luân-lý khoa-học, vẫn chưa chấn-chỉnh được thống-hệ nào hoàn-thiện. Mỗi năm thấy một phái mới lộ-hiện ra, mà ai gây nên thì chê những người trước là thất-thố, chỉ mình tìm kiếm được một môn luân-lý toàn-hảo....

Cố Chính Hương

(Révérend Père Hue,

Provinciaire apostolique, Hưng-hóa)

CÁC THỜI-KỲ LỚN TRONG LỊCH-SỬ VĂN-MINH THẾ-GIỚI

Xét riêng từng dân từng nước, thời mỗi nước mỗi dân có một cái văn-hóa riêng, khác với văn-hóa của các dân các nước khác. Nhưng xét chung cả vạn-quốc trong thế-giới, thời hình như cả nhân-loại đều theo một con đường tiến-hóa chung, trải đời ấy sang đời khác, từ dã-man đến bán-khai, từ bán-khai đến văn-minh, tới ngày nay thời đã đến một cõi văn-hóa đại-đồng, tuy ở trong có dân hơn dân kém, trình-độ sai nhau, mà xét đại-thể thời cũng là thuộc vào một thời-kỳ trong lịch-sử. Cho nên nhà sử-học xét về văn-minh tiến-hóa, có thể theo hai phương-diện khác nhau : một là khảo về lịch-sử văn-minh riêng của từng nước, hai là khảo về lịch-sử văn-minh chung cả thế-giới. Phương-diện trên là phương-diện chuyên-môn, phương-diện dưới là phương-diện tổng-quát. Chuyên-môn thời vụ cho tình-trường, tổng-quát thời chủ lấy khắp-đủ. Một thế-kỷ về trước, chợ đời chưa mở-mang, các nước còn bế-căng, nhà sử-học đâu có tài bao-quát đến đâu cũng không mong lý-hội được hết các việc của vạn-quốc ; cho nên tuy nước nào có lịch-sử nước ấy, biên-chép rõ-ràng, mà chưa ai tổng-hợp cả sử riêng của các nước, làm ra một bộ sử chung của nhân-loại, cho biết giống người ta từ khi mới xuất-hiện trên mặt đất đã qua bao nhiêu trình-độ mới tới ngày nay, và trong cái công khai-hóa chung của thế-giới, mỗi dân mỗi nước đã giúp được phần nào. Ngày nay khoa-học tiến-tới, vạn-quốc thông-đồng, việc một trăm năm trước chưa ai làm, bây giờ đã nhiều người chuyên-trị, và những sách về « Thế-giới văn-minh sử » hiện nay ở nước nào cũng đã có. Song bao-gồm cả lịch-sử loài người, từ thuở ăn lông ở lỗ cho đến đời

tàu lặn tàu bay, phạm-vi không khỏi to-tát quá, dù nhà bác-học tận-tụy một đời cũng chưa mong khảo-cứu được khắp, chẳng qua là phác-họa được cái đại-cương mà thôi. Bởi thế nên các nhà sử-học chuyên-trị về lịch-sử văn-minh thế-giới, thường chia ra những thời-kỳ lớn, mỗi thời-kỳ đối với một việc đại-sự hay là một cuộc đại-biến trong thiên-hạ, có ảnh-hưởng sâu đến cuộc tiến-hóa chung, mỗi thời-kỳ cách nhau tới trăm nghìn năm, khác nào như cắm mốc trên con đường dài, mỗi cái xa nhau tới trăm nghìn thước vậy. Những cái mốc ấy, người đi đường tất phải biết, mới do được bước đường mình đã đi, rõ được trình-độ mình đã tới, và ngó thấy tiền-đồ sắp đến nơi. Bởi thế nên người học-thức ở đời này, không thể không biết qua các thời-kỳ lớn trong lịch-sử văn-minh thế-giới; mục-dịch bài này chính là giúp cho các nhà hiều-học trong nước ta muốn nghiên-cứu về phương-diện ấy.

* *

1. Người ta xuất-hiện từ đời nào?— Các nhà địa-chất-học (*les géologues*), nghĩa là học về chất vỏ địa-cầu, chia trong đất có bốn tầng lớn, gọi là « thạch-hệ » (*ères ou époques géologiques*), mỗi tầng đối với một thời-kỳ trong lịch-sử địa-cầu. Thuộc về đệ-nhất và đệ-nhi thạch-hệ (*époques primaire et secondaire*), thời trên mặt đất mới có những giống cá lớn, rắn lớn, voi lớn, ngày nay đào sâu trong đất hãy còn thấy xương. Đến cuối đệ-tam thạch-hệ (*tertiaire*) và đầu đệ-tứ thạch-hệ (*quaternaire*) mới thấy có xương người, nghĩa là người mới bắt đầu xuất-hiện trên địa-cầu từ bấy giờ. Người về đời đệ-tam thạch-hệ còn mộc-mạc lắm, không

khác gì các giống thú, song cũng đã có chút trí khôn. Trên mặt đất đời bấy giờ chỉ những hồ nước cùng đầm lầy, lẫn với cây-cối ùm-tùm, rừng hoang cỏ rậm, khí-hậu trung-bình là 29, 30 độ. Giống vật thời có những tê, tượng, cá sấu, voi to, trâu lớn, chạy ngồn-ngang từng đàn. Sinh ra giữa trong các giống ấy, thời có giống người ta. Hình-thể thấp và mập, lưng hơi khum-khum, hàm dưới giở ra, sắc da vàng-vàng, mũi lõng-hung-hung, chưa biết ăn-mặc gì cả, mới biết kết cành cây thành cái túp, cùng vợ con ăn ở đó. Sức mạnh thời kém các giống vật ở quanh mình nhiều, nhưng được hơn là giống biết tư-tưởng. Muốn chống-giữ với các giống vật thời nghĩ ra những đồ dùng, những khí-giới, như cái cào (*le grattoir*), cái khoan (*le perçoir*), làm bằng những mảnh đá lửa (*silex*); lại dùng những mảnh đá sắc cạnh nhọn đầu, đóng vào đầu gậy, chỉ có thể mà săn, mà câu được những giống khác mạnh hơn mình. Lại nhờ thêm các cây cỏ, cũng đủ cung sự ăn dùng. Bấy giờ chưa có gì gọi là kỹ-nghệ cả, vì trí khôn người ta chỉ chăm-chăm cả về việc chống-giữ với giống vật, phòng-bị cùng năng mưa. Song, tuy đã-mạn như vậy mà đã phát-mình được một vật rất quý, là lửa.—Đó là thời-kỳ thứ nhất trong lịch-sử văn-minh của loài người. Các sách sử gọi người bấy giờ là người đời đệ-tam thạch-hệ (*l'homme tertiaire*).

2. *Đời đá mộc*. — Đến đời đệ-tứ thạch-hệ (*époque quaternaire*) là thời-kỳ còn đương bây giờ, thời mới thật là bắt đầu văn-minh, đầu còn thô-lược lắm mà về đường công-nghệ, mỹ-thuật, xã-hội, đã thấy có phát-khởi. Trên mặt đất thời nước đã nguội dần mà thành băng-tuyết, khí-hậu bớt nóng, người ta phải kiếm áo mặc cho ấm, chỗ ở cho kín. Thuộc về thời-kỳ này, các nhà bác-học đã phát-mình được nhiều giống người,

tùy tìm thấy xương ở nơi nào thì đặt tên theo nơi ấy, như giống người *Chelles* và *Saint Acheul*, giống người *Moustier*, giống người *Cronstadt*, giống người *Solutré*, *Madeleine*, *Cro-Magnon*, v.v... mỗi giống đều có đặc-tính khác nhau. Các đồ dùng cùng khí-giới tìm được kẻ hàng nghìn cái, sánh với những khí-cụ về thời-kỳ trước đã thấy chế khéo hơn và hình to hơn nhiều: cái cào, cái khoan, cái cưa, mảnh đá sắc cạnh dùng làm dao, lại thêm những đồ bằng xương, như cái dùi, cái lẹm, v.v. Người đời này không cao, không thấp, mà có sức-lực, vẫn chuyên nghề săn câu như trước. Chưa biết cất nhà cửa, phải tìm những nơi hang-hốc tự-nhiên mà ở, và đã biết hợp-quần. Mặc thời dùng những da giống vật đã biết cất biết xếp lại thành áo. Lại những lúc thu-nhàn thời đục vào xương, trạm lên đá các hình người hình vật dễ chơi: ấy là mỹ-thuật mầm-mống từ đó.— Thời-kỳ này gọi là « đời đá mộc » (*âge de la pierre brute*), nghĩa là dùng những đồ bằng đá nguyên tảng mảnh.

3. *Đời đá chuốt*. — Tạo-vật đối với người ta mỗi ngày một nhân-hậu, thời người ta cũng mỗi ngày một biến cải cách sinh-hoạt. Không chuyên một nghề săn câu, mà kiêm cả nghề mục-súc. Ngoài hoa quả tự-nhiên, lại trồng-trọt thêm các giống: lúa mì, lúa gạo, lúa mạch, cây gai, cây lê, cây táo. Đã biết cất nhà cửa, thường thường là lối nhà sàn (*sur pilotis*); ở nơi hang hốc thời đã biết sửa sang ở trong; lại biết ở liền nhau lại thành làng thành xóm. Đồ dùng và khí-giới thời có cái búa bằng đá chuốt, cái cuốc bằng xương hươu, đầu lao đầu tên nhọn, dao găm bằng đá lửa, v.v; lại có mấy cái bát cái lọ bằng đất, nghĩa là đã bắt đầu có đồ-đạc trong nhà. Lại xét ra đã thấy biết đào hầm đào hố để lấy các thứ đá cần dùng. Lại cũng có lẽ đã biết buồn đi bán lại những thứ đá ấy, vì thường thấy chất

từng đồng đầy. Lại biết dệt vải dễ làm áo mặc; đeo những vòng những kiềng bằng đá làm đồ tư-trang; xếp đá làm hang ổ, làm má chôn, làm tháp thờ. Thời-kỳ này trong sách gọi là « đời đá chuốt » (*âge de la pierre polie*), vì đã biết chuốt đá làm đồ dùng; còn tên nữa là « tân-thạch-dại » (*néolithique*) đối với đời trước là « cựu-thạch-dại », (*paléolithique*).

4. **Đời kim-loại.**— Đến đời kim-loại thời người ta đã biết cấy bừa, biết xây dựng, biết chế quần áo mặc, biết dùng đồ tư-trang, lại có đủ khí-giới mà phòng-bị chống-giữ được mạnh hơn. Những đồ dùng như cái búa, cái kéo, cái kim, cái ghim, cái vòng, cái kiềng, cái bình, cái lọ, cái cây, cái bừa, các thứ dao cạo, các thứ gươm giáo; ngày nay tìm thấy hàng nghìn cái ở những nơi có người ở đời bấy giờ, không kể những đồ dùng bằng đá cũ, những cối xay cối đá, v.v. Người đời kim-loại đã nuôi những giống gia-súc như chó, ngựa (người ta có tìm thấy những ghàn thiếc ngựa về đời bấy giờ), gà vịt, v.v. Thường ở trên nhà sàn, nhưng cũng biết xây nhà ở lưng chừng núi làm thành từng làng có thành-lũy chung-quanh; nhà thời bằng đá hay bằng đất, lại thường có một tầng gác nữa. Ngày nay đào thấy những mồ-mả về đời bấy giờ, trong thấy có những áo bằng nỉ, áo lót mình, quần đùi, giày. Đồ tư-trang nhiều lắm; lại có những chén, những lọ, những tượng nhỏ; đủ biết rằng mĩ-thuật đã phát-đạt. Đời kim-loại này hồi đầu mới biết dùng các thứ đồng thiếc (*bronze*) đồng thau (*cuivre*), rồi mãi đến sau mới phát-mình ra sắt, và chế ra những lò để nấu quặng sắt, đến bấy giờ thời các đồ đồng đã thành ra cổ lắm rồi. Kể từ khi tìm được sắt, chế ra mũi gươm mũi lao, là người ta bắt đầu vào một thời-kỳ mới trong lịch-sử văn-minh, tức là thời-kỳ bấy giờ

vậy. Cùng là một đời kim-loại (*âge du métal*), mà đời dùng đồng, đời dùng sắt cách xa nhau biết bao nhiêu!

5. **Lối ở hồ.**— Chỗ nào có hồ, có bùng (là đồng lầy), có vàm (là cửa sông), thời người ta chôn cột bắc sàn làm nhà ở, lập thành từng làng từng xóm trên mặt nước. Các sách sử gọi lối sinh-hoạt trên nước như thế là « lối ở nhà sàn » (*palafittisme*, do tiếng Ý-đại-lợi *palafitti*, nghĩa là cái cột cừ), lại có tên nữa là « văn-minh ở hồ » (*civilisation lacustre*). Cứ thực thời trong lịch-sử không có thời-kỳ nào rõ hẳn là « đời ở hồ ». Dầu về đời đá chuốt hay đời kim-loại, người ta cũng đã từng ở hồ, và hiện bây giờ nhiều nơi vẫn còn thế. Nhưng xét ra thời lối sinh-hoạt này thịnh-hành nhất vào khoảng hai mươi thế-kỷ trước kỷ-nguyên-tây-lịch.

Cái cảnh-tượng nhà sàn, đại-khai như thế này: mấy cái cọc cây chôn xuống nước, trên bắc một cái sàn, trên nữa dựng cái lều hay cái túp tròn bằng cây và bằng đất chất, mái lợp bằng rơm; ngoài bắc cái thang lên, lại có cái cầu nổi với bờ. Còn duyên-do sở dĩ làm sao mà sinh ra cách ở trên nước như vậy, thời có lẽ là vì sự phòng-bị cho dễ-dàng, và sự kiếm ăn bằng đánh cá. Nhiều làng xóm ở trên hồ như thế bị hỏa-hoạn tiêu-diệt hết: ngày này mò dưới đáy hồ thấy những đồ dùng bằng gỗ, bằng đá, bằng xương, bằng kim-loại, bây giờ còn như sưa một lượt mờ-hong đen, thời đủ biết.

6. **Lối ở hang.**— Ngoài lối ở hồ ấy, lại còn lối ở hang (*le troglodytisme*), cũng không phải là một thời-kỳ đặc-biệt trong lịch-sử, và thường đồng-thời với đời dùng đá, đời kim-loại, cũng như lối ở hồ trên kia. Kể ra thời lối ở hang này đời nào cũng từng có, tùy nơi tùy xứ, nhất là ở những chỗ có thứ đá mềm nước xoáy vào thành hốc, hay là người ta đào xẽ được. Lối ở

hang cũng có quan-hệ với mĩ-thuật, vì cách sửa-sang trong hang đã tỏ được cái tài khéo-léo của người ta, như ở Ai-cập có nhiều đền thờ làm trong núi đá, trạm đục đã khéo lắm.

Lối ở hang này, không phải là chỉ một vài cái hang ở cách-biệt nhau, thường là nhiều cái ở liền thành làng thành xóm, có đường ngõ thông nhau. Thường ở trong lại đặt gác đặt hầm, chia ra từng gian, từng « phòng », chỗ ở, chỗ chứa đồ ăn, chỗ ăn mình khi nguy-hiểm ; ngoài có tầng đá lớn để đóng lại làm cửa. Ngày nay còn nhiều nơi di-tích, nhà khảo-cổ vào xem, thấy đồ-đạc la-liệt, chẳng khác gì một chốn bảo-tàng về đời thượng-cổ vậy.

7. Văn-minh Ai-cập. — Mấy thời-kỳ kể trên đó là thuộc về đời chưa có sử-ký, các nhà khảo-cổ ngày nay phải sưu-tầm những vật d -lịch về các đời ấy mà ước-đạc ra tuổi, không lấy gì làm chứng-cứ xác-thực. Cho nên các sách sử gọi những đời ấy là đời « sử-ký dĩ-tiền » (*périodes préhistoriques*), nghĩa là về trước khi có sử chép. Kể từ khi có sử đến giờ, thời dân-tộc có tên trong văn-minh sử trước nhất là dân Ai-cập (*Egypte*), thuộc vào khoảng sáu ngàn năm trước kỷ-nguyên tây-lịch. Dân này hồi đầu vừa ở hồ vừa ở hang, mà lối ở hang thịnh hơn nhất ; hoặc đào vào núi đá, hoặc đắp đá thành nhà, xây đá thành tháp, để làm chốn ở cho người sống, nơi chôn cho kẻ chết. Những tháp nhọn đầu, gọi là « kim-tự-tháp » (*pyramides*) cao tới hơn trăm thước tây, sừng-sực ở giữa đám sa-mạc Ai-cập đời nay, thật là minh-chứng hiển-nhiên về sự văn-minh của dân Ai-cập đời bấy giờ, dầu người đời nay trông thấy cũng phải khiếp sợ cái công-trình to-tát. Dân chuyên nghề mục-súc canh-nông, nhờ được đất bồi của con sông Ni-la (*Nil*) thổ-địa rất là phì-nhiều, nên văn-minh mới được sậu-phát như thế. Đồ khi-giới, đồ dụng-cụ, đồ ăn-mặc,

đồ trang-sức, đại-đề cũng không khác gì các đời trước thuộc về sử-ký dĩ-tiền. Nhưng nhờ được đất tốt dễ kiếm ăn, chóng giàu có, dân cần tục thuần, vua hiền quan giỏi, trải 26 triều vua, thái-bình thịnh-trì, gây nên một nền văn-hóa rất là rực-rỡ về-vang, thật không phụ tên các nhà sử-học đã gọi cho là tỉ-lỗ văn-minh thế-giới. Nào là chính-trị, nào là luân-lý, nào là mĩ-thuật, nào là kiến-chúc, đều phát-minh ra trước nhất, văn-minh đời nay thật là đắp gốc xây nền từ đấy vậy.

Ngày nay cứ nói đến tên những tháp lớn nơi *Gizeh*, đền dài cùng cung-diện ở thành *Thèbes*, ở *Louqsor* và ở *Karnak*, lăng-tăm trong « Lăng Vua » (*Vallée des Rois*), tượng Đai Nhân-sư (*le Grand Sphinx*), tượng thần *Memnon* (*Memnon*), v.v. cũng khá trông-kiến cái vẻ sán-lạn đương thời. Vua Ai-cập đời bấy giờ gọi là « Hoa-long » (*Pharaons*), cầm quyền chuyên chế trong một đế-quốc lớn, mỗi tỉnh phải một quan tổng-dốc cai-trị ; bao nhiêu luật-lệnh, hình-án cầm cả trong tay ; song tuy chuyên-chế mà cũng biết lo sự công-tích cho dân, như đắp đê, đào sông, v.v. toàn là những việc lợi-nông-cải. Vua lại tự xưng là giòng dõi thần-minh, có cái tính-cách « thần-thánh bất khả xâm-phạm », nhân đó dựng ra một nền tôn-giáo trọng tinh-thần ; có người nói đạo Hi-lạp, đạo Thiên-chúa sau này cũng có phần uyên-nguyên tự đó.

8. Văn-minh Can-đê và A-tây-li. — Cứ các nhà sử-học đã phát-minh thời những nước văn-minh sớm phần nhiều là những nước thổ-địa tốt, mà những nước thổ-địa tốt là những nước có sông lớn bồi đắp. Ai-cập thời có con sông Ni-la. Đối với Ai-cập, cách bề Địa-trung, ở bên Á-âu cũng có một cõi đất có hai con sông lớn chảy (sông *Tigre* và sông *Euphrate*), cõi đất ấy trong sách địa-dư thường gọi là Tiểu-Á-tế-a (*Asie mineure*). Gần đồng-thời với Ai-

cập, ở Tiều-Á-tế-á có hai nước Can-dê (*Chaldée*) và A-tây-li (*Assyrie*) cũng biệt-lập ra một nền văn-minh tốt-đẹp. Các nhà sử-học nói rằng nhân-loại chính nhờ hai dân ấy mà sớm biết những phép chiến-tranh cùng thuật toán-số. Người Can-dê (*Chaldéens*) chuyên-trị về thiên-văn-học thâm lâm, biết phân-biệt các hành-tinh cùng định-tinh, đo-lường năm tháng, định thập-nhị-chi (*Zodiaque*), tinh nguyệt-thực, và phát-minh ra cái bản đồ bóng mặt trời (*cadran solaire*). Nhưng trong thiên-văn-học của họ còn thiên về phần mê-tin, lấy rằng tinh-tú chuyển-vận trên trời có quan-hệ đến nhân-sự, nên có những thầy chiêm-tinh-sư (*astrologues*) đoán việc đời bằng tinh-tú và bịa đặt ra những phù-trừ thuốc tiên. Người Can-dê lại sở-trường về các môn số-học nữa, định ra các cân thước đo lường, thông-dụng trong thiên-hạ đời bấy giờ.

Người A-tây-li (*Assyriens*) thời lấy việc chiến-tranh làm một nghề trong nước, đặt ra bộ-binh, kỵ-binh, công-binh, biết dùng lời-phục, đào hầm-hố, dùng công-kích-xa (*chars d'assaut*), lại thi-hành những cách tàn-nhân như triệt-hạ thành-trị, chu-lục nhân-dân, sát-hại chiến-tù, đồ-lưu từng trăm nghìn dân; thật là cái chính-sách các dân-tộc cùng-binh-độc-võ xưa nay. Rồi khi chiến-tranh thời người Can-dê và người A-tây-li đem công kiến - chúc, thật là sa-xỉ; lại cũng phóng-túng chơi-bời, cực-kỳ dâm-dăng. Trong sử còn chép những tên vua *Ninus* chinh-phục tứ phương đã nổi tiếng; bà nữ-hoàng *Sémiramis*, gọi là « bà vua xây dựng », vì đã xây không biết bao nhiêu là cung-điện; vua *Sardanapale* có tiếng là một bậc « dâm-quân »; ngày nay đọc đến tên các bậc ấy mà tưởng-tượng đến những đền-đài cung-điện to-lớn la-lùng ở thành Ba-ti-luân (*Babylone*) và thành Ni-ni-duy (*Ninive*), cùng những cách ăn-chơi phóng-túng thật vô-độ.

Nói tóm lại, văn-minh hai dân Can-dê và A-tây-li là một cái văn-minh kỳ-quặc, hi-dại, phóng-dăng, sa-hoa.

2. Văn-minh Do-thái. — Người Do-thái (*Hébreux*) trong khoảng hai-mươi thế-kỷ trước kỷ-nguyên đã qua khắp các trình-độ về văn-minh cổ-dại: trước còn là dân du-mục di-cư đi từng đám đông; sau khi tìm được đất *Chanaan* thời thành ra dân định-cư; đến sau hợp cả các bộ-lạc lại làm một nước, đặt đô ở thành *Jérusalem* (Nhật-lỗ-tát-lam). Nước ấy gọi là nước *Israël* (Y-lạc-nhĩ). Nước *Israël* về đời vua *David* đã được một hồi nổi tiếng về võ-công, và về đời vua *Salomon* toàn-thịnh về thương-nghiệp. Nhưng mà cái danh-dựt-tối-cao của dân này là sự quan-niệm ra một bậc Thiên-Đế độc-nhất vô-nhị, làm chúa-tể cả vạn-vật, do trí người tưởng-tượng ra, chứ không lấy hình-ảnh mà vẽ được.

Ông Thiên-Đế ấy gọi là thần *Jéhovah* (Nhược-hoa) là chúa cả muôn loài, nhưng ủy-quyền cho các vua chúa dưới trần-gian để trị dân, vị nào được ủy-quyền như thế thời được Ngài chỉ cho phép Ngài gồm trong mười điều, gọi là « luật thập-diệu ». Nhân-dân ai trái luật thời trừng-trị một cách rất nghiêm-ngặt. Tội gì cũng xử và trị theo phép phản-tọa, tức là phép trả-thù (*le talion*), nghĩa là ai đã làm hại người thế nào thời bị người hại lại như thế, như giết người thời bị người giết, v.v. Nhưng to nhất trong các tội là tội theo những đạo dị-đoan (*Idolâtrie*). Một năm có những ngày lễ lớn như lễ « Phục-sinh » (*Pâques*), lễ « Ngũ-tuần » (*Pentecôte*), v.v., thời những nghi-lễ đặt ra thuần trọng về tinh-thần. Dân Do-thái bị tai-biến đã lắm phen, tuy vậy mà những kẻ tục gọi là đấng « tiên-trị » (*prophètes*) vẫn một lòng tin-cậy ở Thiên-Đế, cho nên dù bị giết-tróc lắm than cũng không đến nỗi thất-vọng, tức là dự-bị sẵn cho đạo Thiên-chúa sau này

thành-lập vậy. Cả dân chỉ tôn-sùng một quyền sách, gọi là sách « Thánh-thư » (*Bible*)

10. Văn-minh Phi-ni-tây. — Dân Phi-ni-tây (*Phéniciens*) là một dân nhỏ ở đất Tiểu Á-tế-á, men bờ Địa-trung-hải, mà đã từng có một cái địa-vị to trong lịch-sử văn-minh. Nơi men bề chỉ những núi đá, nhưng cũng có những cửa biển tốt, nên dân này sớm đã chuyên về nghề hàng-hải. Vì chuyên về nghề hàng-hải nên mới sinh ra đi thực-dân ở các nơi, thông-thương với các nước, lại mở công-nghệ để chế đồ mà bán ra ngoài, đặt thuyền tàn đễ chuyển-vận đi, đặt « đoàn buôn » (*caravanes*) để đi qua các miền sa-mạc mà kiếm những vật thô-sản, v. v. Đi đến đâu thời truyền-bá cái văn-minh của các nước đi qua, dựng các thương-điểm ở các nơi còn mọi-rợ, có khi lập thành ra thuộc-địa : như đảo *Chypre*, đảo *Rhodes*, đảo *Crète*, bắc-bộ châu Phi, nam-bộ nước Tây-ban-nha (*Espagne*) và nước *Gaule* (nước Pháp đời xưa). Nói tóm lại thời dân này tuy nhỏ mà thực đã hoành-hành trên mặt bể, thực-hành cái đế quốc chủ-nghĩa (*Impérialisme*) ngay từ đời bấy giờ vậy.

Trong nước chỉ có một cửa biển lớn, là cửa *Sidon*, rồi đến cửa *Tyr* (tức là thành *Marseille* về thế - kỷ thứ 14 đến thế - kỷ thứ 12 trước kỷ - nguyên). Nhưng mà có một đội thương-thuyền to, thuyền tàu kẻ hàng nghìn, đi các nơi buôn bán những thóc-lúa, kim-loại, súc-vật, gỗ, ngà, và buôn bán cả người làm nô-ti nữa. Chính trong nước thời không có thô-sản gì, nhưng mà đem các nguyên-liệu ở ngoài về, mở xưởng chế-hóa ra các đồ-hàng, đem bán cho các dân trong lưu-vực Địa-trung-hải. Đời bấy giờ đã biết cách

« chế hàng mớ » (*fabrication en série*), biết lập công-ti nặc-danh, biết phép kế-toán.

11. Văn - minh Ba-tur. — Vào khoảng thế-kỷ thứ sáu trước Gia-tô thời người Ba-tur (*Perse*) dấy lên, nghiêm-nhiên làm chủ-nhân-ông trong thế-giới Cận-Đông (1) đời bấy giờ. Văn-minh Ba-tur là dung-hợp đồng-hóa cả các văn-minh khác mà thành ra : như chính-trị theo Ai-cập, kiến-chúc và quân-chế theo A-tây-li, thủy-quân theo Phê-ni-tây, học-thuật theo Can - đê, nhưng tuy thái-hóa của người mà phát-siễn ra to-lớn tốt-đẹp hơn nhiều. Như cái chế-độ đặt các quan đô-đốc để cai-trị những hàng tỉnh lớn, mỗi người như một ông phó-vương có toàn-quyền trong tỉnh mình (tiếng tây gọi là *satrapisme*), cũng là một chế-độ to-tát lắm. Lại kinh-đô trong nước là thành *Persépolis*, thật là một cái thế-giới nhỏ, và vua *Darius* thời là một bậc đế-vương trong thiên-hạ cũng ít có. Một sự lạ trong văn-hóa Ba-tur, là người Ba-tur thuộc về giống A-lợi-á (*race Argyenne*) và tự đó giống A-lợi-á mới bắt đầu có địa-vị lớn trong lịch-sử thế-giới. Chính người Ba-tur đã dựng ra nền gốc luân-lý của ta bây giờ. Theo sách Ba-tur thời đạo luân-lý phát-minh từ ông thần *Zoroastre*, đạo ấy coi thế-giới như một nơi chiến-trường của Thiên-thần (*Ormuzd*) và Ác-thần (*Ahriman*), hai ông quyết-đấu với nhau từ khi khai thiên lập địa, và có lẽ đến buổi kiếp-hồi cũng vẫn còn, nhưng sau cùng Thiên-thần tất phải thắng ; bấy giờ thời khắp thế-giới đều được chân-chánh quang-minh. Còn đạo ở đời của người ta thời phải cấy đất cấy lúa để mà ăn, phải lập-thành gia-thất, phải nuôi nấng những giống vật hữu-ích, phải giữ lấy lòng thành, phải làm

(1) Người Âu-châu gọi Cận-Đông (*le Proche Orient*) là các nước từ Ấn-độ trở về Tây, vãi Viễn-Đông (*l'Extrême-Orient*) là các nước từ Ấn-độ trở về Đông, kể cả Ấn-độ. Thế-giới Cận-Đông ở đây là gồm cả các nước ở về phía Đông Địa-trung-hải, người đời bấy giờ biết.

những việc tốt. Vì dân Ba-tư sau này không biết giữ được trọn cái đạo chân-chính ấy và tập những thói kiêu-căng phóng-tung, nên mới bị thua người Hi-lạp ở bãi *Marathon*, ở bờ *Salamine*, và Đế-quốc Ba-tư đến tan-nát từ đó.

12. Văn-minh Hi-lạp. — Đuốc văn-minh sau cuộc chiến-tranh với Ba-tư thời truyền sang tay người Hi-lạp (*Grecs*). Người Hi-lạp, nhân cái văn-hóa cũ của Đông-phương, chất-lọc chỉnh-dốn lại, mà gây ra một nền văn-minh mới. Cái văn hóa cũ kia thường hay thiên-lệch thái-quá, văn-minh mới này thật là trung-bình điều-độ. Người Hi-lạp vốn trọng tinh-thần, ưa mỹ-thuật, trong khoảng hai trăm năm, từ ông *Solon* lập-pháp cho đến vua *Alexandre* (A-lich-sơn-dại) băng-hà, đã phát-minh ra những lý-tưởng về quốc gia, về pháp-luật, về khoa-học, về mỹ-thuật, về triết-học, một cách rất xuong-minh, và diễn các lý-tưởng ấy ra lời-lẽ đời nay. Nhờ các tiền-triết Hi-lạp mà người ta mới biết cái trách-nhiệm ở đời, nghĩa là biết những quyền-lợi cùng nghĩa-vụ của mình. Người Hi-lạp tuy cũng nhiều phen lập nên chiến-công, nhưng những chủ-nghĩa hòa-bình dân-chủ lại thịnh hơn: cho nên những tướng như *Thémistocle*, *Miltiade*, không phải là phát-biểu cái tinh-thần dân Hi-lạp bằng những nhà triết-học, văn-học, chính-trị như *Socrate* (Tô-cách-lạp-đề), *Aristophane*, *Périclès*. Người Hi-lạp vừa phát-minh các nghệ-thuật, mà lại vừa phát-minh ra cái nghĩa tự-do nữa: mấy bài kịch của nhà hùng-biến *Démosthène* công-kích vua *Philippe* muốn đem binh sang đánh thành Nhã-diễn (*Athènes*), giá-trị cũng chẳng kém gì những pho tượng của nhà điêu-khắc *Phidias*, Ngoại-giã thời truyện thần-tiên phong-thú làm cái nguồn cảm-hứng cho các tay mỹ-thuật; lễ bách-thần li-ký thật có làm vẻ rất nên thơ; cái khí-tượng lớn-lao của những bài ca ông *Homère*; cái khi-

vị bi-tráng trong những bài kịch ông *Eschyle*; cái triết-lý tinh-thần của ông *Epicure* cùng ông *Zénon*, thật đã khai đường mở lối cho triết-học tự cô-lai; trang-nghiêm như diện *Parthéon*, rực rỡ như hội thần *Minerve*, khôn-ngaoan như các cụ nguyên-lão trong hội nghị *Aréopage*, phong-nhã như các bậc tài-tử họp nhau ở nhà bà *Aspasie*, du-hí như những cuộc thể-thao trong trường *Stade*, hùng-biến như những bài diễn-thuyết trong chợ *Agora*; những cái tinh-thần hình-thức văn-minh ấy, thời đầu quân Mã-kỳ-dốn (*Macedonens*) sang xâm-lấn, hay là quân La-mã (*Romain*) đến chinh-phục cũng không đời nào phá-hoại cho được. Thành ra dân Hi-lạp, đầu sau bị thất-bại, mà bao giờ vẫn là ông thầy dạy văn-minh cho thế-giới vậy.

13. Văn-minh La-mã. — Cả lịch-sử cùng văn-minh dân La-mã chỉ tóm trong hai chữ, mà bao-gồm biết bao nhiêu công việc: một là chinh-phục thế-giới, hai là kinh-luân thiên-hạ. Thế-giới cùng thiên-hạ đời bấy giờ là cái khu-vực Địa-trung-hải và những xứ ở tiếp quanh. Trong bảy thế-kỷ La-mã theo Dân-chính (*République*), thời người La-mã đánh Đông-phạt Tây, chinh-phục và lợi-dụng các xứ; trong hai hay là ba thế-kỷ theo Đế-chính (*Empire*) thời ra công kinh-luân cai-trị những xứ đã chinh-phục được. Dân La-mã vốn là một dân có kỷ-luật, có kiên-nhẫn, biết ái-quốc, nên hồi giao-chiến với thành *Carthage*, đánh được thành *Carthage*, giao-chiến với Đông-dế-quốc (của vua *Antoine* phản-đối vua *Auguste* mà biệt-lập ra), đánh được Đông-Đế-quốc. Trong dân-gian, những tư-tưởng tự-do dân-chủ cũng thắng được bọn quyền-quí ích-kỷ hại-dân. Nhưng mà cái tinh-thần dân La-mã lại khuynh-hướng về đường đế-chính. Hai anh em ông *Gracchus* tuy vì dân mà cực-lực phản-đối bọn quyền-quí, nhưng chính

là dọn đường cho tướng CÉSAR làm tổng-thống, tướng CÉSAR làm tổng-thống tức lại là dự-bị cho họ CÉSAR lên đế-vị. Nước đã theo về Đế chính rồi thời hết thấy nhân-dân trong nước là bằng-đẳng nhau cả, ở dưới quyền một ông Hoàng-Đế. Không có phân-biệt là dân nội-địa hay dân ngoại-thuộc, dân trung-ương hay dân hàng tỉnh : ai ai cũng là công-dân của La-mã-đế-quốc hết. Ai ai cũng phải theo cùng một pháp-luật, mà pháp-luật thời đã định thành điều-mục rõ-ràng : theo pháp-luật La-mã tức là được hưởng La-mã thái-bình (*Jus romanum, pax romana*). Ấy cái quan-niệm về pháp-luật ở đây cũng là uyên-nguyên tự do. Quân-đội thời hùng-cường vô-dịch, đi đến đâu ai cũng phải khiếp-sợ, nhờ đó mà Đế-quốc được nhất-thống, nên nhất-thống ấy bền-chặt cho đến nỗi các quốc-dân cùng vua chúa về sau này, trải mấy trăm nghìn năm, vẫn lấy đấy làm cái gương chánh-trị tuyệt-luân.

14. Đạo Thiên-chúa. — Về Cổ-dại triết-học cũng đã có, luân-lý cũng đã có, triết-học rất cao - thâm, luân-lý rất xứng đing. Nhưng mà luân-lý ấy, triết-học ấy, không có ảnh-hưởng gì đến công-chúng, vì chỉ đối với lý-tính mà không đối với cảm-tính người ta. Đời vua TIBÈRE, nước La-mã có những người ở đất Do-thái (*Judée*) sang truyền cho kẻ hạ-dân một cái đạo mới, lấy kính Trời yêu người làm tôn-chỉ, ở hiền làm lành làm sự-nghiệp : những kẻ cùng-dân hạ-hộ, khổn-khổ đã nhiều, nghe những lời từ-bi như vậy, lấy làm cảm-dộng an-ủi vô-cùng : kẻ bị khổn-cung áp-ức thời khuyên cho nhàn-nhục yên lòng ; người phải khổ-sở long-dong thời giảng nghĩa bình-đẳng bác-ái, nhàn - nhọc cần-lao, toàn là những đức-hạnh trước kia chưa ai giảng đến. Một câu : « Làm người phải thương yêu lẫn nhau », thành luật-pháp cho cả nhân-loại cùng theo. Khác

nào như có một cái tinh-thần mới truyền khắp thế - giới đời bấy giờ, chuyển - động cho đến đảo-diễn hết thấy. Thật như trong các sách sử nói rằng đạo Thiên-chúa đã gây ra một cuộc cách-mệnh lớn trong tinh-thần vậy. Không những gây ra cuộc cách-mệnh ấy, lại tổ-chức cho thành trật-tự. Ở những chốn tinh-thần nào có nhiều người theo đạo thì hợp thành một hội gọi là Giáo-hội, có ông Đức-cha chủ-trương và các thầy-cả cai-quản. Lại đặt ra nghi-lễ nhất-dịnh, làm như cái giây liên-lạc trong các giáo-hội với nhau, và hết thấy các giáo-hội đều thuộc về hội cả ở thành La-mã (*Rome*).

15. Văn-minh Đông-la-mã. — Sau khi vua THÉODOSE nước La-mã băng-hà năm 395 sau kỷ-nguyên, thời La-mã chia ra làm hai đế-quốc, Tây-đế-quốc và Đông-đế-quốc, Đông-đế-quốc lấy thành Tĩ-tăng-ti (*Byzance*, tức là thành *Constantinople* ngày nay) làm kinh-dô. Tây-đ-đ-quốc không bao lâu bị các rợ Bắc-Nam xâm-lấn mà tan dần, Đông-đế-quốc thời còn duy-trì được mãi đến năm 1453 mới bị người Thổ-nhĩ-kỳ lại chiếm mất. Tuy sống lâu được bấy nhiêu mà thực không có cái vẻ thịnh-vượng : về đường chính-trị thời dằng nọ tranh-dành dằng kia, về đường tôn-giáo thời phái kia công-kích phái nọ, mà những bọn quyền-quí thời dâm-dật phóng-tung, thật rõ ra cái triệu-trưng văn-minh mặt-dại vậy. Đế-quốc thật có hình mà không có thực. Tuy vậy thành Tĩ-tăng-ti đã thấu-thập được hết những nhà tư-tưởng, nhà mĩ-thuật trong thiế - hạ đời bấy giờ, nên cũng có ảnh-hưởng sâu đến văn-minh cận-dại. Ngày nay trong sách tây vẫn thường thấy những câu nói như : « nghị-luận theo lối Tĩ-tăng-ti » (*discussion byzantine*), « kiến-chúc theo kiểu Tĩ-tăng-ti » (*architecture byzantine*). Câu trên là chỉ một cách nghị-luận phiến-toái, thuyết nọ phái

kia tranh-biến phản-đối nhau, lối nghị-luận này về đời Trung-cổ thịnh-hành lắm và cũng di-hại cho sự học-vấn nhiều. Câu dưới là chỉ một lối kiến-chức riêng về đền-dài cung-diện, lối này thường-thường là có một cái lầu viên-ốc ở giữa, rồi vô-số những lầu nhỏ chung-quanh, cũng mái tròn hết cả. Hiện nay ở thành *Constantinople* (tàu dịch là Quân-sĩ-dân-dinh), là kinh-đô nước Thổ-nhĩ-kỳ, còn nhiều những nhà giáo-đường kiểu ấy.

16. Văn-minh Ấn-độ. — Trở lên là nói về văn-minh trong cõi Cận-Đông (Ai-cập, Ba-lư, Hi-lạp, La-mã, v.v.). Nhưng trước các nước ấy, ở Viễn-Đông đã có mấy nước văn-minh cổ lắm. Đầu nhất là nước Ấn-độ. Người Ấn-độ là giống A-lợi-á (*Aryens*), giống này phát-hiện vào khoảng 6000 năm trước kỷ - nguyên, cách sinh-hoạt trọng canh-nông mục-súc, phong - tục thuần-phác hầy còn phảng-phất trong một tập thi-ca rất cổ, người Ấn-độ ngày nay còn sùng-trọng, gọi là kinh « *Lục-Phệ-đa* » (*Rig Veda*). Lúc mới xâm-nhập vào đất Ấn-độ, còn ở rải-rác thành từng gia-tộc, từng thôn-lạc, rồi hợp dần lại thành một nước nhất-thống, trên có vua cai-trị, quyền vua rất mạnh, dưới chia ra từng giai-cấp, kỷ-luật rất nghiêm: thứ nhất là cấp « Bà-la-môn » (*Brahmane*), là bọn tăng-lữ; thứ nhì là cấp « Sái-dế-ly » (*Kchatriya*) là bọn võ sĩ; thứ ba là cấp « Phệ-xá » (*Vaisya*), là bọn nông-dân; thứ tư là cấp « Thủ-đa-la », là (*Sudra*) bọn cùng-dân hạ-hộ. Cả cuộc tiến-hóa về đường tinh-thần trí-thức là gồm trong cấp « Bà-la-môn », cấp này đặt ra một khoa thần-học, lấy ba vị thần Bà-la-ma (*Brahma*), là thần sáng-tạo, Vệ-sĩ-nô (*Vichnou*), là thần bảo-tồn, Tây-oa (*Siva*), là thần phá-hoại, gọi là « Ba Ngôi » làm gốc, rồi dùng quyền-lực chuyên-chế mà bắt người các cấp phải theo hết cả. Vào khoảng thế-kỷ thứ 6 trước kỷ-nguyên Tây-lịch thời có

Đức Thích-già - mâu - ni (*Cakyamouni*) xướng ra đạo Phật, muốn phá đổ cái qui-thể nghiêm-khắc của đạo Bà-la-môn cũ, và lấy sự đạo-đức, bình-dẳng, bác-ái, từ-bi, làm gốc cho tôn-giáo mới. Tự đấy, trong mười bốn thế-kỷ, đạo Phật và đạo Bà-la-môn tranh-danh nhau hoài, khi thua khi được, mà lịch-sử hai đạo đã từng in xuống đất Ấn-độ thành những đền chùa to-lớn nguy-nga, đủ chứng cho cái tài-kiến-chức của người Ấn-độ đời xưa. Đến sau thời hai đạo đều tiêu-nhập cả vào một đạo mới gọi là « Ấn-độ giáo » (*hindouisme*)

17. Văn - minh Tàu. — Cứ theo trong sách « *Thư-kinh* » (*Chou-king*) là bộ sách cổ nhất của Tàu, thời nước Tàu vào khoảng 2020 năm trước kỷ-nguyên đã thành một xã-hội tiệm khai-thống, dân chuyên nông-nghiệp, cai-trị do quyền quân-chủ, các nghề-nghiệp có ích về đường sinh-hoạt phần nhiều đã biết cả, lại biết dùng chữ viết và biết xét thiên-văn. Quyền vua nhất-thống thiên-hạ, trong nước chia làm chín châu. Sách « *Thư-kinh* » lại tiêu-biểu một cái luân-lý rất khôn-ngoan, không kém gì các luân-lý của cổ-dại Thái-Tây, như thờ thần-minh, mến gia-đình, kính kẻ chết, v. v. Nước Tàu phát-tích đã lâu như thế, khai-bóa lại sớm như vậy, không lạ gì biết trước Âu-châu những kim-chỉ-nam, nghề in sách, thuốc đạn súng. Nhưng bấy nhiêu thứ phát-minh vào thời-dại nào, thời cũng không biết được rõ. Có điều chắc là nghề kiến-chức của Tàu đã phát-dạt lắm, mấy thế-kỷ trước kỷ-nguyên người Tàu dựng bức Vạn-lý-trường-thành, và đào sông Vạn-hà, là hai cái công-trình to lớn nhất nhì trong thiên-hạ. Lại những đền chùa mái cong vát, cao trót-vót, trông cũng kỳ; những the cùng lụa, gấm cùng vóc, dệt thật khéo, nhuộm rất đẹp; những chén sứ rất chải-chuốt tinh-tế dựng một thứ chè thơm phưng-phức, vàng chươi-chươi;

bấy nhiêu thứ, hỏi người Âu-châu hãy còn mặc da dê, thắt lưng còi, người Tàu đã biết cả rồi.

18. Văn - minh Nhật-bản. — Hồi cổ-sơ, chắc là có dân Tàu qua Cao-ly di-cư sang Nhật-bản. Nhưng mà sự thiên-tỉ đó cũng giống như sự thiên-tỉ các dân - tộc ở Tây - phương, thuộc vào những thời-dại trước khi có sử-ký. Cứ xét nghiệm ra thời có thể chắc rằng văn-minh Nhật-bản có chịu ảnh-hưởng của văn-minh Tàu và văn-minh Ấn-độ nhiều lắm. Người Ấn - độ và người Tàu đối với người Nhật-bản tức cũng như người Hi-lạp và người La-mã đối với các dân-tộc ở Âu-Tây, nghĩa là ông thầy truyền dạy cho văn-tự, học-thuật, tôn - giáo. Về thế - kỷ thứ tư trước kỷ-nguyên là hồi hết thời-dại truyền-ký, đến thời-dại chính-sử, nước Nhật-bản mới bắt đầu có nhà vua dựng nước ở đất Trung-đảo; kể đấy rồi nhờ văn-tự của Tàu mà đạo Phật cùng đạo Khổng dần dần truyền-bá sang đất Phù-tang. Kiến-trúc trong dân-gian thời dùng tre trúc, trạm khắc các đền chùa thời theo kiểu Ấn-độ. Sau qua một hồi ông «Tướng- quân» nhiếp-chính (*Shogun*) tranh-danh với các «dại-danh» qui-tộc (*dai mios*), khác nào như các chư-hầu phản-đối với nhà vua về đời Phong-kiến nước Tàu hay đời Trung-cổ Âu-châu, cách hơn hai mươi thế-kỷ một giòng vua không dứt, người Nhật-bản quyết chí theo đòi Âu-châu, trong khoảnh-khắc dung-hóa được hết cái văn-minh của Thái-Tây. Kỳ thay !

19. Nói về các Rợ Man xâm-nhập La-mã-đế-quốc. — Nay ta lại trở lại Âu-châu mà xét nốt cái vận-mệnh của La-mã-đế-quốc từ sau khi phân-ly ra Đông-Tây đế-quốc thế nào. Về thế-kỷ thứ 5 sau kỷ-nguyên, các rợ phồn-tạp ở trung-bộ Á-châu, như nước võ-bô, tràn sang khắp cõi Âu-châu, chộn lộn với các man - dân ở Đông - Âu và Trung-Âu, rồi kéo nhau vào xâm-

lấn bờ-cõi La-mã đế-quốc, làm tàn-hại vô-cùng : Rợ *Germanis* thời theo tướng *Radaguse* xâm-nhập đất Ý-dại-lợi ; rợ *Wisigoths* thời theo vua là *Alaric* vào lấy thành La-mã : còn rợ *Franks* thời tràn sang đất *Gaule* ; rợ *Anglo-Saxons* thời qua bể sang nước Anh ; rợ Hung-nô (*Huns*) theo tướng là *Attila* vào tàn phá đất *Gaule*, rồi tràn sang Ý-dại-lợi ; rợ *Hérules* theo tướng là *Odoacre* tiến vào sau cùng, thế là La-mã đế-quốc bị tan-tành. Trong một thế-kỷ, các rợ tung-hoành, tưởng văn-minh không còn sao tiến-bộ được nữa ; nhưng dần dần nhờ được chốn sinh-hoạt tốt, các rợ cũng thuần-lại, đồng-hóa với thổ-dân, mà nhật-tâm nguyệt-li, gây ra cái cơ-sở các nước lớn đời này. Các rợ không có đời gì được cái văn-hóa cũ ; trừ cái chế-độ về sự « chuộc tội bằng tiền » (*Wehrgeld*) và cái chế-độ về « quyền Trời thăm-phán » (*Jugements de Dieu*) là có di - truyền đến đời Trung - cổ Phong-kiến, còn thời vẫn là cái văn-hóa cũ của La-mã, tuy bị đình-trệ trong ít lâu, nhưng vẫn có cái cơ trùng-hưng tái-khởi vậy.

20. Văn-minh A-lập-bá. — Năm 622, ông Mã - hân - mạch (*Mahomet*) xướng ra đạo Hồi-hồi, lại dựng ra Đế-quốc A-lập-bá, đạo càng truyền-bá thời đế-quốc càng phát-dạt. Trong khoảng một thế-kỷ, từ năm 624 đến năm 714, đế-quốc ấy gồm cả đất A-lập-bá (*Arabie*), đất Tây-ly (*Syrie*), đất Ai-cập (*Egypte*), đất Ba-tư (*Perse*) và bắc-bộ Phi-châu. Chính nước Pháp cũng bị một hồi quân A-lập-bá tràn sang : nhờ có vua *Charles Martel* ngăn-cản được ở khoảng thành *Tours* và thành *Poitiers* năm 732, mới khỏi cái vạ xâm-nhập. Nhân sự chinh-phục ấy mà người A - lập - bá được vào chiếm-cử những xứ trước đã văn-minh lắm, nhờ đó biết thấu-thái lấy cái văn-minh ấy, mà lại biết khoáng-

trương thêm ra nữa. Cho nên thi-học, triết-học, các khoa bác-vật số-học, cho đến khoa luyện-kim là nguồn-gốc của hóa-học đời nay, người A-lập-bá đã từng chuyên-trị cả. Đến như lối kiến-chức thời hiện nay hãy còn những đền-đài ở về bắc-bộ Phi-châu và nam-bộ nước Tây-ban-nha, người đời nay cũng còn cho là khéo đẹp lắm. Kinh *Coran* thời vừa là một bộ luật, vừa là một quyển sách thánh. Những bậc bác-học triết-học như ALKENDI, ALFARABI, AVICENNE, AVERROES, ALGAZIL, đều là những người có công trong lịch-sử văn-minh cả. Về đầu đời Trung-cổ, duy có mấy bậc đó là giữ được cái cổ-học còn sót lại, để lưu-truyền cho các nước Âu-tây về sau này.

21. *Vua Xá-lợi-dại-đế và cái chính-sách trung ương tập-quyền.*— Kịp đến đời vua Xá-lợi-dại-đế (CHARLEMAGNE) mới có đủ quyền-lực mà thu-thập lại cái văn-minh cổ của Tây-phương. Vua ra công trước sau mất 30 năm trời (từ năm 771 đến năm 800) hồi bấy giờ duy chỉ có quyền của Giáo-hoàng là địch nổi với quyền vua. Vua bèn ý lại vào thế-lực của Giáo-hoàng. Năm 800, thời Giáo-hoàng LÊON thứ X làm lễ đăng-quang cho vua, từ đấy vua làm chúa-tể một đế-quốc rất to rộng, gồm cả trung-bộ và tây-bộ Âu-châu đời bấy giờ, khu-vực cũng chẳng kém gì La-mã-Đế-quốc hồi trước. Vua cũng muốn tổ-thuật cách cai-trị của La-mã - Đế - quốc. Quyền vua tuyệt-đối, định luật-lệ cho hết thảy nhân-dân phải theo, đến việc tôn-giáo vua cũng giữ quyền quyết-nghị. Các hàng tỉnh thời trao quyền cho những Bá-tước cai-trị và muốn liên-lạc với quyền trung-ương thời đặt ra những chức quan Thanh-tra để kiểm việc hành-chính. Vua thật là có công to với sự văn-minh: cổ-động việc canh-nông, thương-nghiệp, công-nghệ, chấn-hưng việc học-hành, đặt ra các trường nhỏ trường lớn vừa

dạy khoa thần-học, vừa dạy các văn-nghệ khác, triều-tập lại ở đất *Gaule* những tay bác-học của các xứ, dùng để lập ra một trường qui-tộc, trường này rồi thành mô - phạm cho các trường đại-học về sau này.

22. *Điều-ước thành Verdun và cái phong-trào dân-tộc tự-trị.*— Về đời Trung-cổ, trong xã-hội Âu-châu có hai cái phong-trào phản-trái nhau: một là phong-trào trung-ương-tập-quyền, hai là phong-trào dân-tộc-tự-trị. Các nhà chính-trị thời bấy giờ, người thời mô-tưởng muốn khôi-phục lại cái nền nhất-thống của La-mã cũ, bắt các dân-tộc phải đồng-hóa theo một lối văn-minh, người thời muốn phân-lia các nước để cho mọi dân-tộc được tùy cái quốc-tính cùng cái tư-cách riêng của mình mà phát-dạt. Vua Xá-lợi-dại-đế lên ngôi Hoàng-đế thời cái phong-trào thứ nhất thắng. Đến năm 843, nhân tờ điều-ước thành *Verdun* mà cái phong-trào thứ nhì lại được phần hơn.

Điều-ước ấy phân đế-quốc của Xá-lợi-dại-đế cho ba người cháu vua, thành ra ba nước Pháp, Đức và Ý. Từ sự phân-ly đó mà mở ra một thời-kỳ mới trong lịch-sử. Mỗi một nước trong ba nước ấy lại chia ra làm vô số những châu quận nhỏ, trong khoảng thế-kỷ thứ 10, 11 và 12, không có một nước nào là thành quốc-dân thống-nhất, nhưng có vô-cố những nước nhỏ, các công-hầu chia nhau mà cai-trị, người nào chỉ biết trong bờ-cõi người ấy, không biết ngoài thiên-hạ là gì. Đó tức là cái chế-độ phong-kiến vậy.

23. *Đời Phong-kiến.*— Chế-độ phong-kiến đến cuối thế-kỷ thứ 10 thời thành-lập hẳn, do bởi nhiều nguyên-nhân: như sự phân nhượng quyền-lợi cho các công-hầu, như tục người Nhật-nhĩ-man hay kết thành hội-đăng, như cái tư-tưởng về đế-quốc mỗi ngày một suy-hược, như các quan-lại lấn quyền nhà Vua, v. v. Mỗi một thái-áp của

các nhà công-hầu chia ra từng khu, mỗi khu giao cho một người lĩnh-trung, người lĩnh-trung đối với nhà công-hầu có quyền-lợi trách-nhiệm tùy theo tờ khế-trước và tùy theo tục mỗi nơi. Nhà công-hầu tức là bậc thượng-hầu (*Suzerain*) mà các nhà lĩnh-trung là chư-hầu (*Vassaux*). Đại-đề thời nghĩa-vụ của thượng-hầu là phải bênh vực kẻ chư-hầu, mà nghĩa-vụ kẻ chư-hầu là phải phù-trợ bậc thượng-hầu. Chính bậc thượng-hầu ấy cũng là nhận được thái-áp ở một bậc thượng-thượng-hầu khác, đối với bậc thượng-thượng-hầu này thời bậc thượng-hầu lại là chư-hầu, thành ra trên dưới chia ra từng bậc từng hạng, bậc người hạng đất, quan-hệ phụ-thuộc với nhau, từ bậc cùng-dân không có quyền với ai, cho đến bậc vương-giả chỉ thuộc quyền Thiên-chúa. Chế-độ vụn-vặt như thế thời vẫn minh có tiến-bộ cũng là tiến-bộ lỗi, khu-biệt ở từng nơi một, tùy cái thể-lực tài-đức của mỗi ông công-hầu chủ đất.

24. *Quyền thống - nhất của Giáo-hoàng.* — Các dân-tộc Tây-Âu, trong suốt đời Trung-cổ cho đến thế-kỷ thứ 15, bị phân chia ra vô-số các vua chúa như thế, nhưng về đường tôn-giáo thời hết thấy đều hợp dưới quyền thống-nhất của Giáo-hoàng, mà gồm lại có thể coi như một dân cùng theo đạo Thiên-chúa. Nhất-diện thời đặt hội-nghị để kết án những đảng dị-doan, nhất-diện thời nhờ cái quyền riêng của Giáo-hoàng dùng thể-lực các ông Giáo-mục quyền-dũ được dân ngoại-dạo đã xâm-nhập vào La-mã-đế-quốc cũng dần-dần theo đạo cũ. Duy có Đông-Đế-quốc thời không chịu nhận quyền thống-nhất của Giáo-Hoàng. Quyền-thế Giáo-hoàng về đường tinh-thần bấy giờ mạnh cho đến nỗi các vua chúa trước khi lên ngôi hầu như phải nhận ấn phong ở tay Giáo-Hoàng. Giáo-Hoàng xưng-suất lên thời bao nhiêu những

võ-sĩ trong các nước đều họp nhau lại mà đi giải-phóng nơi Thánh-Địa. Giáo-Hoàng cử các chức đại-tư-giáo, đặt các chức giám-mục, chủ-tọa các hội-nghị công-đồng, lập ra các hội giảng-giáo hay là bãi di, nói tóm lại là cầm cán nẩy mực cho khắp giáo-đồ ở các nước.

25. *Phái qui-tộc.* — Về đời bấy giờ phái qui-tộc (*la noblesse*) với phái tăng-lữ (*le clergé*) là bọn quyền-thế trong nước. Phái qui-tộc là những người thuộc về giòng-giống các rợ Bắc-Man sang xâm-nhập nội-địa La-mã hồi xưa, cùng những miêu-duệ người La-mã ở đất *Gaule*, được nhận vào bậc phù-lá nhà Vua. Tự hồi đầu, phạm nhà qui-tộc là phải có thái-áp, nên có câu: « không có đất không phải chủ ». Trong bờ cõi thái-áp, nhà qui-tộc được toàn-quyền, và ất đấy truyền từ nhược tôn cứ theo giòng con trai.

Tâm-tính nhà qui-tộc trong khoảng đời Trung-cổ, có biến-đổi đi nhiều. Thoạt đầu thời là những tay võ-sĩ, ngày thường chỉ ở trong thành (*châteaux-forts*), chỉ khi nào đi đánh phá cướp-bóc ở đâu thời mới kéo quân ra, xong rồi về lại chề rượu săn bắn, chữ nghĩa thời dốt-dặc, chỉ biết đủ kỹ cái tên; nhưng nhân cách ăn-ở phong-lưu, dần-dần cũng thành lọc-lỗi; lại nhờ cái ảnh-hưởng người dân bà mỗi ngày một có thể-lực trong xã-hội, nhờ những câu hát phong-tinh và khí-khải của bọn thi-nhân hát giòng (*trouvères troubadours*), thành ra một cái phong-trào trọng-nghĩa-hiệp và gây ra cái võ-sĩ-dạo (*le chevalerie*) đời Trung-cổ. Nhà qui-tộc về thế-kỷ thứ 13 đi chinh-chiến là « vì Trời, vì phu-nhân và vì vua », và có đánh nhau cũng là đánh nhau một cách phong-nhã; những khi nhân-hạ thời ở trong lâu-thành, lập cuộc ve-vãn, mở hội hát thi, có cái phong-vị êm-dềm vui-thú vô cùng.

26. *Phái tăng-lữ.* — Trong khi phái qui-tộc ăn chơi và chinh-chiến, thời phái tăng-lữ học-hành khảo-cứu,

gây ra cái nền văn-hóa riêng về đời Trung-cổ. Phái này chia ra làm bọn « tăng-lữ ở đời » (*clergé séulier*), và bọn « tăng-lữ ở tu » (*clergé régulier*), một tay gây-dựng, quản-trị, kiểm-sát hết thảy mọi việc trong xã-hội. Bọn tăng-lữ ở đời thời đào-tạo tâm-tính cho nhân-dân, coi-sóc những việc quan-hôn tang-tế trong dân-gian. Trước khi lập thành hàng chợ (*commune*), nhờ bọn này mà trong dân đã hợp thành từng giáo-phường (*paroisse*), trong mỗi phường có ông linh-mục quyền-thể cũng chẳng kém gì nhà quý-tộc trong phong-ấp. Còn bọn tăng-lữ ở tu là gồm những người tu-hành theo kỷ-luật, hợp thành giáo-hội, ở tại nhà chung. Bọn này đi đến đâu thời lập giáo-viện, mở tu-viện ở đấy, giúp cho sự tiến-hóa về phần tinh-thần, phần vật-chất nhiều, vì đến chỗ nào cũng chăm khai-khẩn ruộng đất, mở mang linh-hồn cho người ta, khiến cho trong dân-gian vừa được khôn-ngoa, vừa nên thịnh-vượng. Nói tóm lại là Giáo-hội chi-phối hết thảy, cho đến sự học-vấn, sự mĩ-thuật cũng không ra ngoài phạm-vi nhà giáo. Sự học-hành, sự giáo-dục, trước ở trong các nhà tu-viện, sau ra ngoài các trường Đại-học, cũng là không qua tay nhà Giáo cả. Mĩ-thuật thời gồm ở cách kiến-chúc các nhà thờ, thật là nơi những tay thợ tài phó hết nghề khéo.

27. *Hạng binh-dân*. — Một cái kết-quả chế-độ phong-kiến là bọn binh-dân phải làm nô-lệ, không còn có người dân tự-do như xưa nữa. Kẻ binh-dân, bấy giờ chia làm hai hạng : một hạng « tá-diễn » (*vilains*), một hạng « nông-nô » (*serfs*), hạng trên thời còn được có đất, duy không được truyền cho ai, và phải nộp thuế cho chúa ; hạng dưới thời là phu làm ruộng, thuộc quyền ông chúa, tùy-y sai-khiến. Song, tuy thuế nhiều, sai-nặng, khổn-khở cũng lắm, nhưng nhờ có ảnh-hưởng đạo Thiên-chúa,

tình-cảnh bọn nông-nô tá-diễn này cũng không đến nỗi tệ lắm như tình-cảnh kẻ nô-lệ đời xưa. Kẻ nô-lệ đời xưa là đem ra bán ở chợ như con trâu con ngựa, chớ bọn nông-nô là bán cùng với đất để cấy cấy đất ấy không được đi chỗ khác mà thôi. Lại cũng không phải xa-cách vợ con ; tuy đối với pháp-luật có chịu phần kém, mà trước Thiên-chúa thực là bằng-đẳng như nhà quý-tộc. Xem trong sử-ký, hoặc không được dùng, chớ cứ xét những câu tục-ngữ ca-dao thời bấy giờ thời biết rằng cái tình-cảnh kẻ binh-dân về đời Trung-cổ cũng không đến nỗi khổn-khở chi cho lắm. Và lại cũng tùy người chủ, có người hiền, có người ác, nên cũng không nói nhất-luật được.

28. *Các rợ Mông-cổ Thỗ-nhĩ-kỳ xâm-nhập*. — Trong khi đương phôi-thai ra cái xã-hội mới, thời những man-dân lại tự trung-bộ Á-châu tràn vào, hầu làm cho điên-đảo hết cả, khiến nhân-loại thoái-bộ mấy trăm năm. Tự thế-kỷ thứ 13 đến thế-kỷ thứ 15, nào là Mông-cổ, nào là Thát-đát (*Tartares*), nhất-diện tràn sang đất Tàu, đất Ấn-độ-Chi-na (tức là Đông Phápta), và đất Ấn-độ, nhất-diện lấn sang Ba-lư, sang Nga, và tiến mãi tới đất Hung-gia-lơ (*Hongrie*). Sự xâm-nhập này cũng giống sự xâm-nhập của các rợ Bắc-man vào Âu-châu mười thế-kỷ về trước, nghĩa là cũng đem một lối văn minh mới dung-hòa tiếp-phụ với cái văn-minh cũ. Đến như người Thỗ-nhĩ-kỳ thời cũng về thế-kỷ thứ 13 mới bắt đầu đi chinh-phục, đi đến đâu tàn-phá đến đấy, chẳng kém gì các rợ Bắc-man đời xưa. Sau chiếm được hẳn một phần to trong cõi Đông-Âu, và phá-hoại Đông-đế-quốc là nơi còn giữ được cái di-tích văn-minh của La-mã, sự phá-hoại ấy tức là một cuộc đại-biến trong lịch-sử thế-giới. Nhưng mà nhân sự đại-biến ấy mà lại

mở ra một cuộc đời mới : những di dân Hi-lạp La-mã ở Đông-dế-quốc bị người Thổ nhĩ-kỳ đuổi, bèn lánh cả sang đất Ý-dại-lợi, nhân thế mà đem cái văn-hóa cũ sang Tây-phương, văn-hóa này nhờ được cơ hội tốt không mấy nổi mà phục-hưng lên được.

29. *Khai - mạc cuộc đời mới.* — Về thế-kỷ thứ 13, 14, 15, mọi sự thay đổi nhiều lắm, tức là mở đường sẵn cho đời Cận-dại (*Temps modernes*). Trong mỗi nước thời các vua cổ làm cho vững cái thế - lực của mình và phá đổ cái thế - lực các nhà quý-tộc. Nhưng quyền nhất-thống của nhà vua càng mạnh thời quyền nhất-thống của Giáo-hội càng suy. Nhân - dân vẫn nhất-tâm tin-ngưỡng, nhưng không có đồng-tâm hành-động như trước nữa. Trước thời người ta họp nhau chinh-chiến vì tôn-giáo, tự nay là chinh-chiến vì quốc-gia, nước nào vì nước nấy. Năm 1453, người Thổ-nhĩ-kỳ chiếm-cử được thành Constantinople, đuổi về Tây-phương những người di dân Hi-lạp bấy còn giữ được những sách-vở cùng văn-chương Hi-lạp cũ, bọn ấy bèn đem truyền sang cho Ý-dại-lợi. Cũng cùng một thời-đại ấy, ông GUTENBERG phát-mình ra nghề in sách, nhờ đó văn-chương tư-tướng truyền-bá ra được mau. Năm 1492, ông CHRISTOPHE COLOMB (tàu dịch là Kha-luân-bổ) khai-tích châu Mỹ, làm cho người ta có một cái quan-niệm mới về thế - giới. Trung-gian, quân-đội nước Phápsang đánh bên Ý-dại-lợi, được tiếp-xúc cái phong-trào văn-ngệ phục-hưng (*Renaissance*) đương toàn-thịnh. Nhờ đó mà nước Pháp sắp được cùng nước Ý có cái danh-dự làm tiêu-biểu cho một thời-kỷ rất rực-rỡ trong lịch-sử văn-minh.

30. *Văn-ngệ Phục-hưng.* — Phục-hưng là phục-hưng cái lý-tưởng đời cổ-dại, chưa có ảnh-hưởng đạo Thiên-chúa; hoán-cái tinh-thần trong các

bậc thượng-lưu tri-thức, lấy những học-thức mới thay vào cái học-vấn quá cũ đời Trung-cổ; dung-hòa cái phong-nhã-tinh-thần của Hi-lạp với cái vụ-thực-tinh - thần của La-mã; lấy sự suy-xét tự-do thay vào quyền trên chuyên-chế; phẩm văn-học mỹ-thuật đều như được giải - phóng mà không bị kiểm-chế; người ta ham được tự-do, có cái cảm-giác rằng sự tự - do ấy là hay, là cần, là chánh-đáng; một cái xã-hội mới lập lên trái hẳn những tôn-chỉ chủ-nghĩa của các xã-hội cũ; văn-minh thoát-li ra ngoài vòng tôn-giáo; những nhà hội-họa, điêu-khắc, văn-sĩ, bác học, lại những tay biết thưởng-giám tưỡng-lệ cho văn-chương mỹ-thuật, như thi nhau mà xuất-hiện ra rất nhiều; ấy phong-trào văn-ngệ phục-hưng là gồm cả bấy nhiêu thứ, mà lại còn nhiều thứ khác nữa, không thể kể sao cho xiết được. Nói tóm lại là trong thiên-hạ mới mở ra một cuộc đời mới, có người tiếc rằng cái phong-trào mới này đã làm cho tiêu ma mất nhiều những sự hay sự đẹp của cái tinh-thần cao-thượng đời Trung-cổ; như cái lý-tưởng ughĩa-hiệp của nhà võ-sĩ, cái lòng hoài-vọng cao-xa về lễ thần-bí, cùng lối mỹ-thuật về tôn giáo như lối « lô-man » (*art roman*) và lối « gô-tích » (*Gothique*).

Phong-trào Phục-hưng khởi-diêm từ Ý-dại-lợi, đời ông Giáo - hoàng LÉON thứ X đương toàn-thịnh, rồi nhờ nhà bác-học Hòa-lan ERASME truyền-bá ra khắp Âu-châu, và nhờ phái văn-học cổ - điển (*humanisme*) về đời vua FRANÇOIS thứ I truyền sang nước Pháp.

31. *Tôn-giáo cải-cách.* — Về thế-kỷ thứ 16, nhân vì những sự lưu-tệ đã làm cho suy-nhược cái kỷ-luật của Gia-tô-giáo-hội; nhân vì các nhà học-giả đem cái tinh-thần suy-xét tự-do mà nghiên-cứu các thánh-kinh cũng như nghiên-cứu những văn-chương

thường; cũng nhân vì cái bụng tham-lam của các bậc vua chúa, nhất là ở nước Đức, trông thấy bọn tăng-lữ có quyền-thế, có của-cải thời sinh lòng ghen; vì bấy nhiêu có mà sinh ra một cuộc cách-mệnh về tôn-giáo. Những người chủ-xướng ra cuộc cách-mệnh ấy có hai cái mục-dịch: một là phục-hồi lại cái vẻ thuần-tùy giản-dị của Giáo-hội lúc ban đầu; hai là đem cái tinh-thần tự-do suy-xét mà giải-nghĩa sách Thánh-kinh (*Bible*), lấy sách này làm gốc đạo. Phong-trào tôn-giáo cải-cách nguyên là ở phong-trào văn-ngệ phục-hưng mà ra, nhưng đến sau hai bên cách-biệt nhau, đến nỗi những xứ nào cái phong-trào phục-hưng không bén thời lại là những xứ cái phong-trào cải-cách thịnh-hành. Những người chủ-xướng là LUTHER (Mã-dinh Lô-đức) ở nước Đức. ZWINGLE ở Thụy-sĩ, CALVIN ở thành Genève và ở nước Pháp, KNOX ở xứ Ecosse, vua HENRI thứ 8 ở nước Anh; dần dần cũng dụ được nhiều người theo. Nhưng ở nước Pháp thời gây ra một hồi cạnh-tranh lưu-huyết rất kịch-liệt, mãi đến đời vua HENRI thứ 4 mới hạ tờ dụ thành Nantes cho phép những người « tân-giáo » được tự-do tín-giáo. Cứ lấy cái phương-diện riêng của văn-minh-sử mà xét thời sự tôn-giáo-cải-cách thật đã giải-thoát được cho tinh-thần người ta vượt ra ngoài vòng chuyên-chế của Giáo-hội Gia-tô, và đối với cáigiáo-lý bất-di bất-dịch, biết lấy triết-lý mà tự-do phê-phán.

3°. *Hạng trung-lưu bắt đầu chiếm thế-lực trong xã-hội.* — Trong xã-hội Âu-châu đời bấy giờ lại mới xuất-hiện ra một hạng người mới, tức là hạng « dân kẻ chợ » (*bourgeoisie*), sau này thành tên là « trung-lưu xã-hội ». Hạng này là gồm những kẻ khá trong hạng bình-dân, các đời trước đã được quyền tự-do lập chợ. Ở nước Pháp thời là những di-dân La-mã đời xưa, đời vua CHARLES LE GROS giải-phóng

cho các chợ thời được miễn sưu-thuế và được nhiều đặc-quyền khác; bọn này lại khôn-khéo can-dảm, biết lấy lòng nhà vua mà được nên giàu có; đến đời vua PHILIPPE LE BEL thời được có chân vào « Tổng-Hội-nghị » (*Etats généraux*), đồng với hạng quý-tộc và hạng tăng-lữ; sau lại có những tay chính-trị giỏi như SUGER, như JACQUES CŒUR, những tay lý-tái khéo như ANGO DE DIEPPE, AUFFREDY DE LA ROCHELLE; đến thế-kỷ thứ 16 thời cái thế-lực về đường chính-trị đã mạnh lắm, có thể vận-động đặt được vua HENRI thứ II lên ngôi. Không những thế mà thời; ngoài nước Pháp bọn này cũng có thế-lực lắm: như ở nước Anh thời lập ra nhà « Thứ dân nghị-viện » (*Chambre des Communes*); ở những thành Gand, Bruges, Courtrai trong xứ Flandre (nước Hòa-lan) thời nghiêm-nhiên thành một hạng người quyền-thế trong dân-gian; ở nước Đức thời lập thành những hội-đảng to, như « Tây-Bắc thương-nghiệp hội » (*Ligne hanséatique*), hội sông Rhin, hội xứ Souabe, v.v.; ở nước Ý thời lập thành những nước cộng-hòa nhỏ rất thịnh-vượng.

33. *Thế-giới Cận-dại.* — Thử xét một cái bản-đồ về thế-giới văn-minh trong thế-kỷ thứ 16 thời thấy ở Á-châu những dân-tộc trong cõi Viễn-Đông đều được yên-ôn mà tuần-tự phát-đạt, tiến-bộ cũng mau, nhưng hình như biệt-thành một thiên-hạ, không có ảnh-hưởng gì đến sự tiến-hóa chung của nhân-loại; về trung-bộ và tây-bộ Á-châu, tràn sang cả đông-bộ Âu-châu, thời lúc-nhức những dân Thổ-nhĩ-kỳ, Ti-lạp-phu, Mông-cổ, bọn thương-lưu thời cũng đã sào có văn-hóa, nhưng bọn hạ-lưu thời cùng-khổ vô-cùng. Ở Phi-châu thời chỉ có một rìa bờ Địa-trung-hải là giữ được một chút di-tích văn-minh cũ. Ở Mĩ-châu thời cả phía bắc là địa-phạu của giống Da-đỏ, văn-minh hầu còn vào thời-kỳ bộ-lạc;

ở phía giữa và phía nam thời có giống *Incas* cũng là một dân-tộc văn-minh, nhưng bây giờ đương bị bọn cường-hung ở Âu-châu sang tàn phá. Rút lại chỉ có một cõi Tây-Âu là từ đây có đủ tư-cách làm chủ-động cho cuộc văn-minh của thế-giới : cõi Tây - Âu có hai vương-quốc lớn, là nước Pháp và nước Anh, và một đế-quốc là nước Đức. Còn Tây-ban-nha với Ý-đại-lợi chẳng qua là hai tên trên địa-dur, chờ không thành nước nữa, vì ở trong chia ra vô-số những châu cùng quận, đặc-biệt với nhau.

34. *Quân-hủ với dân-quốc.* — Từ thế-kỷ thứ 14, cõi Tây-Âu bắt đầu tiến-hóa về một phương-diện xa hẳn với chế-độ phong-kiến và gần với chế-độ quân-chủ, chế-độ quân-chủ lại xoay về mặt thống-nhất mà gây thành ra « dân-quốc » (*la nation*). Rồi sau dân-quốc vì quân-chủ chuyên-chế quá, đẩy lên mà yêu-cầu quyền-lợi, thành ra những cuộc cách-mệnh, làm cho quân-chủ phải khuyh-đảo và dân-chủ lập-thành lên. Như ở nước Đức thời tuy lập đế-quốc rồi mà cái tinh-thần phong-kiến vẫn hầy còn : như họ HABSBOURG, chẳng qua là một hạng thượng-hầu có quyền-thế hơn các chư-hầu khác mà thôi. Ở nước Pháp thời quyền các chư-hầu về đời vua FRANÇOIS thứ 1 đã suy, đến hồi ông RICHELIEU làm tể-tướng thời đồ hẳn. Nước đã nhất-thống, dân cũng thống-nhất. Nhờ có dân-đoàn mạnh mà vua FRANÇOIS thứ 1 nước Pháp thắng được vua CHARLES QUINT nước Đức, tể-tướng RICHELIEU cũng được đặc-lợi trong cuộc Tam-thập-niên-chiến-tranh. Đến đời vua Louis thứ XIV thời ngoài đánh dân được đấy, trong nhờ được những tay thượng-thư quâ-quyết, dẹp được hết các đảng dấy loạn, lại khéo dùng cái chính-sách trung-tương-tập-quyền, nên gây được một nền quân-chủ chuyên-chế rất vững-vàng và khiến được một

nước đã thành dân-quốc phải thuần-tòng qui-phục. Sau hòa-trước *Nimègne* thời nước Pháp thật là đứng đầu các nước văn-minh Âu-châu, hết thấy đều phải khiếp-phục.

35. *Xã-hội Âu-châu về thế-kỷ thứ 17.* — Về đời vua Louis thứ 14, hồi đương toàn-thịnh, thời nước Pháp chính là đại-biểu cho văn-minh Âu-châu. Không những thắng các nước vì võ-lực, mà lại hơn các nước vì tinh-thần, vì các nhà mĩ-thuật và các nhà tư-tưởng. Các nước khác không dám tranh hơn, chỉ mong bắt chước cho được. Nhiều nước mô-phỏng nước Pháp cho đến nỗi chỉ còn một khoản tôn-giáo là khác, và như nước Anh về đời họ STUARTS làm vua thời không còn mấy tí nữa cũng đến bắt chước cả nước Pháp mà theo đạo Gia-tô. Song văn-minh về thế-kỷ thứ 17 cũng không có gì lạ, chẳng qua là do những tinh-cách đã sẵn có về đời Trung-cổ mà khoáng-trương phát-siễn ra thôi. Bấy giờ trong xã-hội cũng vẫn còn ba hạng người : hạng tăng-lữ, hạng quý-tộc hạng « tam đẳng ». (*le tiers état*). Vẫn còn có những kẻ được đặc-quyền, người không được đặc-quyền, như đời xưa, kẻ được đặc-quyền thời chỉ phải chịu gánh vác ít, người không được đặc-quyền thời bao nhiêu công việc trong xã - hội, phải cang - đáng hết. Tục nong - nô đã mất rồi, nhưng số những người có đặc-quyền mỗi ngày một nhiều hơn : vì thế mà người nông-dân phải sưu-thuế nặng quá.

Tuy vậy, đối với quyền vua chuyên-chế, người ba đẳng đều phải phục-tòng như nhau cả.

36. *Nước Nga và cái chế-độ áp-chế.* — Có trong khoảng một thế-kỷ, từ năm 1682 đến năm 1796, nhờ hai bậc quân-chủ có anh-tài, vua PIERRE đại-đế (tên dịch là Bê-đắc) và bà CATHERINE nữ-hoàng, mà biến-cải được hẳn nước Nga, trước là một nước thuộc

về văn-hóa Á-châu bấy giờ thành một nước quân-chủ theo lối Âu-châu. Tục trong nước thuần là tục Đông-phương; vua giáng lời dụ gọi là Thánh-chỉ (*oukase*), có quyền tuyệt-đối, ai cũng phải theo; trong cung thời nuôi những mĩ-nữ cung-tần, như các cung vua Đông-phương; nhà giáo-dưỡng *Kremlin*, thể-thức cũng giống như «*Từ-cấm-thành*» ở Bắc-kinh nước Tàu; dân nhà quê (*moujik*) thời ngu-dốt hủ-lậu và nghiện rượu nhiều lắm... Cải-hóa những dân và tục như thế, thật cũng là một việc nặng-nề... Vua PIERRE đổi dần phong-tục, giải-phóng cho những dân-bà phải giam-hãm, truyền khai-khân ruộng đất, lập một chính-phủ trung-ương và định cách cai-trị địa-phương; trước hết đặt quyền vua tuyệt-đối, vừa về đường chính-trị, vừa về đường tôn-giáo; tổ-chức quân-dội, lập thành hải-quân, rồi bỏ thành *Moscou* là kinh-đô cũ, ở về phía Đông quá, và thiên đô sang phía Tây, dựng ra thành *Petersbourg* (tàu dịch là Thánh-Bỉ-đắc-bảo, từ khi chiến-tranh đổi tên là *Petrograd*). Vua dùng những cách hình-phạt cũ (như roi búa, thừng, bánh xe, v.v.) để cưỡng bắt dân phải cải-hóa: đó cũng là một cách áp-chế, mà áp-chế có ích cho đường tiến-hóa. Bốn mươi năm về sau, Bà CATHERINE kế nghiệp vua PIERRE, thực-dân theo lối Phổ-lỗ-sĩ (*Prusse*), và mỗi ngày một mở rộng thêm bờ-cõi trong nước. Bà bạn với những bậc danh-sĩ nước Pháp như ông VOLTAIRE, ông DIDEROT, ông D'ALEMBERT, bà cũng làm ra mặt tra cái tự-do-chủ-nghĩa, nhưng kỳ-thực đải bọn nông-dân lại tệ hơn, và muốn tìm cách vào gần Âu-châu thời lấy nghiêng ngay một phần nước *Pologne* (Ba-lan).

37. Nước Anh và cái chế-độ đại-biêu. — Trong khi chế-độ phong-kiến còn sót ở nước Đức, nước Ý, nước Tây (*Espagne*), chế-độ quân-chủ đương

thịnh-hành ở nước Pháp và chế-độ chuyên-chế ở nước Nga, thời nước Anh đầu nhất theo về chủ-nghĩa tự-do. Cuộc cách-mệnh trong năm 1648 không thành; cuộc cách-mệnh năm 1688 không mất một giọt máu mà làm thành công. Đó là kết-cục một sự quyết-đấu đã tới một thế-kỷ, một bên là Hoàng-tộc muốn giữ quyền chuyên-chế, lấy rằng quyền vua là định tự Trời, một bên là quốc-dân muốn tự-quyết mọi việc, bầu đại-biêu để trị việc nước. Trong tờ «*Dân-quyền tuyên-ngôn*» định rõ rằng chủ-quyền trong nước là ở dân, và cơ-quan chính-trị là ở nơi Nghị-viện. Cuộc cách-mệnh năm 1688 vừa giải-quyết được mọi sự phân-tranh về đường chính-trị, lại vừa giải-quyết được những sự phân-tranh về đường tôn-giáo. Trong nước đã trị-bình thời ở ngoài tất được lợi-ích: nước Anh tự bấy giờ chiếm một địa-vị cao-trọng trong cuộc chính-trị Âu-châu; lại về đường doanh-nghiệp cũng được phần hơn; về thế-kỷ thứ 18, nước Anh đứng đầu các nước, đem hai chữ tự-do mà chiếu-diện cả hoàn-cầu. Các nhà triết-học nước Pháp về thế-kỷ thứ 18, thực là theo gương tự đây.

38. Nước Pháp trước Đại-Cách-mệnh. — Hình-thức xã-hội về thế-kỷ thứ 18 cũng giống như thế-kỷ thứ 17, nhưng tinh-thần thời đã biến-đổi. Trong bọn thượng-lưu qui-tộc, không còn cần-thủ gì nữa; ai cũng muốn sinh hoạt cho vui-thú dễ-dàng; bọn trung-lưu thời đã giàu-có và cũng hưởng theo phong-trào; đến những bọn thợ-thuyền ở nhà-quê kẻ-chợ thời tình-cảnh đã thấy khá hơn, thế-lực cũng tiềm-tiêm có, muốn hi-vọng cho bậc «*tam-dẳng*» cũng được quyền-lợi như các bậc kia. Những nhà triết-học, nhà kinh-tế, đầu nhất là ông MONTESQUIEU (tàu dịch là Mạnh-đức-từ-cừu), ông VOLTAIRE (Phúc-lộc-đặc-

nhĩ), ông ROUSSEAU (Lư-thoa), truyền bá trong dân-gian những tư-tưởng tự-do, khoan-dung, bình-dãng. Những nhà ấy lấy lý-thuyết mà chứng những sự-lưu-tệ của chính-thể chuyên-chế cùng cách tổ-chức trong xã-nội, mà xét thực-tế thời quả-nhiên như vậy. Cho nên gây ra cuộc Cách-mệnh năm 1789, một nửa là bởi chính-sự hư-hỏng của nhà vua, và một nửa chính là bởi sách-vở của các nhà ấy. Về chính-trị, thời chế - độ chuyên - chế lấy rằng quyền vua là chịu được tự Trời; trong xã-hội thời chế-độ bất-bình-dẳng về đường quyền - lợi nghĩa-vụ; về tôn-giáo thời chế - độ bất-khoan-dung; về kinh-tế thời chế-độ kiểm-chế hạn-định; ấy tình-trạng xã-hội nước Pháp về đời bấy giờ như vậy, và các nhà làm sách chính ra công phản-đối cái tình-trạng ấy.

39. Đại Cách - mệnh nước Pháp. — Cách - mệnh năm 1688 đã giải-phóng được nước Anh. Cách-mệnh năm 1789 thời không những giải-phóng cho nước Pháp, mà đã giải-phóng được cả Âu-châu, lại ảnh-hưởng ra khắp thế-giới. Trước nhất biến-cải nước Pháp, theo cái chủ-nghĩa của Hội Lập-Hiến (*Constituante*) đã định trong tờ « Nhân-quyền cấp dân-quyền tuyên-ngôn ». Điều trọng-yếu nhất trọng tờ tuyên-ngôn ấy là phạm người ta ai cũng bằng-dẳng như ai cả. Cái lý-tưởng bằng-dẳng ấy đã xướng ra tự Đức Giátô, nhưng trong bấy lâu không phát-siễn, từ nay nghiêm-nhiên làm gốc cho công-pháp tư-pháp trong các nước. Trong dân-gian không phân-biệt gì nữa, không có chia ra hạng tăng-lữ, hạng qui-tộc, hạng « tam-dẳng »; bỏ hết các đặc-quyền về sưu-thuế; bãi hết các « phường bạn » (*corporations*) và các chức-dịch mua bằng tiền; tuyên-bố rằng phạm người dân Pháp ai có đủ tư - cách cũng được quyền sung các chức của Nhà-nước.

Đại-Cách-mệnh lại xướng cái chủ-nghĩa tự-do : ai cũng được quyền tự-do làm hết mọi việc không hại đến quyền tự-do người khác. Thứ nhất là quyền tự-do tín-giao, tự-do tư-tưởng, tự-do ngôn-luận. Được như vậy, không phải là không qua nhiều phen cạnh-tranh dữ-dội, nhưng mà được lợi-ích cho cả thế-giới.

40. Đế-chính của Vua Nã-phá-luân. — Đến vua Nã-phá-luân (NAPOLEON) thời cái tư-tưởng nhất-thống lại được thắng-lợi một lần nữa : vua Nã-phá-luân khởi-phục lại La-mã-đế-quốc theo một cái phạm-vi to rộng hơn, và làm trọn công-nghiệp của Đại-Cách-mệnh. Hồi làm thống-linh (*consul*) thời sửa tài-chính và hình-pháp, ký hiệp-ước với Giáo-Hội (*Concordat*), biên-tập bộ Dân-luật, đặt ra Bắc-dầu - bội - tinh, dựng ra Pháp-quốc-Ngân-hàng, v. v. Lên ngôi Hoàng-đế thời tuy đánh đóng giệp bắc, không lúc nào ngơi, mà vẫn kinh-doanh mọi việc cho được chỉnh-bị, như lập trường Đại-Học, tướng-lệ cho nông-nghiệp thương-nghiệp, thi-hành nhiều những công - trình lớn. Nhưng mà cách vua cai-trị thiên về chuyên-chế, lại lập ra một bọn qui-tộc mới, nên bọn trung-lưu giàu-có và có học-thức không chịu phục. Lại cách vua bạo-động với Giáo-Hoàng, khiến cho bọn tăng-lữ và cả giáo-dân cũng không phục nổi. Lại trưng-diện dân-binh luôn, không khỏi tiếng là cùng-binh độc-võ, làm cho bọn thợ-thuyền và bọn nông-dân là bọn trung-thành với vua hơn cả, vì vua giữ cho được quyền tự-do bình-dẳng và để cho được quyền có đất mà làm ăn, sau cũng phải chán. Nói tóm lại thời vua Nã-phá-luân, tuy chính-sự không khỏi nhiều điều sai-lầm, mà thực đã gây-đường ra được một cái nền chính-trị xã-hội có nhiều phần hiện nay vẫn hấy còn.

41. Khoa-học làm động - lực cho Văn-minh. — Khoa-học trước như

còn ẩn ở trong các phòng thí-nghiệm, đến thế-kỷ thứ 19, thời ở những nước đã khai-thông rồi, mới thấy khoa-học bắt đầu xuất-hiện ra xã-hội, và biến-cải cả mọi đường sinh-hoạt một cách mau-chóng vô-cùng. Nghề hóa-kim thời ở địa-chất-học mà ra; nghề chế-tạo các máy-móc, các đồ-dùng, ở vật-lý-học; nghề thuộc da, cất rượu và phần nhiều các công-nghệ, ở hóa-học; nghề nông, nghề thuốc, cách vệ-sinh, là ở thực-vật và động-vật-học. Những sự tiến-bộ bởi khoa-học mà ra, có lợi-ích cho cuộc văn-minh thế-giới nhiều lắm, không kể sao cho xiết được. Trước còn dùng than đá để lấy động-lực, sau lợi-dùng được cả sức thác nước; trước còn dùng sức hơi nước, sau đến sức thủy-diện (*hydro-électricité*). Khoa-học trước còn khám-phá trên đất dưới đất, sau đặt tàu lặn xuống tận đáy biển, chế tàu bay lên tận trên mây. Nhưng hại thay, khoa-học càng tiến-bộ, lại càng thêm cho người ta những cách tương-tàn tương-hại!

42. *Máy-móc thay cho nhân-lực.* — Máy-móc thế vào người, thời có làm cho bọn thợ-thuyền mất việc không? Cái vấn-đề ấy, các nhà tư-tưởng như ông THIERS, ông MICHELET, lấy làm lo-nghĩ đã lâu. Ấy là đời các ông ấy còn chưa biết cái búa máy làm được công mấy chục người thợ rèn, cái máy gặt máy bó thay được mấy chục kẻ nông-phu, cùng là cây máy một ngày làm được bằng công mấy tuần, máy in, máy điện, v. v. ! Nhưng thực-nghiệm ra thời biết rằng sự lo-sợ ấy không đến nỗi nào: nhờ có máy-móc sự sản-xuất tăng lên gấp mười gấp trăm ngày trước, lợi cho người ăn-dùng và cách sinh-hoạt trong xã-hội cũng được tiện-lợi, bọn thợ-thuyền không những không bị máy cướp mất việc mà lại số mỗi ngày một nhiều lên, vẫn không đủ để coi máy. Ngày nay thợ ở các

nước yêu-cầu chỉ làm mỗi ngày tám giờ, thành ra công việc đọng cả, người ta còn mong cho máy-móc mỗi ngày một linh-hoạt để cho công việc được chạy hơn. Về đường xã-hội, cái cơ-giới-chủ-nghĩa (*le machinisme*) lại còn một sự kết-quả nữa: là thành ra một cuộc sinh-hoạt riêng ở các nơi công-xưởng, cách sinh-hoạt này có hay mà cũng có dở, vì nhân đó mà sinh ra cái lòng đoàn-thề, nhưng cũng nhân đó mà sinh ra cái họa đảng-hội.

43. *Văn-học mỹ-thuật làm động-lực cho văn-minh.* — Tri-tuệ người ta hoạt-dộng không bao giờ nhiều và mạnh bằng trong khoảng tiền-bán thế-kỷ thứ 19, và trong lịch-sử văn-minh không có một thời-kỳ nào kết-quả về tinh-thần được nhiều bằng thời-kỳ ấy, hoặc kết-quả cận-tiếp ngay, hoặc tạo-nhân cho sau này. Bấy giờ thời nước Pháp là đứng đầu văn-quốc. Khoa-học biến-cải cách sinh-hoạt bề ngoài, văn-học mỹ-thuật bấy giờ cũng cách-mệnh như chính-trị hồi năm 1789 mà biến-cải tinh-thần người ta, vừa biến-cải mà lại vừa giải-phóng cho nữa. Phái lãng-mạn (*romantisme*) về văn-chương mỹ-thuật, tuy cũng có lưu-lệ, mà thật đã giải-phóng cho tinh-thần người ta thoát ra ngoài những qui-cũ cũ. Nghề diễn-thuyết, nghề làm báo, cũng thi nhau mà hoán-cải tâm-tính người ta, không những tâm-tính một bọn thượng-lưu — như hồi Văn-nghệ-Phục-hưng, Tôn-giáo-Cải-cách, hay là hồi các nhà triết-học trước Đại-Cách-mệnh, — mà hoán-cải tâm-tính suốt cả dân-tộc. Tuy báo-quản và diễn-thuyết thường bị kiểm- chế mà chưa được hoàn-toàn tự-do, song cũng làm trọn được công-nghiệp đời trước và thu-hoạch được cho dân cái quyền phổ-thông-bảo-cử (*suffrage universel*). Thế là chủ-nghĩa dân-chủ được thắng hẳn chủ-nghĩa quân-chủ. Các nước rồi sẽ tiếp-tục nhau mà theo về đường dân-chủ cả.

44. *Cuộc kinh-tế cạnh-tranh.* — Cái cơ-giới-chủ-nghĩa làm cho công-nghệ thương-nghiệp phát-dạt một cách lạ-lùng, số sản-xuất tăng gấp trăm, sự vận-tải mau chóng vô-cùng, các nước giao-thông với nhau thành ra một mối quan-hệ mới, cần phải lấy một cái phép-tắc chung qui-dịnh. Bởi đó mà sinh ra cái vấn-đề kinh-tế. Không nước nào tự mình mà kiếm được đủ trong nước mình hoặc là nhiên-liệu (*combustibles*), hoặc là nguyên-liệu để dùng về việc chế-tạo; lại không có nước nào có sẵn những nguyên-liệu cùng nhiên-liệu ấy mà một mình dùng hết; các nước tất phải cần nhờ đến nhau, phải làm thế nào cho sự can-hệ ấy được ổn-thoả và tiện-lợi cho mọi bên? Có hai cách: một cách là « tự-do mậu-dịch » (*libre-échange*), một cách là « bảo hộ mậu-dịch » (*protectionnisme*), hai đảng cũng đều có chỗ tiện-lợi cả, muốn điều-hòa hai bên mà các nước mới kết-dinh thương-uớc. Nước nào cũng nên bảo-hộ sự mậu-dịch của mình, nhưng không nên làm quá, sợ nước khác đối-phó lại; lại nước nào cũng nên cho tự-do mậu-dịch, nhưng cũng phải cần-thận, sợ hàng ngoài ngập mất hàng mình. Điều-hòa cho được, thật cũng khó-khăn lắm, và kỳ-thực thời thật là một sự cạnh-tranh vô-hạn, khi-giới tức là thuế thương-chánh, và kết-quả có khi làm cho cả một nước được thịnh-vượng, cũng có khi làm cho cả một nước phải suy-sút.

45. *Sự khai thuộc-địa.* — Trong cuộc thương-chiến, thời cốt-yếu là làm thế nào bán cho nước ngoài thật nhiều mà mua vào nước mình thật ít, như vậy thời nước nào có thuộc-địa làm nơi thâu-nhập đồ hàng của mình vào không mất thuế và tiêu-thụ được đặc-quyền, chẳng là được hơn các nước lắm rư? Kể từ đời xưa, thuộc-địa hãy còn là một cái « sa-xỉ-phẩm » và chưa

thành một sự nhu-cần tất-yếu, nước Pháp, nước Anh, nước Tây, cũng đã từng nhờ thuộc-địa mà được thêm phú-cường. Nước Anh càng ngày càng mở rộng thêm thuộc-địa, mà lợi-quyền cũng càng ngày càng được thêm nhiều; nước Tây vì không giữ được thuộc-địa mình mà phải sụt xuống bậc dưới trong hàng liệt-cường. Nước Pháp về thế-kỷ thứ 18 đã hầu mất hết các thuộc-địa, tự năm 1830 đến nay mới dần-dần khôi-phục lại. Nước Đức thời lập-quốc sau nhất, không kịp chiếm được thuộc-địa, chỉ mơ-mông muốn cướp đất của người, thành ra gây thù với khắp các nước mà sinh ra cuộc lưu-huyết vừa rồi. Như nước Pháp ngày nay về đường kinh-tế cũng có phần quân-bách, những kẻ thức-thời nói rằng muốn qua khỏi sự quân-bách ấy thời phải cực-lực lợi-dụng các thuộc-địa ở Á-châu và Phi-châu.

46. *Thời-dại của nước Hoa-kỳ.* — Thời-dại của nước Mĩ Hoa-kỳ có lẽ là thế-kỷ thứ 20 này chăng? Nước Hoa-kỳ mới lập-quốc từ cuối thế-kỷ thứ 18, do các thuộc-địa cũ của Anh và của Pháp ở Bắc-Mĩ liên-hợp lại mà thành ra; tự thế-kỷ thứ 19 thời các lưu-dân ở Âu-châu sang sinh-cơ lập-nghiệp đây rất nhiều, dần dần thành một dân-quốc lớn. Nước Hoa-kỳ sinh-trưởng ở một nơi đất mới, trước kia chỉ có những rợ Da-Đỏ ở, văn-minh cũng mô-phỏng như văn-minh Âu-châu, nhưng khoáng-trương ra to-tát vô-cùng. Cái cảnh-tượng thiên-nhiên của đất nước Mĩ vốn đã to lớn thay, người Mĩ như muốn bắt chước cái hoàn-cảnh trong nước mình, mà nhất-thiết cũng muốn làm to-tát khác thường cả, « muốn làm cho to hơn nhất cả trong thế-giới », như lời họ thường nói; kể ra thời cái mục-dịch ấy, họ cũng đã đạt tới vậy. Nước Mĩ quả là một nước thịnh-vượng nhất trong thế-giới; nông - nghiệp, công - nghệ, thương -

ngiệp, cũng là to-lớn hơn nhất cả, và của-cải thật là giàu-có không ai bằng. Nhưng mà thịnh-vượng về đường vật-chất nhiều hơn là thịnh-vượng về đường tinh-thần mĩ-thuật, bởi thế nên người Mĩ đã thành tiếng là những tay « doanh-nghiệp » (*business men*). Nước Mĩ hồi mới thành-lập, tuy có nhờ cấp-viện của Âu-châu, nhưng đến khi độc-lập rồi, xưng ra cái « Manh-la chủ-nghĩa » (*doctrine de Mouroe*), tuyệt bất can-thiệp với Cựu-Thế-giới. Đến hồi đại-chiến-tranh mới rồi mới can-thiệp với Âu-châu, và đem cái văn-minh tân-tạo dung-hòa với văn-minh cựu-thế-giới.

47. Phần Nam - Mĩ. — Ở Nam-Mĩ và kể cả Trung-Mĩ nữa, văn-minh không được tiến-bộ bằng Bắc - Mĩ. Trước nhất là bởi về hồi thế-kỷ thứ 15, 16, người Tây-ban-nha và người Bồ-đào-nha mới đến chiếm-cư đất ấy, thời ở đây đã có một giống người Tây-Ấn-độ (*Indiens*), trình-độ văn-minh đã cao, có thể sánh với người Ai-cập đời xưa được; người Tây và người Bồ chỉ có một mục-dịch, là lợi-dụng thổ-dân để hoạch-lợi cho mình. Sau nữa là bởi đất Nam-Mĩ trước kia người Âu-châu vẫn coi là một nơi tạm-trú, những kẻ giang-hồ sang đây ít năm để kiếm của, rồi bỏ mà về, có ai định sinh-cơ lập-nghiệp lâu. Như vậy thời văn-minh không thể sao tuần-tự tiến-bộ được. Tới bây giờ mới gọi là thành cơ-sở. Đồng-diễn võ ra từng khu lớn, người Âu-châu đến trồng-trọt chăn-nuôi, nhờ có thổ-dân và những bọn hắc-nô ở ngoài đem lại làm người sai-khiến. Hiện nay đã có nhiều những nơi đô-thị lớn, dân đã thành định-cư và văn-minh cũng thành cơ-sở, như thành *Buenos Ayres* hay là thành *Rio de Janeiro* thời chẳng kém gì các thành-phố lớn Âu-châu.

48. Phần nước Tân-Nhật-bản. — Một cổ-quốc Á-dông mà nhất-dân đòi theo văn-minh mới của Tây-phương,

thật là một sự lạ-lùng, cổ-lai chưa từng thấy bao giờ. Một dân như còn chìm-dắm trong chế-độ Phong-kiến, trong Phật-giáo, Thần-giáo, cùng những tục cổ đời xưa, và về địa-thể thời rất là cách-xa các nước Âu-mĩ, vậy mà một buổi xuất-hiện ra, thấy mô-phỏng được hết các phong-thói của Thái-Tây. Nói rằng mô-phỏng hết cả thời cũng quá, nhưng bất-chước được nhiều sự hay của văn-minh mới. Lại nói rằng nước Nhật đã Âu-hóa hẳn, cũng chưa được đúng. Cứ thực thời trừ các nơi thành-thị, còn về đến chốn thôn-quê, nước Nhật-bản vẫn còn y-nguyên như cũ: dinh-dài vẫn làm bằng gỗ sơn, nhà ở vẫn làm bằng tre trúc, đàn-bà vẫn mĩ-miền như cái phên.... Nhưng ở nơi thành-thị thời thật là cải-cách mới. Vào khoảng năm 1860, có một ông kỹ-sư nước Pháp sang đóng tàu và bắt đầu dựng cho Nhật-bản một đội hải-quân: hải-quân Nhật ngày nay mạnh thế nào, cứ xem trận *Hiérosima* thời biết. Kể đến thương-thuyền, đến công-xưởng cũng phát-dạt mau lắm. Học-trò Nhật kéo nhau lũ-lượt sang học ở *Paris, Londres, Berlin*, thâu-nhập về nước những kiến-thức mới của Thái-Tây, cùng cả các lưu-tục Tây-phương nữa. Kết-quả là trong nước có hai lớp văn-minh, một lớp mới và một lớp cũ, lớp mới mỗi ngày một tràn ngập và biến-hóa lớp cũ vậy.

49. Thế quân-bình ở Âu-châu và trong thế-giới. — Trong sự cạnh-trực nhau trên trường văn-minh, đến giữa thế-kỷ thứ 19, thời những nước đã vào hạng liệt-cường văn-minh, nước nào đại-dễ cũng ngang bằng thế-lực nhau cả. Cách ăn ở, thói quen, phong tục, cho chí pháp-luật, đại-dễ cũng giống nhau, có khác thời cũng là tùy theo chủng-tộc khí-hậu mà khác một đôi tí mà thôi. Vậy thời không cần phải biết rằng nước nào hơn nước nào, nhưng phải tìm cách làm thế nào cho không

ai hơn được ai. Đó là cái thời-kỳ mở hết hội-nghị nọ đến hội-nghị kia, kỳ hết hiệp-trước này đến đồng-minh khác, đề mà giữ lấy cái thế quân-bình trong liệt-quốc, nhưng mà sự quân-bình ấy cũng không mấy khi được lâu bền, hồ ké phăng lại lệch ngay! Hội-nghị thành *Vienne* (tàu dịch là Duy-dã-nạp) cũng chẳng giải-quyết gì được hơn hội-nghị thành *Berlin*, và cuộc Thánh-thần Đồng-minh (*Sainte Alliance*) thời gần-bỏ rồi lại tan ngay. Các dân-tộc kết-liên với nhau, trước lấy quyền-lợi nhà vua hoặc lấy chủng-tộc các dân làm chuẩn, từ nay chỉ lấy sự quốc - tế tài - chính (*finance internationale*) làm đích. Việc ngoại-giao của liệt-quốc, đều lấy lẽ lý-tải mà quyết - định, còn các dân - tộc muốn được hòa-bình vẫn hô-hào đề xin bãi-bình, mà vẫn chưa hề thấy nước nào bãi-bình cả.

50. Quốc-tế-chủ-nghĩa. Đảng Công-cộng (*La Commune*), hội «Sô-viét» (*So-viet*). — Xã-hội ngày nay là xã - hội của bọn trung-lưu, nên lấy nghĩa dân-tộc làm cốt. Phản-đối với xã-hội này là đảng lao-dộng (*prolétariat*), và các hội liên-hợp đảng lao-dộng ở các nước. Thế gọi là quốc-tế-chủ-nghĩa. Theo chủ-nghĩa này thời từ nay sự cạnh-tranh không phải ở nước nọ với nước kia mà chính ở các hạng dân trong một nước, khiến cho đảng lao - động thế được bọn trung - lưu làm chủ - nhân-ông trong thế-giới. Nhân đó sẽ tạo-thành ra một lối văn-minh mới, lấy cái chủ-nghĩa công-dồng cộng-sản làm gốc cho xã-hội. Cho được đạt tới mục-dịch đó, đảng lao-dộng bên hợp thành hội gọi là liên-hợp-hội (*syndicats*), các hội ấy lại hợp thành một hội lớn gọi là «Tổng-liên-hợp-hội» (*Confédération*), có đặt chi - hội ở khắp các nước trong thế - giới; còn phương-pháp thời dùng cách «tổng-bãi-công», nghĩa là đình cả mọi việc hành-động cho cái xã - hội hiện - thời phải tiêu-

diệt; hay là muốn tấn-tốc hơn thời dùng sự phá-hoại bằng khi - giới. Cái phương-pháp thứ nhì ấy, gặp những khi trong nước nguy - hiểm, thời dễ thi-hành lắm, như hồi nước Pháp bị thua năm 1870-71, hồi nước Nga bị đồ năm 1917, ở nước Pháp thời đảng Công-cộng (*la Commune*) dậy lên, ở nước Nga thời các hội «Sô-viét» thành-lập, đều là đảng lao-dộng thắng thế cả.

51. Văn-hóa nước Đức và vị-cơ-gi bị thất-bại. — Về đầu thế-kỷ thứ 20, mới xuất-hiện ra một lối văn-minh mới, là văn-minh, nước Đức, người Đức gọi là *kultur*. Lối văn-hóa riêng ấy có những đặc-tính gì? Lấy sức mạnh phải thắng công-lý; gồm tất cả những chế-độ cổ về phong-kiến, về quân-chủ, về đế-quốc, về quân-quốc, phản-đối với cái tinh-thần tự-do bình-dẳng đời nay; coi điều-uớc là mảnh giấy lộn, lấy sự nói dối làm một cái khi-giới; mục-dịch là chỉ muốn tranh bá-quyền cả thế-giới, bắt những dân bị thua làm nô-lệ cho mình và chiếm lấy đất-nước, phục lấy nhân-dân người ta, ép người phải theo pháp-luật, phong-tục, mĩ-thuật, văn-học, cho chỉ cách tư-tưởng của mình, và phải mua đồ hàng của mình; chiến-tranh thời dùng cách đốt nhà, lấy của, giết chiến-tù, bắt khổ-sai, nói rằng chiến-tranh muốn cho hợp với nhân-đạo thời ở hải rất là dữ-tợn, vì có dữ-tợn mới mau xong; còn những đức-tính như sự liêm-sĩ, thành-thực, thời tuyền-nhiên không kể đến; ấy cái văn-hóa riêng của người Đức đại-khái như thế, và người Đức gây ra cuộc chiến-tranh năm 1914 cũng là chủ muốn đem cái văn-hóa ấy truyền-bá cho các nước vậy. Nước Pháp trong lưu-vực sông *Marne* đã được cái danh-dự ra tay chống-cự với cái văn-hóa dữ - tợn ấy và sau cùng đến thắng được.

52. Hội Vạn-quốc. — Đối với cái tư-tưởng của người Đức như thế, nước

Pháp và các nước văn-minh khác đều hiệp-lực nhau lại để gây thành một hội Vạn-quốc, mục-dịch là tổ-chức lại thế-giới theo một cái chủ-nghĩa mới. Chủ-nghĩa này là chủ-nghĩa công-lý, đối với cái chủ-nghĩa bạo-động chiến-tranh. Phàm những vấn-đề thuộc về chính-trị, về kinh-tế, về tài-chính, về xã-hội, vì đó mà sinh ra mọi sự cạnh-tranh trong các nước, cùng những cách vô-bị ghê-gớm để mà đương những sự cạnh-tranh ấy, từ nay sẽ đem cả ra một tòa Cao-dẳng-Tài-phán để quyết-nghị. Các nước hợp thành Hội Vạn-quốc sẽ điều-định những công-việc chung cũng như mỗi nước điều-định công-việc riêng của mình. Nước nào vào Hội ấy cũng

được, miễn là phải cho xứng-dáng; dầu Đức muốn vào cũng không ai cấm. Còn nước nào làm trái chủ - nghĩa thời Hội sẽ tìm cách đàn-áp cho phải theo. Nguyên cái chủ-nghĩa này là từ nước Pháp xướng ra trước, năm xưa đã lập ra Hội-nghị ở thành *La Haye*; nay thời có hai người có công nhất là quan Thượng-Nghị-viện Chánh-nghị-trưởng nước Pháp LÉON BOURGEOIS và quan nguyên Giám-quốc nước Mĩ WILSON. Trước các ngài, Đức Gia-tô là giáo-chủ đạo Thiên-chúa đã có câu nói rằng: « Nguyên cho những kẻ tốt bụng được hoà-bình yên-ôn ở trên đời! » Có lẽ lời ấy sắp thực-hành được chăng?

HỒNG-NHÂN biên-dịch

Đông-lân tây-trào

1. — L'étude de la littérature française n'est pas seulement une merveilleuse école d'art, de goût exquis et de mesure, de délicatesse et de clarté, mais elle se hausse à la dignité d'une école des sciences morales et politiques. — CHARLES SAROLEA.

2. — Le rôle de la littérature est de faire entrer dans le patrimoine commun de l'esprit humain et d'y consolider par la vertu de la forme tout ce qui intéresse l'usage de la vie, la direction de la conduite et le problème de la destinée, dans une langue intelligible à tous, transposer et traduire ce qui ne devient clair — et même peut-être vrai — qu'en devenant général. — FERDINAND BRUNETIÈRE.

3. — Qu'un homme sache me regarder en face, rire avec moi, parler franc et agir loyalement, et je le reconnais pour mon frère, eût-il la peau noire comme de l'encre ou jaune comme un coucou. — G.-H. WELLS.

1. — Học văn-chương Pháp không những là tập được một lối mỹ-thuật huyền-diệu, phong-thú, sáng-sủa, điều-dộ, diên-nhĩ, tiêm-lất, mà lại là học được những nghĩa lớn về các khoa luân-lý chính-trị ở đời.

2. — Chức-vụ của văn - chương là phạm những sự quan-hệ đến cách ăn ở trên đời, phép lập-thân xử-thế, đem diễn ra lời hay, cho ai nấy dễ hiểu, dễ mà sáp-nhập vào cái kho trí - thức chung của loài người, và muốn diễn cho được rất mực phân-minh, thật là chánh-dáng, thời phải là những lẽ phổ-thông quan-hệ đến cả nhất-ban nhân-loại mới được.

3. — Người nào biết đương mặt nhìn tôi, cùng tôi cười nói, nói-nàng ngay-thẳng, ăn ở trung-thành, người ấy dầu da đen như mực, hay da vàng như con chim hít-cỏ, tôi cũng sẵn lòng coi như anh em.

CẨM-HỌC TÂM-NGUYÊN

琴學尋源

(Khảo về nghệ đồn ở nước ta) (1)

Bài thứ III

Đồn Chậm.

Đồn chậm nguyên đồn khách mà dịch ra, nên nhịp tuy rải-rác, mà ngôn văn hùng-hào.

Đồn chậm khó hơn đồn nhịp một, đồn nguyệt lại khó hơn hết. Vì là nhấn đồn nguyệt phải cho công phu, mới hết tiếng tơ; cho nên đồn cho khá đã, rồi học đồn chậm. Nếu mới biết đồn mà đã lo học đồn chậm, thời cũng chẳng khác chỉ học-trò mới tập làm đối, mà đã muốn làm thơ, làm phú.

Nhấn đồn nguyệt phải cho chín-chắn

mới tròn tiếng, nhấn chầy-chầy, mà đừng cho rung lăm.

Đồn nhịp-một thời còn khỏe tay, có tiếng không công-phu chi mấy. Chớ đến đồn chậm, tuy trong bài có chữ không đánh dấu nhấn mặc dầu, mà tiếng nào cũng phải đồn cho đến chữ hết, mới hay được.

Còn đồn tranh, thời ít phiền, vì là đồn tranh đã sẵn chữ, nên có chữ nhấn, có chữ không.

Đó là phép đồn chậm.

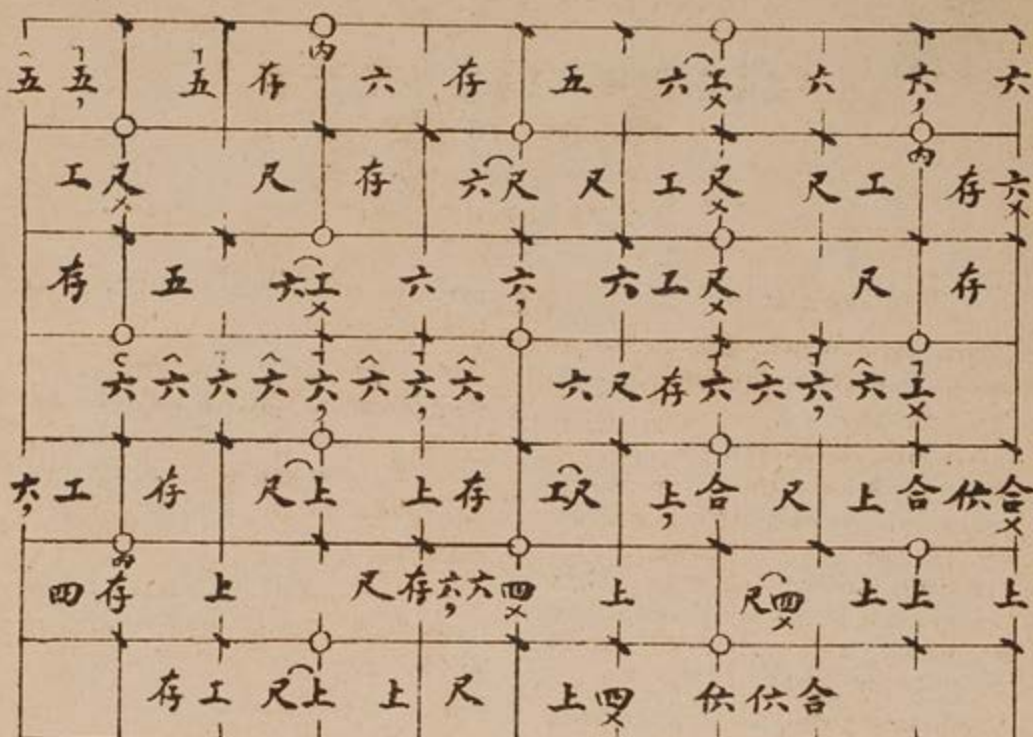
LƯU-THỦY chậm.

32 nhịp.

流水緩調

三十二拍

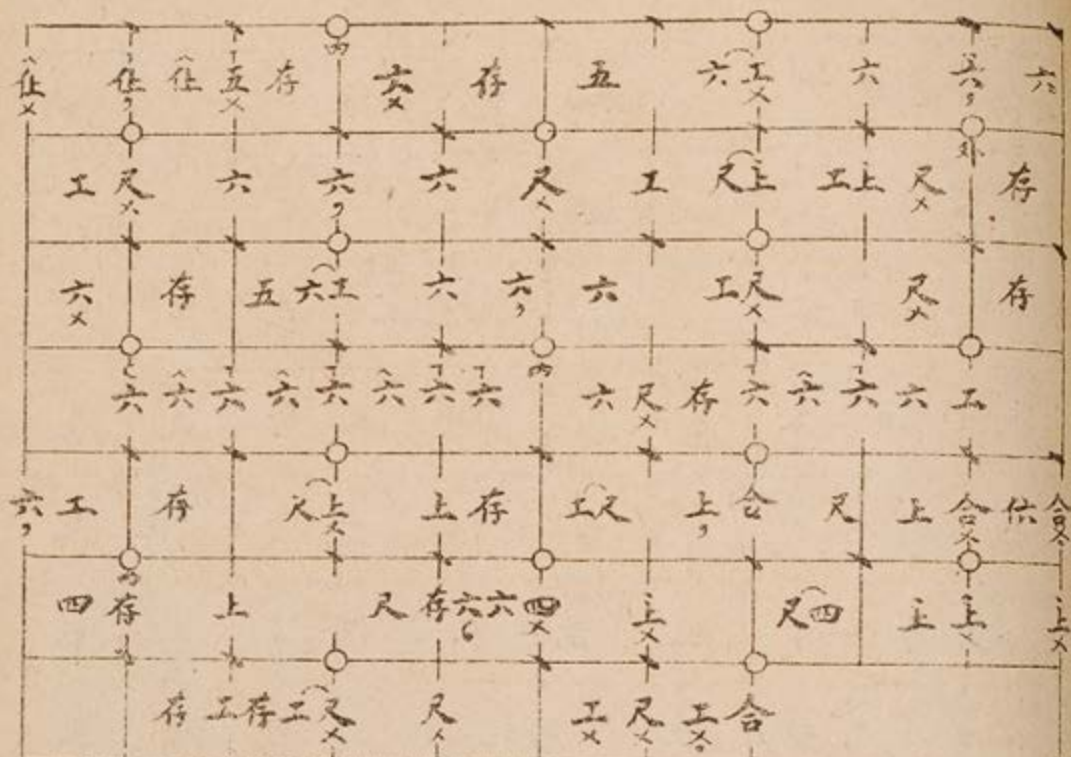
存	桑	存	合	伏	四	合	四	存	上	存	工	尺					
上	合	尺	伏	上	上	合	伏	四	存	上	尺	存	尺	上	上		
四	合	四	存	上	上	尺	存	六	六	四	上	尺	尺	四	四		
上	合	伏	存	工	存	六	六	六	工	存	尺	上	上	尺	六	四	合
四	上	上	尺	存	工	六	六	尺	尺	工	存	六	存	六	存	六	存
五	六	六	存	六	五	五	五	五	五	五	五	五	五	五	五	五	五



LƯU-THỦY đổi ngôn.
32 nhíp.

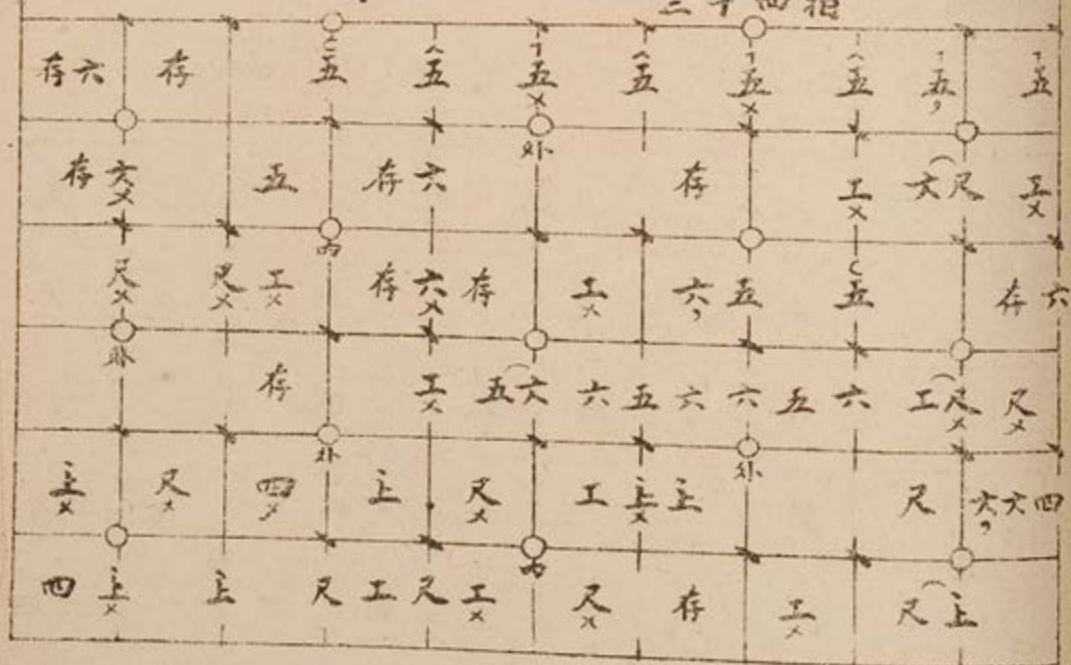
流水換法
三十二拍

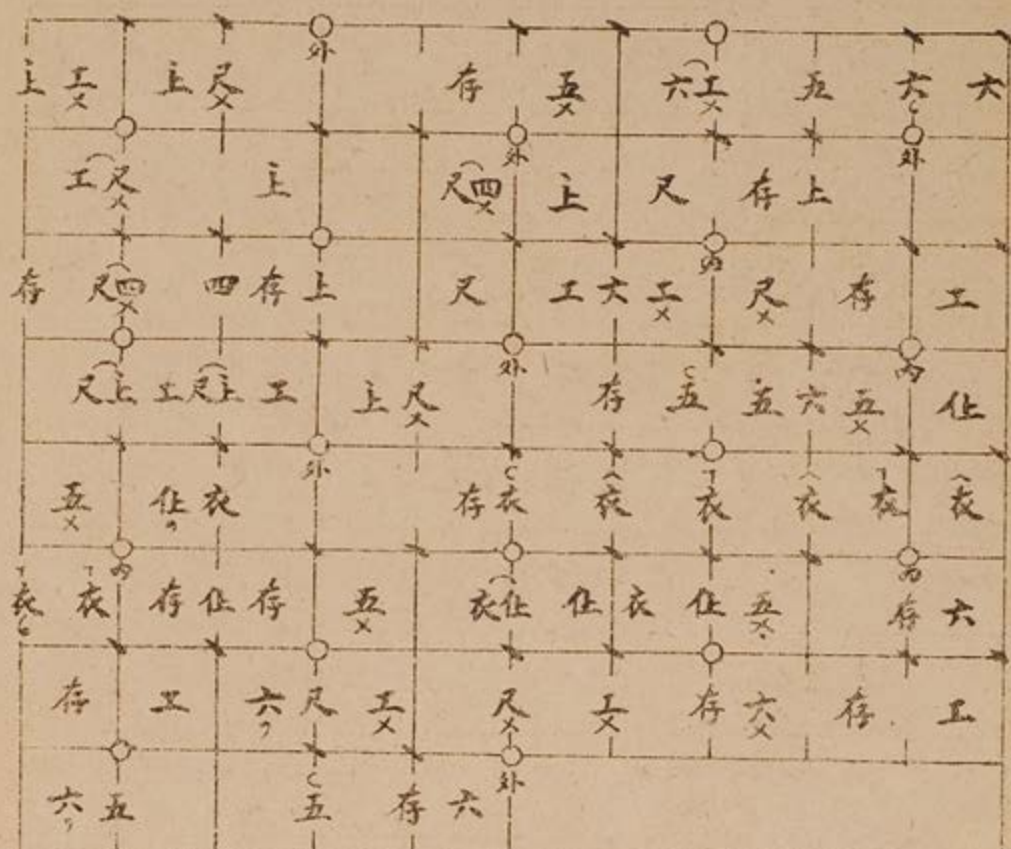




PHU-LUC chām.
34 ahip.

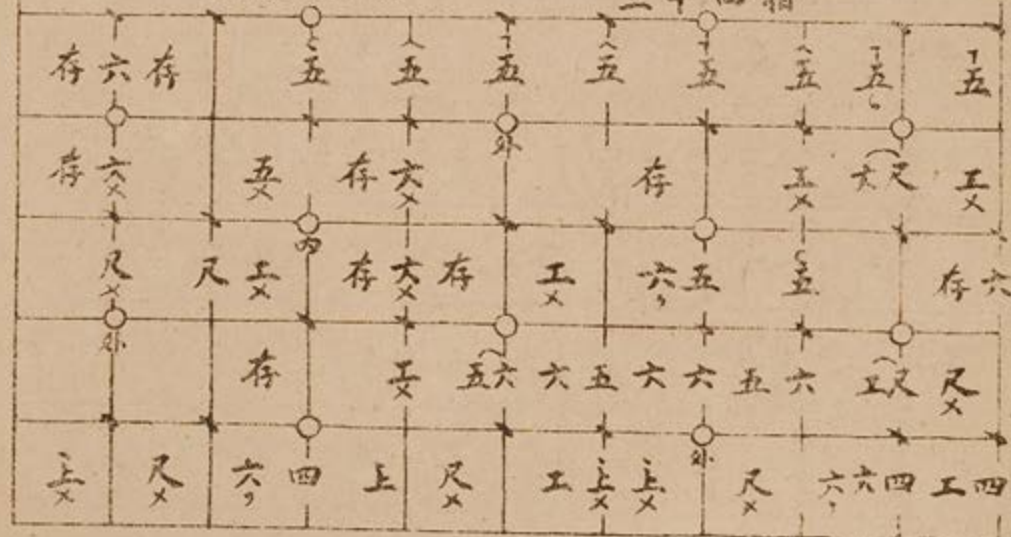
賦陸緩調
三十四拍

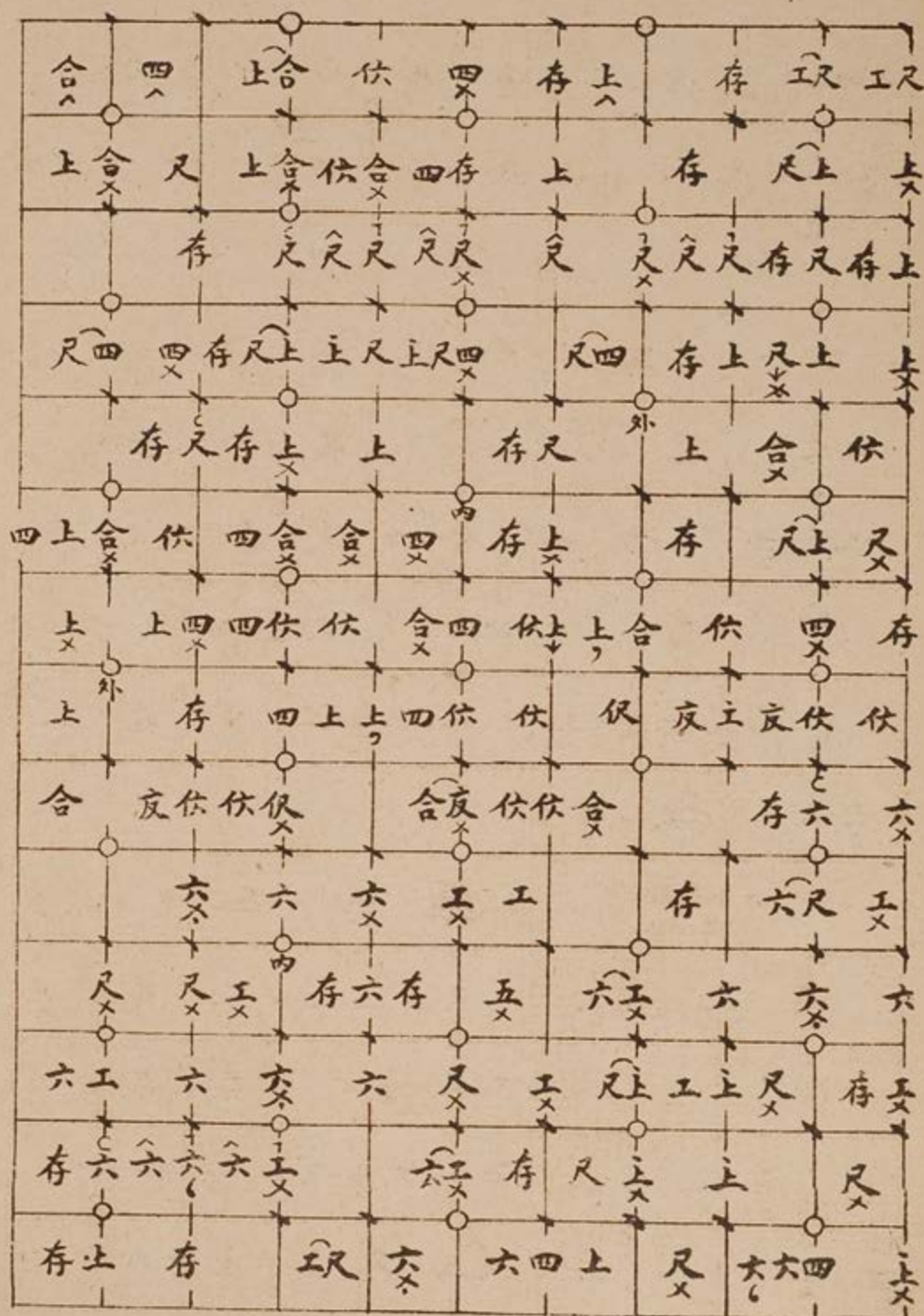




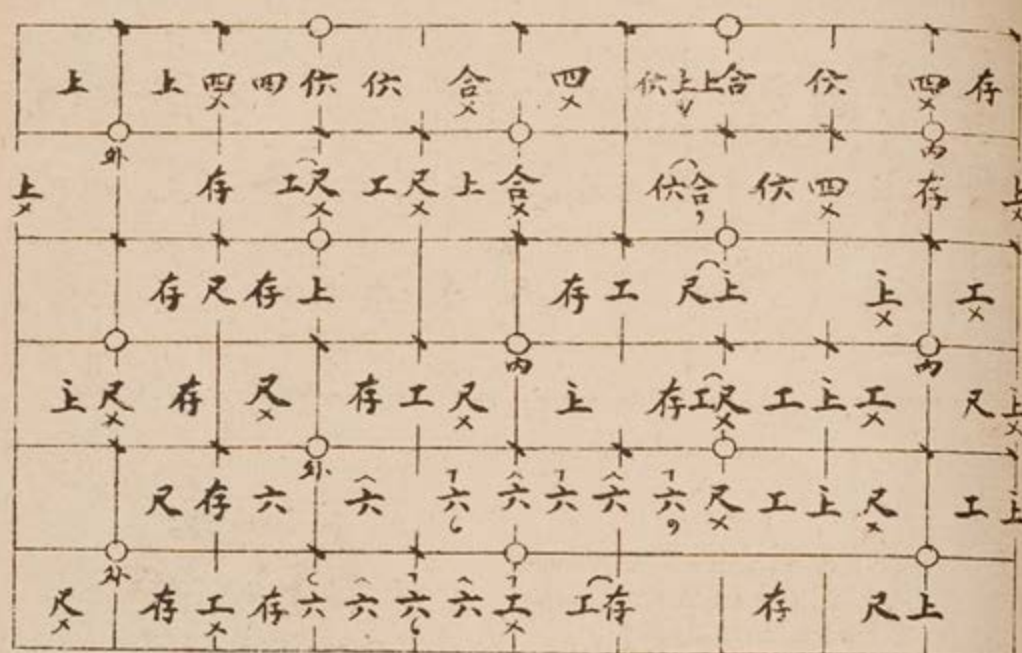
PHÚ-LỤC chạm
đôi ngón, 34 nhịp.

又 賦 陸 橫 法
三十 四 拍





[illegible]



Đờn Nam.

Đờn nam là điệu đờn nhẹ-nhường, êm-ai, yếu-diệu lắm. Đờn nam có hai thể: một thể thời vừa khoan-thai, vừa dịu-dàng, vừa hùng-lực, như là đờn Nam-bình, Nam-xuân; còn một thể thời lu-dầu, dặt-dờ, ai-oán, như là đờn Nam-ai, Chinh-phu.

Cho nên đờn nam cách nhấn khác đờn khác. Nhấn có lu-dầu, cho u-trầm, mới ra cách đờn nam, vì là điệu Bắc thời

hùng, mà điệu nam thời ai. Các bác thăm-âm xưa, đã nghiệm điệu lắm rồi, mới đặt bản đờn ra. Coi như nước mình kể các điệu hát, điệu hò, điệu ca, điệu lý ở Bắc thời khác, mà lẫn vô Nam thời lại khác. Nào là hát xoan, hát xẩm, hát bội, hát nhà trò; nào là hát chèo đò, hát giã gạo, hát làm ruộng, hát ru con, đi từ Bắc vô Nam đến mỗi tỉnh thời lẫn lẫn đổi điệu.

Những kẻ thăm-âm xin nghiệm thời hiều

GIAO-NAM

南宮序

上 合 依合依合 上 上尺 存 桑存 六 六 存 桑存
 依 依 依 依 依 存 依 五 依 存 桑存 六 五 上 上 六 尺 尺

反 尺 六 六 六 上 尺 六 尺 上 上 伏 伏 合 伏 合 合 四 上 上

上 四 上 尺 六 存 桑 存 上 尺 尺 合 伏 合 伏 尺 伏 伏

存 伏 伏 合 伏 合 上 上 尺 存 桑 存 上 上

Giao nam tuy có ít, mà đủ ngón, nên phải giao đi giao lại vài lần cho ra chữ rồi đờn.

下江南

HẠ-GIANG-NAM hay là NAM-XOAN,

tục-danh là Nam-chiến, 48 nhịp

trước một nhịp không.

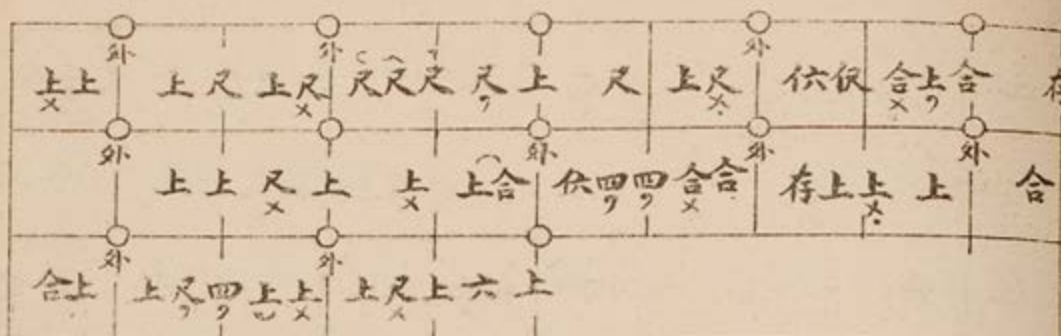
Nguyên đờn nhịp một.

一名南春。俗名南戰。

原用平調單拍。凡

四十八拍。先虛一拍。

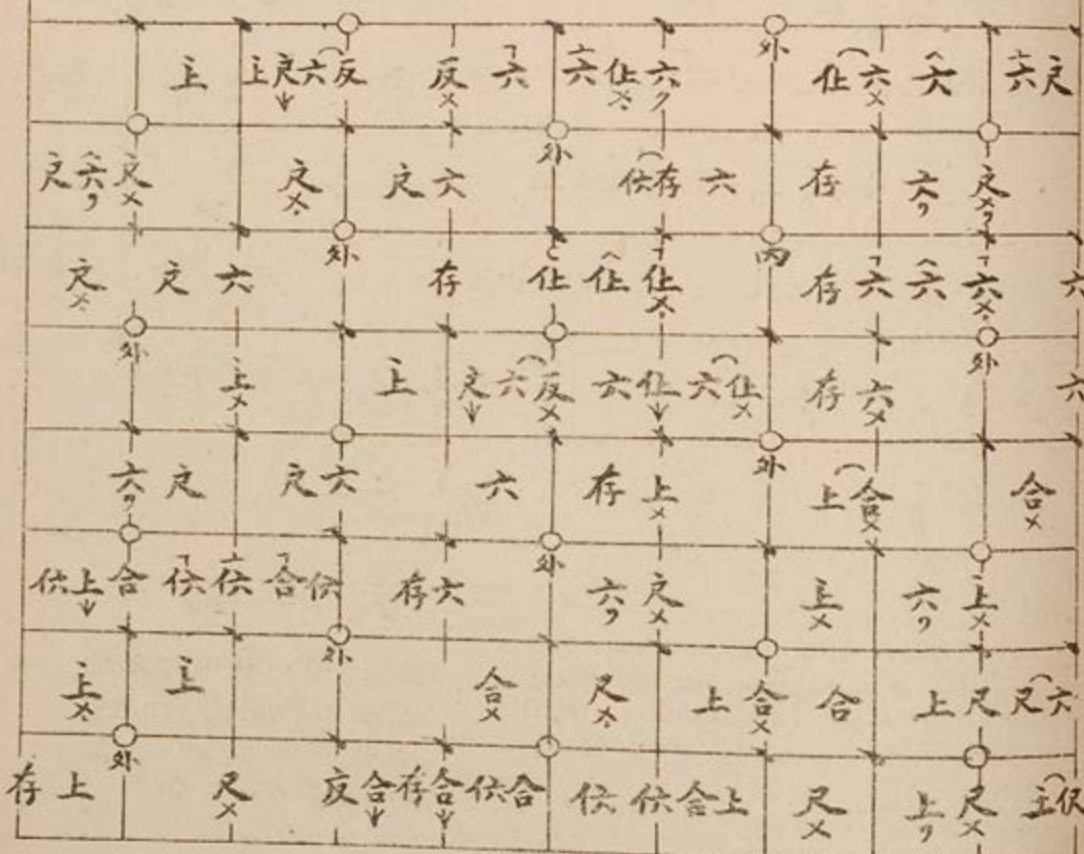
外	上	六	反	六	五	仕	六	六	尺	六	尺	尺	尺	六	外	存	六
六	六	尺	尺	尺	六	存	五	仕	六	六	六	尺	上	反	六	五	六
仕	六	六	尺	尺	六	存	上	上	上	合	伏	合	伏	合	存	六	六
六	上	上	存	尺	六	反	六	尺	尺	六	六	尺	六	尺	尺	尺	尺
尺	六	存	尺	尺	五	六	上	尺	六	反	尺	上	六	上	存	四	尺
尺	上	四	尺	六	存	上	尺	尺	合	伏	合	伏	上	上	伏	伏	上
合	上	尺	尺	伏	合	上	合	上	合	存	上	上	合	上	合	上	尺

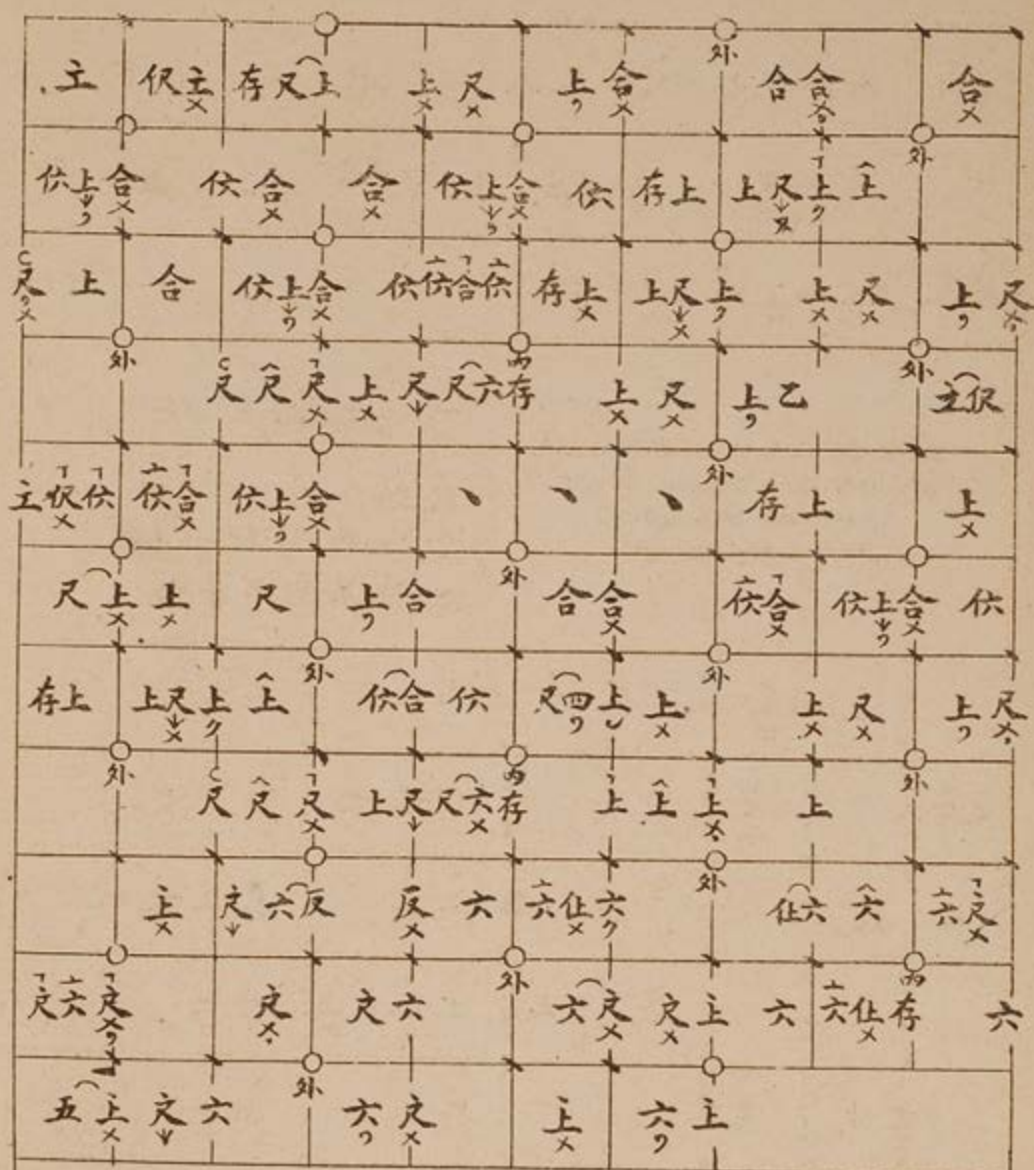


HẠ-GIANG-NAM hay là NAM-XOAN,
tục-danh là Nam-chiến, 48 nhíp.
trước một nhíp không.
Nguyên đơn nhíp một.

下江南。變格

緩調。四十七拍。與
哀江南同。乃今之所
誤認為商平者也。

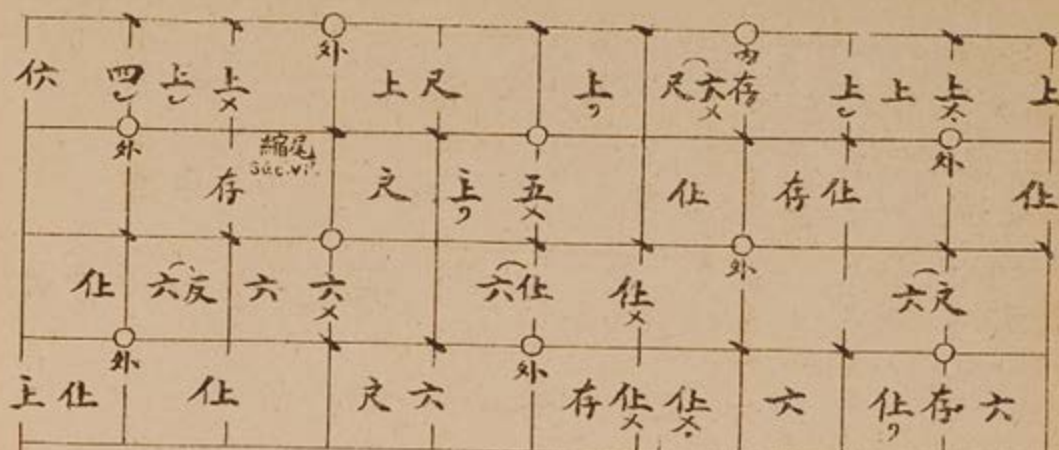




望江南

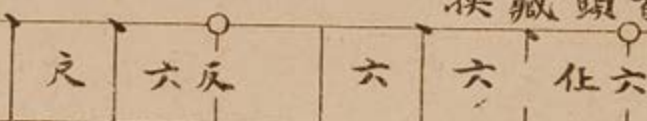
VONG-GIANG-NAM. tục danh Nam-Bình,
45 nhịp. Bản này chia từng lớp: Tầng
dầu, Hoàn-vận. Đờn thanh, Súc-vi.
Ngón Lay đờn Nguyệt đều trong bản này.

俗名南平。四十五拍。
此曲中有藏頭。換韻。
倒聲縮尾。之法。月琴
之妙。具在此曲。



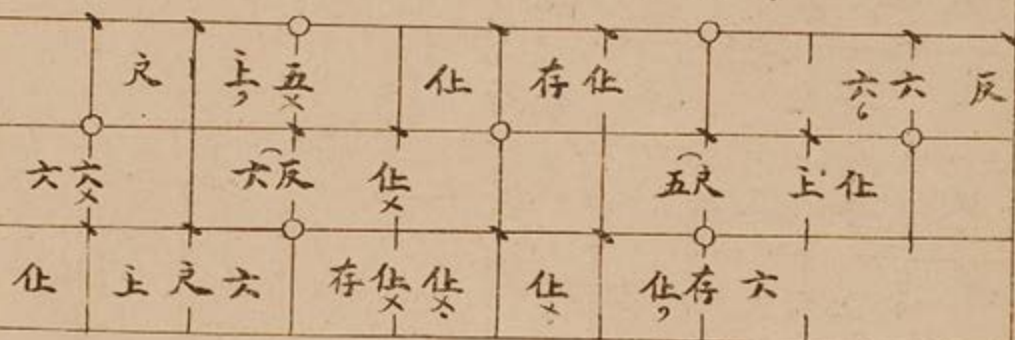
Đôi ngón Tàng-đầu.

又法
藏頭句
換



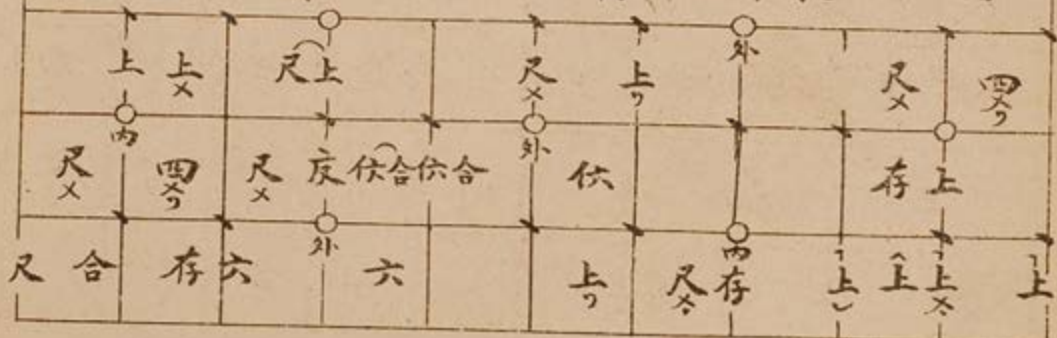
Đôi ngón Súc-vì

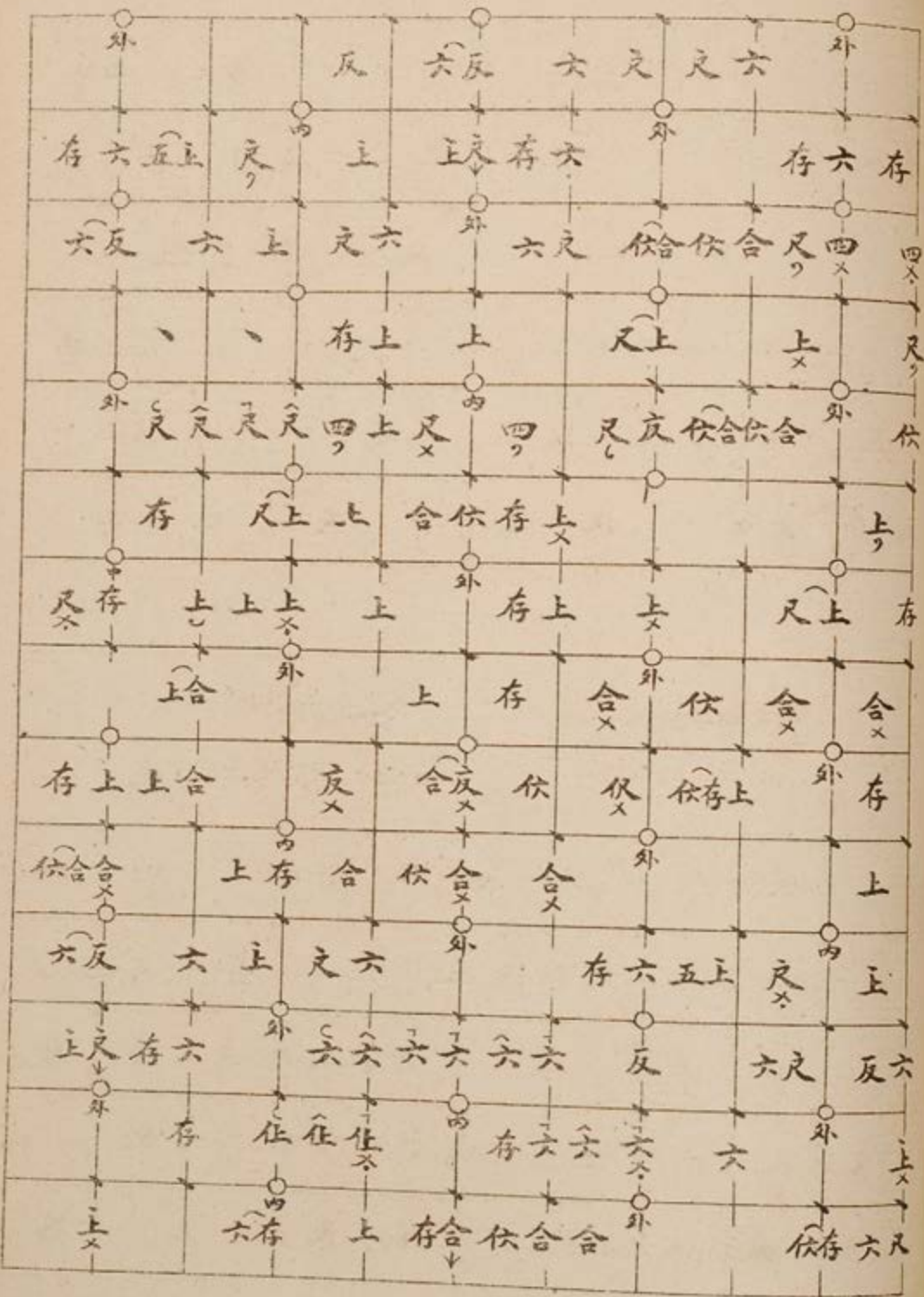
又縮尾換句

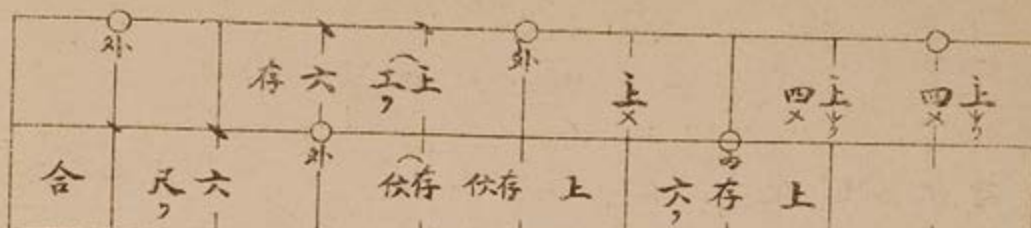


AI-GIANG-NAM hay là
NAM-AI. 47 nhíp.

哀江南 俗名南哀四十七拍

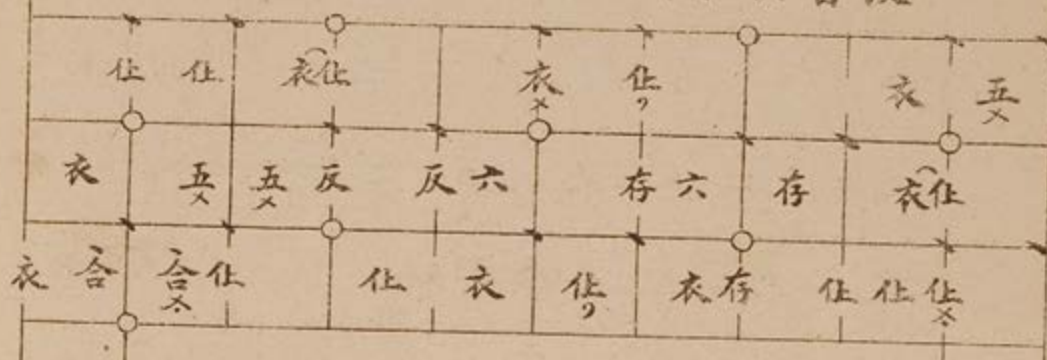






Đổi lớp đảo.

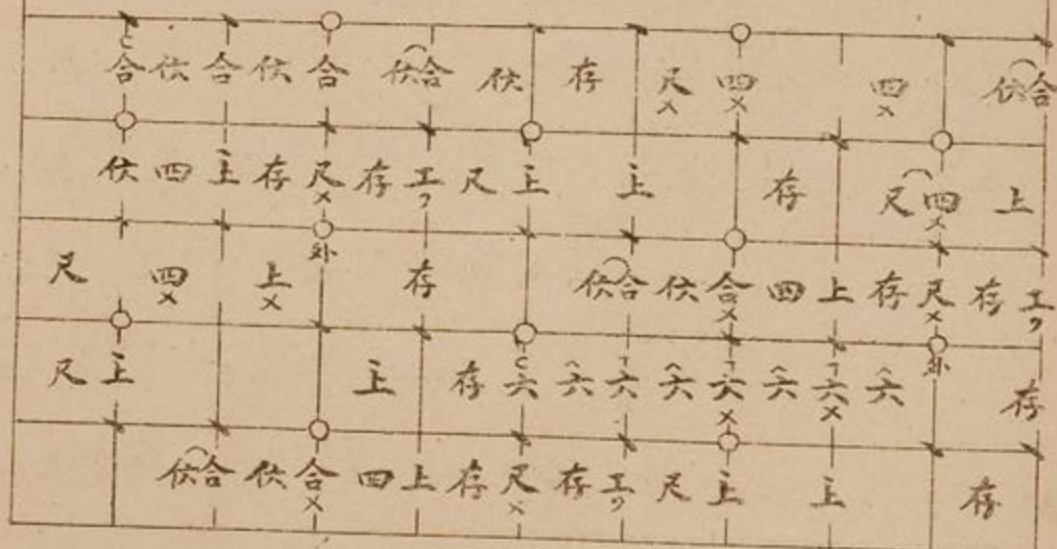
又法換首段



CHINH-PHỤ, 68 nhịp
 Trong bài những chữ 工,
 phải đọc ra « oán ».

征婦 六十八拍。

凡曲中 工 字應讀成 惡 字。



SÚ'-HOA NHAN-VINH (1)

(Dịch thơ triều Lê)

II

11. Nghỉ lại thành Lạng-sơn

Ở trong thành bị bệnh mãi đến
thượng tuần tháng-trọng-dòng mới khỏi,
nhân có làm bài thơ tả-tình, đại-ý thế
này !

Từ ngày phụng-mệnh quân-vương,
vượt miền ải bắc, qua biết bao nhiêu
non cao núi thẳm, suối hiểm sông
cùng, giàu sương giãi nắng, tắm gió
gội mưa, gian-nan mỗi-một. Nay tới
thành này, hồi-tưởng nỗi quan-sơn
đường trước mà ghê thay ! Vì những
lúc lên thuyền xuống ngựa, sương
tuyết xông-pha, sức-lực hao-mòn, ba
phần mặt béo, lên tới thành được vài
ngày thì thụ bệnh. Khắc - lậu canh
trường, hồn bay phảng-phất, biến thân
ở nơi đất khách tha-hương, mà chạnh
lòng nghĩ đến nơi Đê-khuyết, cùng
gia-sơn cố-lý, thì buồn riêng riêng
những ngần-ngờ hờn. Thuốc-thang
dần - dần, lại được khỏe : mừng
thay !

Đạp hết nghìn non lại vạn non,
Quan-tâm đường trước bước chân dồn.
Phong-trần mấy độ thân mòn-mỏi,
Sương-tuyết ba phần mặt héo-hon.
Muôn dặm gia-sơn ngo. ngẩn nổi,
Năm canh Đê-khuyết vẫn-vor hờn.
Thuốc-thang nhờ có ơn mưa-móc,
Sắt đá khôn rời một tấc son.

12. Hình-thế thành Lạng-sơn

Hiềm thay cho đất nước Lạng-sơn,
lưng dựa núi, mặt ngảnh sông, giang-

sơn lẫn khuất như chồng thành mây,
địa-giới tuyền là những núi cùng non,
sông cùng nước, tầng tầng, dải dải,
như bát úp, như giấy chằng, quanh
thành rộng ước vài nghìn trượng, dọc
ngang bốn cửa, sau trước nhiều đường,
giữa có nhà công-quán rất to, là chỗ
tĩnh-quan trấn-trị, các ngã thì linh thú
đóng đồn, rất là nghiêm-mật, trên mặt
thành trông canh sênh gỗ, thực là một
nơi then khóa xứ Bắc-kỳ.

Một dải sông ngăn thành từ vậy,
Kim thang người gọi Tiều-Tần (1) này.
Bóng lình thấp-thoảng trăng nghìn núi,
Tiếng trống âm rầm gió vạn cây.
Then khóa bắc. môn niêm khi chương.
Đậu phiên nam-phục phủ từng mây.
Ba năm gặp hội quan-thường đó,
Vãng mệnh hoàng-hoa (2) mới tới đây

13. Trèo qua ải Nam-quan.

Bấy giờ về thượng-tuần tháng chạp,
vãng kim-ô gần gác bóng non tây,
cuối ngựa sang qua cửa ải Nam-quan,
lính canh ải hồi chào rộn-rịp. Vô ký
dong-duổi trong bờ cõi Trung-hoa,
trông địa - thế bao là rộng - rãi ;
thăm-thẳm mông-mênh, quay lại phía
nam thì thấy núi non cao vọi-vọi, cây
cối rậm um-thùm, mây tuôn sa mù-
mịt, sương móc tỏa tờ-mờ. Chiều hôm
gió hắt-hiu, cờ tiết-mao bay phấp-
phới, sương rơi lác-đác nhuộm áo bào.
Lại có tiếng địch vãng-vãng dấu xa
lại, nhân hứng cảnh mà vịnh thơ.

(1) Xem Nam-phong số 48 trang 482-485.

(2) Tiều-Tần là nơi hiểm nhất trong nước.

(3) Hoàng-hoa là thơ khiêu sứ-thần.

Gần bờm vô kỷ vượt trùng-giao,
 Linh thú nghiêm-canh rộn hỡi chào.
 Đất Bắc trông đi bờ-cõi rộng,
 Trời Nam ngảnh lại núi mây cao.
 Hắt-hiu gió thổi bay củ tiết,
 Lác-đác sương rơi nhuộm áo bào.
 Chẳng biết nơi đâu và tiếng địch,
 Ve-ve thổi động ngọn ngâm-hào (1).

14. Tới đầu thuyền bờ sông.

Đi từ thành Thụ-hàng đến thôn
 Chúc, thì mặt trời gác mái, bóng giáng
 quanh thuyền, gần nghe tiếng địch vo
 ve, xa trông cuối phố thuyền về ngư-
 ông ; khi bấy giờ bỏ đường bộ,
 xuống đường thủy, theo chiều phong-
 cảnh mà ngâm một bài.

Lối đi đạp hết tuyết sơn-nguyên,
 Chiều vãn sông Ninh mới tới miền.
 Các núi chênh-chênh tà bóng nhạt,
 Lồng cây thoang-thoảng nhạt mùi yên.
 Dừng chân ngửa lại đường quan-lộ,
 Cheo cánh buồm xuôi chiếc sử-thuyền.
 Việc nước năm canh khuya chưa nhấp,
 Tiếng gà đã giục lối chiều-thiên.

15. Thuyền xuôi sông Ninh-giang.

Sớm ngày nhô sào từ thôn Nghiêu-
 đầu, thuyền lan mấy chiếc nhẹ thình-
 thình, nhân lúc thư-nhàn, phong-liêm
 cuốn bức, nhìn xem phong - cảnh,
 thanh-quang ngọc ngà. Một dải tràng-
 giang, im tờ phẳng-lặng, nước sáng
 như gương, sóng trong như ngọc.
 Hai bên bờ có những núi non cao
 ngất, gió thổi hiu-hiu, cây rung-rung
 lá. Hữu-tình thay là phong-cảnh chốn
 này, nước non càng ngấm càng hay
 lạ nường. Bỗng chốc lại vắng nghe
 tiếng vượn hót véo-von, thực là bi-
 ai thể-thâm, nhân cảm vịnh một bài.

Thuyền lan mấy chiếc nhẹ thanh-thành,
 Cuốn bức phong-liêm ngắm cảnh thanh.
 Một dải sông phơi giấy lụa trắng,
 Hai hàng núi hợp tấm bình xanh.

Đầu rừng phơ phất cây rung lá,
 Mặt nước chông-chênh đá nổi ghềnh.
 Đổ bến đêm khuya nghe vượn hót,
 Bên tai mắng tượng tiếng cầm canh.

16. Phong-cảnh sông Ninh-giang

Giữa giòng sông chảy, một lá
 thuyền trôi, chông-chênh lặn nước,
 sáng như gương soi, trong như ngọc
 truốt, coi tựa một dải Ngân-hà vậy.
 Hai bên bờ, cây rậm um-thùm, dưới
 lòng sông đá ngăn chấp-chỡm, phong-
 cảnh lại là vui-thú. Đến bến Phương-
 tân, mặt trời gác núi, tiếng la đồn
 thú, đây đó vang lừng, thuyền đi một
 cỏi một chừng, giang-sơn thu lại gió
 trăng một bầu, nhân tình khi vịnh
 mấy câu.

Trương-giang trắng xóa dải Ngân-hà,
 Cảnh sắc đối bên liếc mắt qua.
 Cây bóng trời không hơi nóng nực,
 Đá ngăn nước chảy nổi phong-ba.
 Phương-tân bến đậu leo giầy trạo,
 Thú-tốt đồn canh điểm tiếng la.
 Đây mắt giang-sơn cung hững khách,
 Nghiêng bầu điểm-suyết lá thi-ca.

17. Đêm ngủ thành Tân-ninh

Thuận gió xuôi buồm, nhẹ chèo
 thuyền nổi, tới địa-hạt Tân-ninh. Cầm
 sào dậu bến thanh-thời, trời dòng sao
 khéo cốt người mà chỉ ! Nguyên đêm
 hôm ấy trời mù-mịt, mây tối-tăm, mưa
 bay tới-tả, tuyết xuống lạnh-lùng ; xiết
 bao cảnh-tượng tiêu-sơ, năm canh
 luống những thờ-ơ bên gièm !

Trên bờ sông thì linh thổ mán, đêm
 khuya trống điểm om-thòm, lẫn với
 tiếng người, trong thuyền dộn-dịp
 huyền - nào vô - cùng, nên chi giấc
 điệp khôn thành, bên khêu ngọn đèn
 xanh, tựa gối vịnh thơ, đốt lò sắc thuốc.
 Bỗng chốc nghe có tiếng dân thánh-
 thót, tiếng địch nhạt-khoan, trong như

(1) Ngâm-hào là ngọn bút.

tiếng hạc bay qua, đục như nước suối mới sa nửa vơi ! Ấy đương lúc lòng riêng những bồi-hồi mà gặp khách tri-âm đầu tá, bụng nghĩ rằng có lẽ Bá-Nha Chung-Tử tương-cầu chi đây, nhân cao-hứng mà vịnh thơ sau này :

Lạnh lẽo đêm đông gió phấp-phì,
Sương bay toí-tả tuyết phân-phì.
Vang lừng đồn thú hồi kim cổ,
R ộn rã thuyền buồn tiếng thồ-di.
Dưới đuốc bình-chương thơ Lý-Bồ, (1)
Trong lò điều-tế thuốc Hiên-Kỳ (2).
Tơ đồng lựa khúc đàn ai tá?
Gặp khách tri-âm dễ mấy khi.

18. Thuyền đi đêm gặp mưa

Thuyền lan một lá, thênh-thênh gió nhẹ sóng êm, tới đường Nã-khoan, thì mặt trời gác núi, chiều đã thu không, vậy đậu thuyền tại đó, trời đương tạnh, mây đương quang, mà bỗng trắng sao mờ tối, sa hạt mưa mau, tuyết rơi rã-rích : lạnh-lùng thay cái đêm đông !

Trần-trọc canh khuya, hồn mai phảng-phất, mắt những muốn nhắm, mà giấc điệp khôn đành, nên chạnh lòng nghĩ đến nơi tha-hương khách-địa, vạn-lý quan-san. Không những thế, lại kia tiếng suối trên bờ, nước tuôn róc-rách, tiếng tù-và thổi rộn-rạc, nhường như trên gọi tẩm lòng lữ-xá. Vậy ngồi cảm-hứng mà có câu thơ này.

Đêm đông mưa tuyết chốn giang-thành,
Lác đác quanh thuyền hạt trọng khinh.
Để động lòng quê đường vạn dặm,
Khó êm hồn phách gối năm canh.
Đốt lò hương cũ hơi trầm lạnh,
Nương ngọn đèn khuya bóng lửa xanh.
Trời dạng vàng đồng trông tứ phía,
Núi cây một vẻ ngọc long-lan.

19. Đắt nước người gặp cảnh cuối năm

Thuyền đi tới hạt Tam-ninh, thì vừa hạ-tuần tháng chạp. Dân-cư rộn-

riếp, tết nhất om-sòm. Bọn chân sào đều nghỉ ngơi ăn tết, đợi sang xuân sẽ khởi-hành. Cảnh đông tiêu-diêu, trời đông lạnh-lẽo, nay đã tam quay về chiều xuân vui-vẻ, khi tắm ôn-hòa, lữ-thứ thừa-nhận, gót du nhẹ bước, giao chốn phủ-thành, nhìn xem phong-cảnh, bao bề thanh-quang ; cỏ cây có hơi duộm màu dương-liệt, nên ngân mai đã lấp-loãng bóng trắng lá xanh, đậm liễu đã rờn-rón lá giũ, vậy tới cảnh mà cảm-hứng một bài.

Thuyền đi vừa tới hạt Tam-ninh,
Đậu bến lên chơi chốn phủ-thành.
Mai điểm màu xuân ba bảy đoá,
Liều lồng hơi khói một đôi cành.
Chiều về cảnh vật trời đông tuyết,
Mong tưởng thanh-quang đất Bắc-Kinh.
Chờ đợi đông qua xuân tới đến,
Cao-sư (sớm giục lối giang-trình.

20. Phong-cảnh thành Nam-ninh

Cuối năm thuyền đậu thành Nam-ninh, nhân lúc thanh-nhàn, dong xem phong-cảnh, trông thấy phủ-thành đẹp-đẽ, lầu cao chạm nhật, gác rộng liền mây, hai bên phố-phương liền nóc, buôn bán rất là vui vẻ, dưới bến sông thuyền-bè đông-đúc, trên bờ sông hoa liễu tốt-tươi, vẻ lịch mầu thanh, thực là một chốn đại-danh-thắng phương ấy, trông thấy cảnh có vịnh một bài.

Địa-hình khổng-ách hạt Nam-ninh,
Vách đứng bờ sông bốn mặt thành.
Nước uốn vòng cung mê ngựa mội (4),
Phổ chen tầng nóc phủ mây xanh.
Lơ-thơ tơ giũ và hàng liễu,
Giáo-giắt sênh giễu một tiếng oanh.
Nho nhỏ chốn này còn thích-hứng,
Hưởng chi quang-cảnh chốn Thần-kinh.

21. Giữa đường tối ba mươi

Đêm hôm ấy dưới thuyền trên bến đèn thấp sáng như ban ngày, hoa treo

(1) Lý-Bạch, Đỗ-Phủ, hai người thơ phú hay nhất đời nhà Đường.

(2) Hiên-viên, Kỳ-Bá hai ông thánh sư nghề thuốc,

(3) Cao-sư là người chân sào.

(4) Ngựa mội là thuyền gỗ.

đủ về, pháo nổ vang tai, chỗ thì đốt đuốc đón xuân, người thì cầm nêu đuổi quỷ, rầm-rầm rĩ-rĩ, rộn-rã trăm chiều, khi bấy giờ giót chén rượu xuân, mừng đầu năm mới, vui-vui về-về, ngâm một bài.

- Thân đêm đèn đuốc bóng gần xa,
Giáo bước vui xem cảnh tuế-hoa.
Rượu giót trong thuyền ta tống-lạp,
Pháo ran trên cạn kẻ sua ma.
Tiếng còi giục-giã tịn xuân lại,
Trận gió ý-ào tiết cũ qua.
Tiếng trống giăng-thành đầu đó nhỏ,
Xu triều sớm Lôi ngũ binh-ba.

22. Mừng một tết

Sáng mồng một, chiều trời êm-ả, mọi vẻ xinh-tươi, trăm hoa đua nở, về soi bóng nhật, hương lồng khí xuân, khi bấy giờ ra mũi thuyền, lên bến sông, ngảnh hướng Nam bái-vọng về nước nhà cho hết lòng thần-tử, công tư đôi lẽ, bối-rối trăm chiều, mới đem xuân-từ xuân-tâm, đối với xuân-tinh xuân-cảnh, mà ngâm một bài.

Lò trời lửa động tuyết tan hoa,
Biền bóng thiếu-quang lẫn bóng hà.
Ổng thổi bóng lau hồi tuế-luật,
Gió rung cánh liễu cảnh niên-ba.
Sơn-cương mặt ngảnh bờ sông rộng,
Hương-quốc tinh đeo bóng nhật tà.
Ai giắt khí xuân lưu khách lại,
Giếm-dương (1) một khúc chốn thiên-nha. (2)

23. Dong chơi thành xuân.

Thượng-tuần tháng giêng, ngày xuân ấm-áp, khí xuân ôn-hòa, bóng thiếu nhật-phế, xuân-sắc vui tươi, cỏ non xanh tận chân trời, cảnh lễ-trắng diềm một vài bông hoa ! Dong chơi thành xuân, đưa mắt nhìn quanh, phong-cảnh trông ra rục-rỡ. Cửa phố cầu đối đỏ song-song, dưới đường xác pháo bay toí-tả, những nơi am thanh cảnh vắng, then hoa rộng mở, đón

khách từ-bi, thành tâm lễ bái. Trên đường trai thanh gái lịch, áo xiêm tề-chỉnh, cùng nhau giắt-diêu, thường cảnh du xuân, thật là tài-tử giai-nhân, ngựa xe như nước áo quần như nêm ! Ngẫu-hưng làm thơ này.

Bóng thiếu nhật nhẽo khi huyền-hòa,
Giáo bước ta cùng với bạn ta.
Cửa phố chào người treo lá thiếp,
Ngõ thiền đợi khách mở then hoa.
Đạp-thanh trước có gái xuân lại,
Phủ bạch (3) bên mảnh thóc hương xa
Ngộ kẻ Ngũ-lăng (4) xiêm áo lịch,
Bụi thơm gió động lực đa-ca.

24. Ngày xuân nổi thuyền sông Tả-giang

Lững-thững dưới giang-trình, thuyền vừa ngả mái, lênh dênh giữa giòng, đi từ đường Kha-lộ, phong-cảnh thiên-nhiên rục-rỡ, bút hoa khôn miêu-tả hết màu thanh ! Tràng-giang phẳng-lặng, bông trời soi đất nước trắng xóa như bạc lát tuyết phơi. Trên làn nước long lanh sáng quắc, lại có ngư-ông ném lưới buông câu, bơi chèo rẽ sóng, rất là thần-tinh thú-vị. Hai bên bờ sông thì liễu mây soi nước, cành lá xanh rờn, coi tựa một lũ thoa-quần, áo xiêm tha-thướt, đứng trước bức gương tư-mã. Lại có giếng thông xanh-ngất, lá cành chi-chít, thân cây đồng-rạc, coi như một đấng anh-hùng vậy. Bỗng chốc lại vắng nghe thấy tiếng chuông chùa, lòng thêm man-mác ngùi-ngùi. Nhân cảm-hứng mà vịnh thơ rằng.

Thuyền đi lững-thững dưới giang-trình,
Phong-cảnh lẫn sen cội mất thanh.
Lái cá sưa dong mưa lỗ-tổ,
Mãng trôi rẽ sóng nước long-lanh.
Khói lồng bờ liễu từng-từng biếc,
Mây phủ ngàn thông lớp-lớp xanh.
Lại một cảnh này thêm tứ khách,
Chùa đầu đưa tới tiếng chuông kinh.

(1) Giếm-dương là bài hát xuân (2) Thiên-nha là chỗ sông nước.

(3) Phủ bạch : chén rượu đầy.

(4) Ngũ lăng : cách sang trong.

25. Thuyền đi gặp kên

Qua huyện Tuyên-hà, là nơi đất hiểm-trở. Lòng sông thì tuyền là những thác cùng kênh lập-lò chấp chành như ngăn dòng nước lại. Vì thủy thế khuất-khúc như vậy, nên thuyền bè qua lại, nhiều khi nguy-hiểm, giữa những kênh thác ấy có một dải thuyền đi lại, chiếc sứ-thuyền đi qua, phải gìn-giữ lắm. Trong lúc ấy có vịnh một bài:

Một dải Tuyên-châu cõi đất hùng,
Biết bao kênh thác dưới lòng sông.
Lập-lò lưng ngác hình ngăn sóng,
Khấp-khênh nanh lang thế nuốt dòng.
Tiết-phổ (1) xa kinh năm hiểm hợp,
Xuyên-châu (2) khéo tạc một điều thông.
Sứ thuyền qua đó khôn tay lái,
Chèo quẻ Thương-nham (3) thử sức công

26. Châu Đường đi sớm

Thuyền tự Đường-châu, trời tang-tắng đi đi, trông thấy dưới sông có nhiều dải kên, khi ẩn khi hiện, mập-mờ trên mặt nước, đi qua m ều Long-mẫu, thế nước loanh - quanh, như rồng trăm khúc, thuyền đi rất là nguy-hiểm, thuyền sứ qua đây, quan địa-phương bắt phu khai đào mới đi được, khi bấy giờ lại trông thấy chim xuân bay trên đỉnh trời, nhà cổ lấp trong vân - vụ, trưa đến gió đông-nam to lắm, thuyền không đi được, dừng chèo lại ngậm một bài.

Chùa xa nghe động tiếng thần chung,
Một là thuyền lan một dải sông.
Bá nổi kinh nghệ (4) ngăn nước phẳng,
Miếu qua Long mẫu (5) uốn dòng cong.
Mập-mờ khói phủ bên ly-lạc,
Mù-tối chim bay đỉnh biếc không.
Trời muốn đình lưu chèo khách lại,
Đông-nam chợt nổi trận phiêu-phong (6).

- (1) Tiết-phổ là dòng sông hết lối.
- (2) Xuyên-châu là lối nhỏ thuyền đi vừa.
- (3) Thương-Nham là ông Phó-Duyệt nhà Thương.
- (4) Kinh nghệ là cá ông voi.
- (5) Long-mẫu : là tên miếu.
- (6) Phiêu-phong là gió quẩn.
- (7) Cẩm-đường là công-đường huyện.
- (8) Trĩ-diệp là bức tường thành.

27. Tả cảnh châu Hoàn.

Châu - thành bức gần bến sông, chung quanh những núi ôm lại như quanh vách vòng tường, có nhiều gạo rất tinh, củi rất tốt, thực là nơi danh-thắng một phương, thuyền sứ đi qua, chỉnh-biện đủ đồ hành-tư, đương sắp sửa đi thì trời đổ cơn mưa nhỏ, khi bấy giờ trông thấy cảnh có vịnh một bài.

Giao thừa trông xuân cõi mắt thanh,
Giang-sơ vui thú cảnh châu Hoàn.
Thỏ trắng trả lại châu nghĩa học,
Điền gió xoay nên quế vạn cảnh.
Bóng ngã cầm-đường (7) dòng nước biếc,
Tường cao trĩ-diệp (8) dải non xanh.
Y xuân hoa cỏ mẫu thêm nhuận,
Lún-phấn mưa bay khắp một thành.

28. Đồng Bán-tiên.

Thuyền theo dọc sông Hoàn-châu, cánh bướm theo gió, tiếng chèo díp khoan, thơ ngoài mạn rượu trong khoang, giang-hồ thỏa chí ngang-tàng nào hơn. Đương lúc trông ngậm tứ-phía, chợt qua một giải núi bên bờ, nhấp-nhò ngọn cao ngọn thấp, lưng chừng có mở một cửa hang gọi là đồng Bán-tiên, khói mây mờ-mịt, hoa cỏ um-tùm, khác nào cửa nguyệt then hoa, đào-nguyên lạc lối đầu mà đến đây. Trông ngậm một hồi, rắp muốn lên bờ mà thuyền không dừng mãi, nhìn xem phong-cảnh phút đã châu trời, lòng riêng riêng những bồi-hồi, nước mây man-mác ngậm-ngùi lòng ta, ngậm rồi lại có thơ ca.

Quả núi lưng chừng đồng bán-khai,
Khác đầu tiên cảnh chốn đồng-lai.

Tòa sen lơ-lửng xa nghìn giới,
Cửa đá thánh-thang rộng nửa trời.
Hoa cỏ đường vào mây lẫn-quất,
Màng rêu lối lại gió thánh-thời.
Rắp toan giao bước lên cho tới,
Thuyền đã đưa bướm thuận nước trôi.

29. Đề đền quan Phục-ba.

Thuyền đến đầu kênh Khởi-kinh,
tức là kênh Ô-man, ở trên sông Ung-thủy, thì dừng thuyền lại, làm lễ yết đền, bước chân lên, miếu-mạo nguy nga, khói hương nghi-ngút, trên ngai một tướng thần-linh như hầy còn sinh-khi. Lễ xong có kính đề một bài:

Hồng cộc đương năm vũ cánh bay,
Giọc ngang khi-thể phá tan mây.
Huân-danh ba quân nguyên-trung đó,
Uy-liệt năm khe Lĩnh-ngoại này.
Ướm hỏi Văn-đài (1) tỏ vẽ trước,
Thử xem Ung-thủy lửa hương nay.
Ngìn thu hách-trạc thiêng còn đề,
Lớp sóng đầu than trận gió cây.

30. Núi Cửu-nghi hoài-cổ.

Khi thuyền vừa tới phía bắc thành Sương-ngô thì thấy xa xa mặt trời ngất-ngùn như chín ngọn chên chên, tuyết in hoa cỏ rêu xanh lung đèo, trông hồi lâu mới nhận ra là nơi vua Thuấn đi tuần-du khi trước, có phong quả núi này làm trấn-sơn phía nam, nghĩ đến cảnh-tượng đời xưa, đem tâm hoài-tưởng ngẩn-ngơ bên lòng, đương lúc bồi-hồi, sức nhớ đến câu « Sớm chơi bề bắc tới Sương-ngô » là câu thơ của ông Lã Đông-Tân trong khi ngoạn cảnh này gặp tiên. Vừa ngâm xong thì vịnh thơ một bài:

Sớm từ Sương-ngô đến Cửu-nghi,
Người xưa sức nhớ hội Ung-hi. (2)
Tuần nam xe lộng mây mừng đám,
Hội bắc xiêm dơi cỏ lục-ly.
Gió thổi mấy tuần cơn giải-uấn,
Hoa ngò cánh phượng lúc lai-nghi.
Đến chơi thử hỏi Sương-tiên-tử,
Chứng đã nghe thiều độ mấy khi.
(Còn nữa)

Vũ Bích dịch

HOẠT-KÊ TIỂU-THUYẾT

I

Một nhà bác-học (3)

Ở xứ Bắc-kỳ có tục hay chơi cờ bạc thịnh hơn là ở các xứ khác, nhất là thấy trong mấy tỉnh trung-châu đã có nhiều người có danh về nghề cờ bạc. Không kể những nhà giàu sang, sẵn tiền sẵn của, thì ăn thì chơi, cả mấy đứa vô-lại du-thủ du-thục cũng hay quần tam tụ ngũ cả đêm cả ngày, mê man trong trường đen đỏ, cho đến phu-xe gánh đều, kiếm được năm su một hào, cũng tụ nhau

lại đầu đường sỏ điểm mà cờ bạc cho bết. Hội hè đình đám nào cũng lấy cờ bạc làm vui-vẻ hơn; thân-bằng yển-hội nào cũng lấy cờ bạc làm thú-vị hơn. Bằng nhường tri-thức của họ chỉ khai-khiếu về mặt cờ bạc và cách sinh-nhai của họ cũng chỉ xu-hướng về lối cờ bạc. Cờ bạc là tính-mệnh của họ, cho nên ngoại cờ bạc không còn có lấy gì làm sinh-nhai-chí-thú được nữa.

(1) Văn-đài là gác vẽ tượng công-thần.

(2) Hội Ung-hi là đời thịnh vua Thuấn.

(3) Bạc có nghĩa là rộng, như: ácB-sĩ 博士. Bạc-vật 博物. Lại có nghĩa là cờ bạc như: Đồ bạc 賭博, Bạc dịch, 博奕. Chữ Bạc-học nói về nghĩa thứ hai.

Cái tú-khi cỡ bạc đã bằng-bạc uất-tích từ bảo lâu trong núi Nùng sông Nhị, đã chung-dúc nên một nhà « Bác-học đại-gia, » cha truyền con nối cho đến ngày nay bây còn thịnh lắm. Nguyên trước trong hạt huyện Mỗ, tỉnh Mỗ, có một làng nhỏ-nhỏ, người làng củi có một nghề làm ruộng, cũng chưa có khoa-hoạn gì cả. Có tên Lão-Ca họ là họ Kim, nghèo hèn đời khó lắm, cả đời chỉ đi kiếm ăn bằng mấy con thỏ-lò quay-dất, hay đi kéo-củi trong đám cỏ gian bạc lặn.

Một hôm mùa đông, mưa dầm gió bắc, Lão-Ca không đi cỡ bạc được, nằm mèo trong một số nhà tranh, tinh-cảnh tiêu-diêu muốn ngủ mà không ngủ đi được. Chợt thấy một ông áo-mão tốt lành, như ông Thành-hoàng bản-cảnh, gọi Lão-Ca mà bảo rằng: « Lão-Ca, mày muốn phát-tài không? » — Lão-Ca liền khấn đầu mà kêu rằng: « Tâu lạy ngài, chúng con độ này túng đói lắm, xin ngài tiếp tài tiếp lộc cho. » Thần nhân liền ghé tai Lão-Ca mà dặn mấy lời, rồi lại nói rằng: « Ấy là những câu bí-quyết về nghề cỡ bạc, mày mà nhớ được chẳng những là cả đời không đói, có khi nhờ đó mà làm nên phú-quí nữa. » — Nói rồi lấy ngón tay làm dấu vào trán Lão-Ca, rồi phất tay áo mà đi ra. Lão-Ca bừng mở mắt dậy thấy mình vẫn nằm trong cái ổ dạ, mấy lời Thần mộng còn nhớ như in, ngật vì trong bụng không còn có một đồng nào, hôm sau biết lấy gì mà đi dạy hóa. Nghĩ quanh nghĩ quẩn hồi lâu rồi Lão-Ca đứng phắt dậy mà nói: « Được rồi, được rồi »; nói rồi liền mở cửa ra mà đi.

Đêm còn khuya, trời tối như mực, cả làng đang ngủ yên. Lão-Ca lên ra ngõ đình, vào ngay miếu Thành-hoàng, vội-vàng quỳ xuống mà khấn rằng: « Đức Đại-vương đã bảo mộng cho biết mấy câu bí-quyết về nghề cỡ bạc, xin

Đức Đại-vương lại giúp cho một ít tiền vốn. May mà Lão-Ca phát tài xin cũng tiến ngài một bộ áo châu khắc rất tốt hảo. » Khấn rồi ngẩng mắt trông lên, như thấy tượng Thần gật đầu luôn hai ba cái. Lão-ca mừng lắm, leo ngay lên lột lấy bộ áo châu của thần. Hôm sau, đem vào Vạn-Bảo cầm lấy mấy lạng bạc, rồi vào ngay trong sông Thống-bảo.

Hôm ấy, con bạc đông lắm, kẻ ngồi vòng trong vòng ngoài, hai con mắt đều trông-trọc trông vào nhà cái. Lão-Ca cứ dựa cột mà đứng, như người ngủ gật, mỗi lúc nghe thấy tiếng « Thừa » tiếng « Bán », thì sa xuống mà xoay bát, người ta nắm lấy tay mà hỏi: « Tiền của chú ở đâu? » Lão-Ca móc lưng ra mấy lạng bạc trắng xóa. Ai cũng kinh-dị. Lão-Ca trưng luôn mấy tiếng bạc vỗ đầy lòng; giắt không suề, các bọn đồng-nghiep phải mang họ.

Từ bấy giờ Lão-Ca đi cỡ bạc đâu được đấy; thanh-giá khác hẳn ngày xưa, người ta tặng mỹ-danh là « Bác-học Lão-Ca ». Mấy người đồng-nghiep kia cũng cứ bòn-xu nịnh-nọt mà nhờ đồng rơi đồng vãi. Lão-Ca đương-duong đắc-ý, lấy mình là nên danh-giá một thời; nào tậu ruộng, nào làm nhà, ở trong làng cũng có ngôi có thứ, ai còn dám khinh là phường keo phường láu nữa.

Lão-Ca tuổi đã cao chưa có nội-trợ, con nhà nghèo Lão không thêm lấy, con nhà khá không ai chịu lấy Lão. Sau Lão lấy con gái một người đồng-nghiep, Được một năm, sinh được đứa con trai gọi tên là Thiệu-Ca, trán hơi mất hím giống Lão như béc. Đến ngày đầy tuổi tổi, Lão-Ca có dọn tiệc ăn mừng, bày các thứ đồ chơi cho con trẻ, mà chiêm-nghiem cái sự-nghiep nó về sau. Thiệu-Ca tay tả vớ lấy con thỏ-lò, tay hữu nắm được cổ bài Bát. Các khách đều vỗ tay mà mừng: « Con hay kể-nghiep cha là nhà có phúc. » Lão-ca cũng bíp mắt mà cười, và nói rằng: « Sự-nghiep

thằng cháu này, ngày sau có lẽ hơn tôi, song tôi đã già, cũng phải nhờ các bác đồng-nghiệp chỉ-giáo cho cháu.»

Hơn một năm nữa, Thiếu-Ca lên 3 tuổi cũng phục-phịch như cha nó. Lão-Ca cứ để ngồi trong lòng mà truyền-thụ cho mấy lối cờ bạc sơ-dã. Năm lên 6, 7 tuổi, Thiếu-Ca đã có tính di-truyền, lại được gia-đình giáo-dục, phàm các nghề cờ bạc như: Tờ-tôm, Tam-cúc, Bài-phu, Đố-mười, Bài-tây, Sóc-đĩa, Phán-thần, vắn vắn, không một môn nào là không có tâm-đắc.

Lão-Ca thường bảo con rằng : « Ở đời này chỉ đồng tiền là có thể-lực hơn hết. Thế mà hết mọi cách kiếm tiền, còn có nghề gì mau hơn để hơn là nghề cờ bạc? Con hãy trông nhà phú-quí có nhà nào mà không phải là cái thờ cờ bạc, có người nào mà không phải là người thích cờ-bạc? » Bấy giờ bao nhiêu bí-quyết về nghề cờ-bạc cao-đẳng Lão-Ca truyền-thụ cho con dần dần cho hết.

Năm Thiếu-Ca lên 10 tuổi, cho đón một thầy đồ ngồi bảo học. Lễ tầy-tàn cũng hậu mà Thiếu-ca có tính ngao-ngược không chịu học ; cả ngày chỉ dụm mấy đứa bạn học trò đi cờ bạc, đùa nào có đồ ăn đồ chơi gì, Thiếu-Ca cũng ăn giỗ cho hết.

Một hôm Lão-Ca đi qua nhà học, nghe thấy thầy đồ giảng sách, đến câu : « Diệc hữu nhân nghĩa nhi dĩ hĩ, hà tất viết lợi » (亦有仁義而已矣何必曰利). Thầy mai liền có lệnh trực thầy ngay. Người ta hỏi vị cố gì mà trực thầy, Lão - Ca nói : « Nguyên người ta vị lợi cho con đi học, nay thầy nói « Hà tất viết lợi », có phải là làm hại con người ta không? » Nghe nói ai cũng bưng bụng mà cười.

Mấy năm sau, Lão-Ca phải đau, biết mình không sống được, cầm lấy tay Thiếu-Ca mà bảo : « Hồi con kể-nghiệp thầy ơi ! Thầy chết cũng không còn hối hận gì nữa, chỉ mong cho con kể được

nghiệp nhà, ấy là báo-hiệu thầy con đấy.» Nói rồi mở cái tráp khảm lấy mấy cổ bài dẫu và mấy đồng tiền mà giao cho con. Thiếu-Ca quì xuống mà chịu mấy lời di-chức.

Lão-Ca chết rồi, Thiếu-Ca đã lên 17 tuổi, đã - tốt nghiệp về khoa cờ-bạc, sành tư-cách cũng bằng Tiến-sĩ Phó-bảng về khoa văn-chương.

Bấy giờ có quan Tổng-đốc ở bộ mới ra, nghe tiếng hát-dân hay đánh cờ-bạc, lúc mới hạ xa, ngài hạ lệnh cấm, đồ và cho bắt mấy tay gian-đồ mà sửa phạt. Thiếu - Ca phải giam trong trại mấy gập mấy người ngục-lại đều là người phụ - chấp, đều ra sức chu - toàn. Sau lại vận - động với một viên tùy-phái bảo-lĩnh cho Thiếu-Ca được ra.

Lúc Thiếu-Ca được ra, viên tùy-phái hỏi rằng : « Chú có biết vì ý gì mà tôi lĩnh cho chú được tha không? — Thiếu-Ca nói : « Vì ngài thương tôi vô tội... » — Người tùy-phái nói : « Không phải thế, là vì tôi thấy chú có tài, mà tôi cũng muốn tiến thân về đường ấy (cờ bạc). Chú phải biết rằng cái thói vụ-lợi đó truyền-nhiễm khắp trong các giới ; họ chỉ hay kiêu-uồng quá trưc, hễ thả cho ít tiền-lợi thì họ lại mui-múi mà theo mình ngay. Nay chú có tài mà tôi thì khéo nói, ta dụ nhau lên chơi Trảng-an một chuyến, hễ đắc-chỉ ta sẽ về, như thế là được cả danh và lợi.»

Thiếu-Ca nghe nói mừng lắm, cùng viên tùy-phái kết bạn đi chơi Kinh-đô. Trước hãy đem hết các ngón chơi ra mà thao-diễn và dùng những tiếng tao-nhĩa mà đặt tên riêng cho những câu bí quyết như : *Bạt-ma độ giang* 達摩渡江, *Trương-sinh khiếu tường* 張生跳牆, *Hồ-diệp xuyên hoa* 蝴蝶穿花, *Oanh-trương hi thủy* 鴛鴦戲水. Mới trông ai cũng phải mê hồn mờ mắt.

Chuyến trăng-du ấy hai người đều được đặc-ý cả. Viên tùy-phái thì nhận được ngay mấy chuyến mĩ-sai, mà Thiều - Ca cũng được có danh có

phận. Từ bấy giờ thành ra một nhà Bác-học, sau con cháu cũng có hiền-hoạn nguy-khoa, song sinh ra người nào cũng có tính hay cờ bạc.

II

A ! Truyền chiêm bao !

Hàn-Bàn-Thiên là một anh cùng-nho, cụ-học không thành danh, tán-học cũng lỡ bước ; lại có tính hay mơ-trông những sự cao-xa, không còn nghĩ đến tư-cách địa-vị thời-thế mình là thế nào nữa. Có khi anh ta tưởng mình sẽ nên một nhà đại-triết-học, sẽ đem những học-thuyết Âu-tây mà phá cho hết cái cụ-học, cái mê-tin của người mình. Có khi anh ta tưởng mình sẽ nên một nhà đại-văn-hào, sẽ đem luận thuyết, diễn-thuyết, kịch-bản, thi-ca mà cổ-súy quốc-dân cho mau mau lên đường tiến-bộ. Có khi anh ta tưởng mình sẽ nên một nhà đại-kinh-tế, sẽ lấy khoa-học Âu-Mĩ mà cải-lương kỹ-nghệ, mở rộng lợi-quyền cho nước mình sẽ nên một xứ giàu-thịnh. Có khi anh ta lại tưởng mình sẽ nên một nhà đại-chính-trị, khi chinh-quyền đã về đến tay mình sẽ dùng những phép nội-trị ngoại-giao của các nước văn-minh bên Âu-mĩ, duy-tân nước nhà mình lại. Mỗi khi mơ-tưởng đến đây thì anh ta đặc-ý biết là đường nào. Bấy giờ trông người nào vật nào cũng là có cái cảnh-tượng cổ-vô âu-ca, hi-hi hiệu-hiệu.

Người vợ anh ta ở nhà quê làm ruộng đã phải mấy năm mất mùa ; ra ở tỉnh buôn bán cũng bị thất-bại. Nghề-nghiệp gì không có, tình-cảnh tiêu-diêu mà anh ta cứ ngóng-ngóng nghênh-nghênh, cả năm không biết nghĩ gì đến cả.

Một hôm người vợ bảo anh chồng : « Người ta khổ một điều là không biết mình. Anh không xem việc sinh-nhai của mình ngày nay gian-nan biết là đường nào, cái mệnh-vận tương-lai của nhà mình chưa biết ngày mai có

được như ngày nay không. Thế mà anh cứ mơ-mơ màng-màng, lơ-lơ những cảnh thiên-đường cực-lạc, có khi nước sôi lửa nóng ở đầu sau lưng mà không biết. Thôi này, nhà đã ba tháng nay chưa có tiền thuê, chủ nhà cho đòi đã nhiều lần, tháng này người ta sẽ đem đồ mình ra đường. Bấy giờ tôi xem anh đứng vào đầu mà nói truyền văn-minh nữa ? »

Hàn-Bàn-Thiên cứ thủng-thình mà nói : « Hôm nay đã là ngày mấy tháng mấy ? Thăm-thoắt mà đến ngày mở sổ Hồng-thập-tự đây. May ra ta trúng số thứ nhất sẽ có 4 vạn đồng bạc, chờ việc gì mà sợ. Ấy mới sướng ! Bấy giờ ta sẽ làm một nhà đại-phú-hào vậy. »

Người vợ không nói gì nữa, cứ ngồi ghé một bên cái bàn, dưới bóng đèn mà vá cái áo rách. Hàn-Bàn-Thiên cũng tựa án thiu thiu, ngủ đi lúc nào không biết.

Chợt nghe ngoài cửa có tiếng người lát-sát : « Mừng ông đã phát tài. Ông đã trúng Hồng-thập-tự số thứ nhất. Chúng tôi báo tin cho ông ». Anh ta còn đương bỡ ngỡ, chưa biết thực hư, liền thấy mấy người nhà Ngân-hàng xe bạc đến, xếp vào đầy nhà, trông trắng xóa đều là thứ bạc mới đúc. Người nhà Ngân-hàng giao cho anh ta nhận đủ 4 vạn đồng bạc, rồi cất mũ lui ra. Anh ta theo ra mà đóng cửa. Bấy giờ đêm đã khuya, không nghe gà kêu chó cắn, anh sợ hàng xóm có người dòm-bành, liền gài hết các chốt cửa lại và lấy ván mà chặn. Minh cứ đi đi lại lại chung quanh đồng bạc. Mừng rỡ dị-thường, chân nhảy tay

mùa, như người phát diên phát đại.

Anh ta lại nghĩ : nay mình đã có một cái tài - sản to-tát như thế này, cũng phải tiêu dụng thế nào cho hợp với phương-pháp văn-minh của những nhà lý-tài bên Âu-Mĩ. Nghĩ rồi liền lấy giấy bút mà làm một cái « dự-toán-biểu », liền phục xuống bàn mà viết :

Bốn vạn bạc chia làm 3 lộ : lộ thứ nhất 1 vạn để làm của công-ích ; lộ thứ hai 2 vạn để làm của cơ-nghiệp ; lộ thứ ba 1 vạn để làm của dưỡng-lão. Trong ba lộ ấy có 9 khoản như sau này :

Công- ích	1. Cúng vào các hội thiện	3.000\$
	2. Lập trường nghĩa-thục	4.000
	3. Mua phiếu Quốc-trái	3.000
Cơ- nghiệp	4. Tàu ruộng vườn ao	5.000
	5. Làm nhà ở	5.000
	6. Vào hội thương	10.000
Dưỡng- lão	7. Lập trại biệt-thự	3.000
	8. Sắm đồ trang sức	3.000
	9. Mua hầu non	4.000
Cộng		40.000 \$

Anh ta vừa viết đến khoản thứ 9, người vợ đứng ngay lên, chừng con mắt mà trông anh ta. Anh ta vội-vàng cầm lấy tay vợ vừa cười vừa nói : « Minh ơi ! Minh chờ nghĩ ta, chờ nên

ghen-gổ, dù ta có lấy năm hầu bảy thiếp, thì cái ái-tình ta với mình cũng không có giảm đi chút nào. Chẳng qua cũng dễ làm đồ « sa-xi-phăm. » Vì ta vẫn chú-trương cái nghĩa nhất-phu nhất-phụ. Việc gì mà mình lo ! »

Người vợ giận lắm, nói rằng : « Có khi anh này hóa diên hay là mê ngủ. Hai vợ chồng bơi chài cả ngày còn lo chưa đủ được một ngày hai bữa, lại còn có con nhà vô-phúc nào, bạc-mệnh nào còn vào mà ngồi khóc với mình nữa hay sao ? Thôi, hãy đưa cái áo ngoài của anh đây cho tôi, để đi gửi lấy mấy đấu gạo mà thổi bữa cơm sáng. »

Anh ta nghe người vợ nói, sự tình đây, thấy mình vẫn ngồi tựa vào cái bàn. Đồng bạc trắng sứa lúc này đã đi đâu mất cả. À ! chuyện chiêm bao !

Hàn-Bán-Thiên tỉnh dậy rồi, người vợ cười mà nói : « Cái chiêm bao tốt lành của anh cũng có giá-trị đây, có thể dùng làm tư-liệu một bài « đoán-thiên », sao chẳng chép mà bán cho mấy nhà biên-tập sổ-tạp-chí, kiếm năm ba đồng bạc mà tiêu sái ? » — Anh chồng cũng nhách mép mà cười, gật đầu nói rằng : « Phải. »

NGUYỄN BÀ-HỌC

TIỂU-THUYẾT

MỘT BỘ TIỂU - THUYẾT CỜ CỦA NƯỚC NAM

Linh-nam dật-sử (1)

嶺南逸史

II

HỒI THỨ III

Thơ một bài, trẻ nhà giàu đảo-áp,
Thuốc hai hoàn, phương đạo-sĩ ban cho.

Phùng-Ngọc ở lại thôn Mai-hoà ba bốn ngày, rồi cáo từ Trương-lão mà rằng :

— Tiểu-tể đi dọc đường dùng-dăng đã lâu, nay ở lại đây cũng đã mấy ngày trời, sợ ở nhà mong đợi, vậy xin cáo-từ Nhạc-phụ, đi Tàng-hóa để thăm cô tôi, rồi tôi xin trở về ngay đề cùng

(1) Xem Nam-Phong số 48 trang 435-501.

với Nhạc-phụ khởi-trình về Nam, còn như La-phù tiểu-tế cũng chẳng đi chơi nữa.

Trương-lão cầm tay Phùng-Ngọc mà rằng :

— Thân-Ông ở nhà còn khỏe mạnh, chẳng cần phải lo nghĩ chi lắm, gần đây có cảnh Tây-hồ ở Huệ-châu, cứ 18 tháng tư này có hội Dục-Phật vui lắm ; ở đây xưa nay vẫn có thi-xã, người các nơi đến làm thơ đề thi nhau rất nhiều, nay hiền-tế đã đến đây, lão - phu muốn cùng hiền-tế đến đó khảo thơ chơi, nhân thế thưởng-ngoạn cảnh Tây-hồ, thừa hưởng cùng hiền-tế đi chơi La-phù luôn thể. Chơi La-phù rồi hiền-tế đi qua núi Phú-thủy xuyên ra sông Bắc-la, ở đó đáp thuyền lên tỉnh rất là cận-tiện ; song bây giờ mới là mồng ba tháng tư, kỳ khảo thơ còn xa, thời hãy khoan độ và hôm nữa ta đi cũng vù.

Phùng-Ngọc không muốn trái ý nhạc-phụ phải lưu lại ở chơi.

Nói về cảnh Tây-hồ ở về mé hữu thành Huệ-châu, bởi Xà-kê và Liêm-toàn hai dòng nước chảy rót vào thành ra hồ, vòng quanh hơn 20 dặm, ở giữa có ghềnh Thóa-ngọc, gò Diêm-túy, vũng Minh-nguyệt, vô-số nơi danh-thắng. Trước kia về đời nhà Đường các bậc tẩn - thân tiên-sinh thường nhân lúc đầu mùa hạ khi trời còn mát mẻ, thường đề-huê bầu rượu túi thơ đến chơi đề thưởng-ngoạn. Trước kia có quan Trần chủ-sự tên là Tất-Đoan mộ cái thói văn-thơ xướng-họa, mới xướng lập ra thi-xã ở chùa Thê-thiền đất Phong-hồ, về sau người đến khảo thơ càng ngày càng đông, hễ ai được phê giải nhất thời về sau ra thi tất là đỗ cao, cho nên những người có báo-phụ giỏi-giang đều đến khảo thơ chơi đề làm cái khuôn thí-nghiệm.

Ở gần Phong-hồ có một nhà phú-hộ tên là Hà-Tiểu, súc tích giàu đến

và vạn lạng bạc, mua vô-số ruộng nương nhà cửa. Tự phụ là một anh hào-kiệt, chỉ vì dốt đặc cán mai, chữ nhất là một không biết, nên không được dự cái thú vui thơ-từ bình hoa phẩm nguyệt, vậy có gặp các bậc danh-công cự - khanh, cao-nhân đại-sĩ, thường tự sĩ mình là kém thua. Về sau có sinh được một đứa con trai tên là Túc-Tượng khi mới lên bảy tám tuổi, có đón một ông thầy tên là Nhiều - Hữu về đề dạy ý muốn cầu danh cho thêm vang vẻ, ngờ đâu chỉ-khi Túc-Tượng cực kỳ ngu-ngốc, hễ trông vào sách thời như thuốc ngủ, mình cũng đại ngay ra, mắt nhắm liền ngay lại, không thể nào mở mắt nhìn vào sách được nữa ; giá gặp sự chơi đùa thời nhây nhót suốt ngày không biết mỏi. Lại được ông thầy không có nghĩa-lý gì cả, chỉ ton-ngót nó là con nhà thiên-kim phú-hộ, không những là không răn bảo kiểm-chế nó, lại dẫn-dụ nó chơi những việc vô-lý. Đến khi 14, 15 tuổi, học đến chữ nhân là người cũng quên, song ông thầy hễ gặp ai thời khoe Túc-Tượng là một anh tài-tử, sao họ ra cho nó mấy bài văn cũ, khuyên-khuyến diêm-diêm đồ lõe cả ra, bảo nó đem cho cha xem, ông cha lại phải người dốt mà có tính hay hiểu-danh, không sợ gì ai cả, thấy quyền bài của con khuyến đồ ngòm cả lên tưởng là con đã vào bậc tài-giỏi hay chữ, chân tay mùa mênh cả lên, lấy làm sướng quá, bụng nghĩ rằng : con ta học đã giỏi thời sau này hiền-dạt cho cha mẹ được phong-tặng là sự nắm chắc trong tay. Song chưa biết thời-vận đến bao giờ mới đỗ, nghe đâu ngày mai ở thi-xã Phong - hồ có hội khảo thơ đề chiêm-nghiệm sự khoa - danh, ta nên cho con đi khảo thơ chơi, nếu được phê trúng giải nhất, thời ta sẽ sắp sửa.. Chủ-ý đã định, bèn gọi Túc-Tượng đến bảo rằng :

— Ngày mai ta đem máy đến thi-xã đề khảo thơ, chớ cứ ở chúi trong số nhà thời thanh-danh tài giỏi ai biết.

Túc-Tượng nghe cha nói ngay người ra, nghĩ rằng mình viết hầy còn chưa thành tự, nếu đến thi-xã khảo thơ thời làm thế nào, thôi ta hầy vào nói với thầy xem bàn định ra làm sao, liền chạy vào thư-phòng thuật lại lời cha bảo cho thầy nghe và nói rằng :

— Nếu đến đấy mà viết không thành câu thời làm thế nào ?

Nhiều-Hữu nói :

— Không can sao, ta đã có mẹo này chỉ tốn độ mười lạng bạc thời chắc là làm cho máy giặt được giải nhất.

Túc-Tượng nói :

— Bạc để làm gì ?

Nhiều-Hữu nói :

— Ta có mấy người bạn thân thực là tay thi-bá đời bây giờ, nếu có mấy lạng bạc thời ta mời mấy người ấy đi với máy cùng ngồi cả một chỗ, nhờ người họ cho rồi sẽ đưa cho máy nộp, lo gì chẳng đảo-áp cả nghìn người.

Túc-Tượng cả mừng nói :

— Bạc thời đã có đây, xin tiên-sinh lo liệu có được việc, ngày mai tôi với cha tôi xin đi.

Nhiều-Hữu nhận lấy bạc đi nhờ các bậc thi-bá nào thời không biết.

Nói về thi-xã năm ấy chủ-hội là ông Hiếu-liêm tên là Diệp Xuân - Cáp, đến hôm kỳ khóa, ông Hiếu-liêm đã đến ở chùa Thê-thiền, bày đàn sắp sửa đầu vào đấy, chỉ đợi mọi người lại hội khóa, phòng độ giờ thin, người đã tề-tụ cả. Diệp-Hiếu-liêm nói :

— Thi-xã Phong-hồ ta xưa nay rất có tiếng, song mấy năm nay không thấy có mấy bài được siêu-dã, đó là tại chư-quân-tử không chịu cố-gắng ; nay tôi xin đặt ra một điều-lệ này để có ý kích-lệ chư-quân-tử đều cố-gắng

lên, chẳng biết các ông nghĩ sao ?

Chúng đều nói :

— Xin ông cho nghe.

Diệp-Hiếu-liêm nói :

— Các ông nào đã nộp quyền rồi, hẹn đến giờ tí ngày hôm sau họp cả dưới thạch-dài về mé bên hữu thiềnvien, để đợi người trên dài kiểm phong xướng danh phát quyền, dưới dài về bên tả thời đặt một bàn rượu, bên hữu thời đặt một bàn nước, từ quyền phê thứ 10 trở lên quyền thứ nhất, hễ ai lĩnh quyền thời sang bên tả thưởng một chén rượu ; còn quyền bát cuối cùng thời phải phạt một chén nước, song xướng danh thời xướng ngược lên, xuống từ quyền bát trước.

Mọi người nghe nói đều nghĩ bụng rằng chén nước phạt ấy không lẽ lại đến mình được, đều đồng-thanh nói rằng :

—Điều ấy cực-diệu !

Mọi người chỉ nói qua một lần cực-diệu mà thôi, ông thân-sinh ra Hà-Túc-Tượng thời vỗ tay xướng đến mười lần : cực-diệu ! cực - diệu ! Vì sao ông ấy lại thích cái điều ấy như thế, vì ông ấy nghĩ rằng những quyền văn bài của con người ta, thời chỉ thấy khuyên diễm độ vài câu hay một vài dòng mà thôi ; chớ như quyền văn của con mình thời thấy ông thầy khuyên từ đầu đến cuối, giải thơ nhất hôm nay không phải con mình thời còn ai vào đấy nữa, nếu chiếm được giải nhất mà người ta đứng ở trên thạch-dài xướng danh rầm lên, thời tiếng con mình đồn rậy lên như đất bằng nổi sấm, thế chẳng sướng lắm ru, nên mới liên-thanh cho điều ấy làm thích. Diệp-Hiếu-liêm cả mừng liền yết đề - mục thơ ra ở trên cánh tường, mọi người xô đến xem thời đầu đề là : « Chiêu-vân-mộ hoài-cổ 朝雲慕懷古 ». cho làm phong-vận, mọi người sao đề-mục ra đề làm, người nào hiểu

ra thời cực-kỳ ung-dung, người nào không hiểu thời cực-kỳ mang-bách. Các người còn nhận đầu bài dễ chữa xong, Phùng-Ngọc đã xong nộp quyền trở ra. Trương Thu-Cốc hỏi :

— Đầu bài gì ? Sao hiền-tế không làm mà lại trở ra ?

Phùng-Ngọc cười mà rằng :

— Tôi đã làm xong rồi.

Thu-Cốc cả kinh nói :

— Hiền-tế sao làm nhanh vậy ?

Hai người bèn trở ra. Đến giờ tị ngày hôm sau lại đến dưới thạch-dài để nghe xướng danh, thời thấy mọi người đã đến đông cả đấy rồi, người soạn quyền đứng ở trên đài xướng lên rằng :

— Xin các ông đứng yên lặng để nghe xướng danh, lĩnh quyền và xin y theo nghị hôm qua xướng từ quyền cuối xướng ngược trở lên.

Khi bấy giờ Hà-Tiểu đã đem cậu con vào đứng ở trước mặt, su tay áo lại làm thỉnh, hình như không thêm nghe, bụng nghĩ vợ - vắn, con ta nếu bị xướng danh vào uống nước thời nó uống được, chỉ sợ nó tửu - lượng kém mà phải uống rượu thời nó không uống được nhiều, dương nghĩ vợ-vắn, chợt nghe người trên đài xướng lên rằng :

— Tên cuối cùng một trăm bам sáu : Hà Túc-Tượng !

Hà-Tiểu chợt nghe thấy như tiếng sét ở lưng chừng trời rơi xuống, thất kinh đi, há hốc mồm ra. Lại thấy bên hữu có một người chạy ra tay cầm một chén nước rửa chân, nói to lên rằng :

— Xin mời quý-vị vào uống chén nước rửa ruột này cho mát, để khi về cho khỏi than lửa nó phát nóng ra !

Mọi người nghe nói cười ầm cả lên, làm cho Hà-Tiểu tức khi chết đi được, song bấy giờ tiến - thoái lưỡng-nan,

quyền cũng không buồn lĩnh nữa, chỉ then cúi gằm đầu xuống, đứng ở một bên, then quả rồi thành giận mà rằng :

— Thử xem ông ta phê lấy quyền đệ nhất thế nào, nếu thực là người hay chữ có tiếng thời thôi ! nếu không phải là người có danh-vọng hay chữ, đề rồi ta sẽ tính. Bất-quả anh ta là một anh cử-nhân, đây ta chỉ mất vạn bạc, là đủ làm cho anh ta như-tử.

Đương lúc hăng giận, thời đã xướng đến quyền đệ-nhất là người huyện Trinh-hương tên là Hoàng-Quỳnh, 16 tuổi. Hà-Tiểu bất-giác càng giận hăng lên, nói :

-- Đồ cầu-trẻ ở đâu ! Huê-châu ta là một phủ to, có lẽ đâu lại không có một người nào là bậc danh-nho chân-tài thực-học hay sao, đề đến nổi một thằng bé con ở một huyện Trinh-hương nhỏ kia nó đảo-áp cả. Mày cậy mày là cử-nhân ăn tiền hối-lộ của người ta, mà dám coi khinh thường cả nhân-tài trong một phủ, người khác sợ mày, chớ như Hà-Tiểu đây không sợ mày đâu !

Nói rồi, lấy chân đá ngay vào cái bàn rượu bên tả đập đổ cả xuống đất. Gia-sur là Nhiêu-Hữu lúc mới thấy Túc-Tượng khảo thơ phải thua bét, then không biết là chừng nào, nghĩ bụng rằng : Đó thực là mình làm hại nó, đem nó đến đây để đeo mo vào mặt, chỉ tại mình tham lừa nó lấy mấy lạng bạc, mà làm bán mất chỗ cửa tốt đi, dương nghĩ dở-dang, chợt thấy Hà-Tiểu nổi giận bèn chạy lại kéo bè bệnh lẫn nhau, nói rằng :

— Các anh em ta sao không kéo cò lão Diệp Xuân-Cấp ra hỏi xem nào !

Có mấy người trong bọn khảo-thơ hồng, đều reo ầm lên toan chạy lên trên đài, mọi người giăng lại nói :

— Các anh hãy thông thả, bảo ông Diệp tiên-sinh đem quyền thơ của Hoàng Quỳnh ra đây cho chúng ta xem

nếu quả là bất-công, bấy giờ chúng ta sẽ làm nhục ông ta cũng vừa.

Hà Tiểu nói :

— Các ông nói phải, gọi bảo đem quyền thơ ra đây cho các ông xem.

Bấy giờ Diệp Xuân-Cập mới biết là bày ra trò phạt nước là không phải, nghe thấy mọi người đòi xem thơ, liền sai đem quyền đệ-nhất đưa ra cho các ngài xem. Thơ rằng :

Phất phơ bờ liễu cổ xanh rì,
Tiền-tháp còn đây sự dễ ghi.
Giận nổi ba sinh đầu vắng tá,
Thương tình một mối có ra chi,
Gió đưa bóng nguyệt hồn vơ vẩn,
Mưa tạt hồi chuông tiếng lặng đi.
Ngao ngấu tình hoài đem bút tả,
Ca đầu vắng vắng bến ngư-ky.

Lúc trước mọi người cũng có người không phục, đến lúc xem đến thơ, đều lui-lùi lảng tan dần, chỉ độc có cha con Hà-Tiểu và Nhiều-Hữu thôi nhất-định không phục, nói :

— Có lẽ đầu thằng bé con 16 tuổi đầu mà làm được thơ hay như thế ; hẳn là Diệp-Xuân-Cập làm sẵn từ bao giờ đưa cho nó chớ không sai.

Hà-Tiểu còn đương hậm-hực muốn nói-lời thôi nũa, thời thấy mọi người đã lảng cả đi rồi. Diệp Xuân-Cập nhân lúc mọi người đương xem thơ, bèn lên qua đàng sau thạch-đài đi trở về. Còn mấy bác thi-bá khảo thơ truyết, vốn xưa nay cũng không có giao-du gì với cha con Hà-Tiểu, chẳng qua phải Nhiều-Hữu nói sức vào nên mới vào hùa, nay thấy mọi người đã lảng cả, cũng giả cách tăng lơ giăng-giải, rồi cũng lẩn đi mất. Chỉ còn cha con Hà-Tiểu với Nhiều-Hữu ba người trơ ra đó không làm trò gì được cũng lủi-thủi đi về, vừa then vừa tức. Hà-Tiểu suốt đêm nằm không chợp mắt, đến gần sáng chợt nghĩ ra rằng : con ta nếu thực là tài-tử thời văn thơ không đến nỗi dớn-hèn, sao mà đến nỗi này, hay

là tại Nhiều-Hữu nó bưng-bít ta. Ta có người em gái lấy chồng ở Phan-la-cương cũng gần đây, người chồng đồ Tú-tài, ta mang quách văn bài của thằng con ta đưa cho ông ấy xem, thời mới biết sức học-văn của nó thực hay giả được ; ấy nghĩ như vậy, sáng ngày dậy sớm, gọi hỏa-dầu làm cơm sớm, rồi sắm sẵn một ít phẩm-vật để đem đi làm quà và lấy cả văn bài của con tập hăng ngày và quyền của Nhiều-Hữu phê cho, cùng cả quyền thơ khảo hóm ấy, bỏ cả vào túi để đem đi, sai tên quản-gia sắm con ngựa tốt cưỡi đi tới gò Phan-la, không dầy hai ngày đã đến nhà ông tú-tài, thi-lễ xong ngồi nói truyện hàn-huyên và nói muốn cậy xem văn bài của con. Tú-tài xem xong cười nhạt mà nói rằng :

— Văn bài này thật là tài-tử, song là tài-tử đời cổ, chớ không phải tài-tử đời kim.

Hà-Tiểu nói :

— Sao lại không phải tài-tử đời này?

Tú-tài nói :

— Những bài văn này đều là những bậc có danh tiếng ở bản-triều như là ông Trần Tế-Thái, Hoàng Đôn, đều là tay lão-liên-sinh làm ra cả.

Hà-Tiểu nghe nói lại lấy một quyền thơ nữa đưa ra, nói :

— Đây là quyền thơ làm khảo hóm nọ ở chùa đây.

Tú-Tài xem thấy viết đầu đề là : « Chiêu-vân-mộ hoài-cổ », cho làm phong-văn, xem đến thơ thời thấy viết mấy câu rằng :

Chiêu-vân-mộ ở đâu ?

Mồ ở đám mây mù.

Mây mờ mù mịt tối,

Sớm tới tới mờ mờ.

Tú-tài xem xong cười sằng-sặc mà rằng :

— Văn thơ như thế này, bị phạt chén nước lã, Diệp-tiên-sinh còn là để

thề-diện cho đấy. Nếu như tôi, thời tôi đánh cho trăm hai mươi roi đồng-còn mới đáng.

Hà-Tiểu nói ;

— Ông thử xem Diệp tiên-sinh phê-bình thế nào,

Tú-tài xem xuống cuối quyền thấy phê rằng :

*Đề Chiêu-vận mờ,
Học đốt làm mờ,
Giật giải quân quan,
Không được phải thua,*

Tú-tài nói :

— Câu phê này của Diệp tiên-sinh cũng hay lắm !

Hà-Tiểu hỏi :

— Hay ra làm sao ?

Tú-tài nói :

— Lời phê này là bảo nhờ thẳng dui lại dặt thẳng dui, thật là câu phê-bình đích-dáng giọng các quan giáo vậy.

Hà-Tiểu nghe nói hồi-hận diếng người đi, mới biết rõ rằng mình là thẳng dui, lại phải thẳng chó ấy nó lừa mình, tức giận quá, mới ở lại ăn cơm cũng không chịu ở, cố từ ra về. Khi về đến nhà khí uất-phẫn-sung lên, sai người vào thư-phòng gọi con ra, đập một cái ngã lăn xuống đất, vác ghế toan đánh vào đầu. Vợ Hà-Tiểu nghe thấy chồng vừa đi về nổi giận không biết là vì truyện gì, vội-vàng chạy ra, trông thấy giật ngay lấy cái ghế mà rằng :

— Ối chao ôi ! ông làm gì mà giận dữ thế ?

Túc-Tượng nhờ mẹ cứu cho thoát chạy trốn mất. Nhiều-Hữu nghe biết vợ truyện cũng lảng trốn đi. Hà-Tiểu tức khi uất lên, vợ kiếm lời khuyên giải mãi, bày cơm cháo ra khuyên-mời, Hà-Tiểu tức khi tắc cổ không tài nào nuốt đi được, uất tức hai ba ngày, một hôm sáng sớm dậy rửa tay, chợt gặp

người đi ngã lăn xuống đất, cả nhà kinh-hoàng kêu khóc, vội đỡ lên giường, thời hãy còn thoi-thóp, liền sai người gọi con về đi đón thầy thuốc. Thầy lương-y tên là Hoạt Diêm-La đến nơi, xem qua mạch rồi hỏi căn-do chứng bệnh, ngồi phe-phẩy cái quạt mà rằng :

— Bệnh này may mà đón tôi thời còn có chút sinh-cơ ; nếu đón thầy khác thời chẳng hòng sống được nữa ; để tôi kê cho một cái đơn bốc lấy sắc ngay cho ông uống, nếu thấy tỉnh dần ra thời không sợ gì nữa.

Túc-Tượng đem giấy bút lại, Hoạt Diêm-La khai đơn : « Trúc - hoàng, Xuyên-bối, Liên-kiêu, Ngưu-bàng. » Khai đơn xong, bốc thuốc ngay. Hoạt Diêm-La thân-thủ sắc thuốc, gọi Túc-Tượng cầm đưa cho cha uống. Tự mình ngồi ở nhà ngoài nghĩ vô-vấn rằng : Nếu chữa được món này, thời nhờ tài-chủ ít ra cũng tạ được ngoại trăm bạc, chỉ cầu khẩn cho cái đơn thuốc này, thiên linh-linh, địa linh-linh, uống vào trúng bệnh ngay là sướng. Hoạt Diêm-La đứng ở nhà ngoài nghĩ viễn-vong, thời Túc-Tượng đã đem thuốc vào nhà trong, mẹ con muốn đỡ Hà-Tiểu lên để uống thuốc, thời thấy Hà-Tiểu ruỗi thẳng hai chân ra, đầu đảo, mắt trợn, nghẹn sặc lên ăng-ặc một tiếng, thời đi dơi; Cả nhà khóc-cầm, Hoạt Diêm-La nghe tiếng khóc bức chạy như bay, bỏ quên cả dù che cút mất. Hà Túc-Tượng thấy cha đã chết không khác gì như chim sáo sỏ lồng, mừng thầm rằng từ bây giờ không còn ai cai-quản được ta nữa. Lại sai người đi tìm Nhiều-Hữu về trông nom giúp hộ việc tang, hẳn lại gọi những con gà mờ ăn hại đến giúp việc, cả ngày chỉ chề chén nhón dũa mà thôi.

Nói về Phùng - Ngọc hôm ấy khảo thơ được giải nhất, y cũng chẳng lấy chỉ làm vinh-hạnh, lại thấy Hà - Tiểu ghen tức đập đồ

bàn rượu y, bèn bước ra cùng với Trương Thu-cốc đi chơi du-ng ngoạn cảnh Tây-hồ, tiện đường đi tắt đến La-phù, tìm nơi quán-dịch để nghỉ chân, ngày hôm sau đem theo Hoàng Thông đi lịch-lãm các xứ, phàm những nơi danh-thắng như núi Ngọc-nữ, chùa Ma-cô, cầu Thiết-kiều, hang Thạch-lũ, suối Phi-liêm, dòng Bộc-bổ, đều đi lãm-cảnh hết cả, du-lãng đến hai ba ngày. Một hôm tìm đến lò luyện-dan của ông Cát-Trĩ-Xuyên, mới đi đến đầu núi Lang-hồ chợt gặp một người Đạo-sĩ, mình mặc áo đạo-bào thâm, nằm ở trên hòn đá Bát-quái, bên cạnh có dựng một cái gậy, trên đầu gậy buộc một cái hồ-lô, treo một cái bầu dứa. Đạo-sĩ nghe thấy có người đi lại, vội ngồi trở dậy, lấy tay xoa hai con mắt, mở mắt ra trông thấy Phùng-Ngọc, ngấm đi ngấm lại mãi :

— Anh có phải Hoàng Phùng-Ngọc đấy không ?

Phùng Ngọc vội-vàng thi-lễ nói :

— Tiểu-tử chính là Phùng-Ngọc, họ Hoàng tên Quỳnh, chẳng hay đạo-trưởng sao lại biết rõ tên-tự tiểu-tử.

Đạo-sĩ trở vào hòn đá bên tả nói :

— Anh hãy ngồi xuống đây, đây tôi phụng-mệnh đấng Cát-Trĩ-Xuyên tiên-sư, đem cho anh hai hoàn kim-dan, để cho anh khỏi phải phiền-não.

Đạo-sĩ vừa nói vừa lấy cái hồ-lô ở trên đầu gậy xuống, nghiêng ra lấy hai viên hồng-hoàn bằng hai hột đậu lớn đưa cho Phùng-Ngọc, lại lấy cái bầu dứa đổ ra một bầu tiên-dịch, hương thơm phưng-phức, đưa cho Phùng-Ngọc bảo uống đi. Phùng-Ngọc nhận lấy nuốt tiêu hồng-hoàn và uống chiêm nước tiên-dịch, thời thấy trong mình khoái-hoạt nhẹ-nhàng khác thường. Đạo-sĩ lại nghiêng bầu đưa rót cho Thu-Cốc uống, mà rằng :

— Tôi với ông cũng có duyên với

nhau, mời ông uống bầu nước này; tôi có bốn câu thơ này đề cho ông nhớ lấy nghiệm về sau.

Thơ rằng :

Ngộ thủy vi tai,
Phùng hỏa vi nạn.
Ly tại ngo-hương.
Tụ qui đông-ngạc.

Đạo-sĩ lại ngoảnh về Phùng - Ngọc mà nói rằng :

— Anh uống thuốc kim-dan và nước tiên-dịch này, có thể tránh khỏi được tai-nạn phi-thường, nếu sau này công thành danh toại, mà hay thuận dòng cáo lui, thanh-tâm quả-dục, ta sẽ sai người lại tri dẫn cho anh lại trở về chốn cũ.

Nói rồi liền đứng dậy toan đi. Phùng-Ngọc nẻo lại hỏi rằng :

— Xin người bảo cho qui-hiệu, để lần sau có hỏi thăm cho biết.

Đạo-sĩ nói :

— Tôi người ở núi Hoàng-sơn này.

Nói rồi liền giơ tay trở mà rằng :

— Kia nhà đạo-viện ở trên đỉnh núi kia là chỗ tôi ở.

Thu-Cốc và Phùng-Ngọc hai người ngừng đầu lên trông thời không thấy có nhà đạo-viện nào cả, ngoảnh lại thời Đạo-sĩ đã biến đi đâu mất rồi. Hai người mới biết là mình gặp tiên, vội-vàng hướng không vái tạ, rồi trở về ngụ quán. Thu-Cốc bảo Phùng-Ngọc rằng :

— Hoàng sơn-nhân tặng cho ta câu thơ, xem ý thơ không được tốt. Vả ta nay đi vắng nhà đã lâu, nhà lại không có người trông nom, ta phải vội về thăm mới được. Hiền-tế cứ theo đường trước này, đi độ một vài dặm rồi rẽ về mé tây, đi độ bốn năm dặm đường nữa, hãy trông thấy trên núi trồng nhiều ngô-dồng, đó tức là núi Phú-thủy; đi về bên tả núi ấy độ bảy tám dặm đường

nữa, thời đến sông Bắc-la, qua sông thời đến Tùng-hóa. Khi thăm bà cô rồi, thời hiền-tế liệu sớm trở về, lão-phu xin đợi.

Phùng-Ngọc nói :

— Xin Nhạc-phụ trở lại, tiểu-tế đã biểu đường rồi.

Nói rồi từ-biệt, mỗi người đi một ngã.

Thực là :

*Non nước vui chơi ham cảnh lạ,
Cỏ hoa đưa đón gặp người hiền.*

« Còn nữa »

ĐÔNG-CHÂU dịch

VĂN-UYÊN

I

Vịnh Sử. Nàng My-châu

Lối cổ-phong

Hỡi hỡi My-châu ơi ! Nước giếng Ngọc-trai, đến nay em khóc, hay em cười ? Một năm lòng ngổng, tin ai nên quá nghe lời ? Nào biết đâu anh chàng đã thay mây nỏ, mà năm lòng em chẳng rắc cho khắp quãng đường dài ! Em chỉ biết phận là gái, bên bờ cũng kinh, bên chông cũng vại, nào ngờ nóng-nổi giếng khơi !

Hỡi hỡi My-châu ơi ! Thực dạ tin người, thôi chẳng trách chi nữa, trách về một lũ vua tôi, giặc đến sau gáy, váy cớ còn mãi vui chơi ! Bề Nam đến lúc cùng đường đất, nghĩ lại thội đã xong rồi ! Một lũ bố già còn thể thể, trách chi dựa con trẻ đào thơ liễu yếu mới chừng đôi mươi !

Ồi thương ơi ! muốn dặm Loa-thành ai phá nổi, một năm lòng ngổng đi đứt đuôi ! Mà nhà sử cầm bút, còn đem việc nghiêng thành nghiêng nước đổ tội cho người ; thế thì ta sẽ hỏi : từ đây về trước, nghiêng thành nghiêng nước đổ tội cho ai ?

II

Suối Giải-oan

Về cảnh chùa Hương

Suối giải-oan, suối giải-oan ! ngày đêm thành-thốt, giọt nước chứa-chan,

định giải-oan cho người Âm-phủ, hay kẻ Dương-gian ?

Suối giải-oan, suối giải-oan ! người thì nhắm-nhập, kẻ thì kêu van, xin về cầu cửa, xin về cầu quan, thì định cho phần xác, hay phần hồn ? — Nam-mô Cứu-khổ-cứu-nán Quan-thế-âm-bồ tát, chúng-sinh đang khổ-não, xin Ngài một giọt nước giải-oan !

III

Hỏi Trời

Xanh xanh kia có phải ông Trời không ?

Cớ làm sao ông cứ ở cong-cong mãi trên tuyệt-vời ?

Ông xuống đây cho tôi hỏi một vài lời,

Hỏi ông, ông có biết truyện đời hay không ?

Truyện đời như bối bông-bong, Cao-cao mù-mịt như không biết gì !

Tôi hỏi ông, ông chẳng nói chi chi, Truyện đời như thế, thế thì tôi biết hỏi ai ?

Tôi van ông, ông chớ có làm Trời !

IV

Hỏi Trăng

Ông Trăng hỡi, xuống đây tôi hỏi, Mấy muốn năm ở mãi trên trời.

Ông đã soi khắp hết mọi người, Thì ông có biết truyện đời hay chăng ?

Truyện đời như không biết mặt-răng, Nghe ra nhit-nhit nhăng-nhăng buồn cười !

Tôi hỏi ông, ông chẳng trả lời,
Thế thì Thăng-Cuội nó có cười cho
không ?

Ước gì tôi hóa làm ông,
Thì tôi cho khắp các vùng nước non,
Người cũng còn, của cũng còn,
Cũng cao, cũng sáng, cũng tròn như
ông !

V

Nhớ bạn

Không chừng tôi có nhớ ông chị,
Nhớ nổi ông chơi lăm thủ kỹ.
Nhớ một vài câu thơ nói lâu,
Nhớ năm ba chén rượu say ý.
Nhớ đêm hôm ấy nẻo Minh (1) lại,
Nhớ truyện ngày nào giắt Nguyệt (2) đi.
Ông chẳng nhớ tôi, tôi cũng nhớ,
Nhớ ông Chúa-Chồm, họ Chiếu-Lý !

ÁI-LIÊN

I

Hà-nội hành

Nùng Nhĩ từ xưa mở đất cõi,
Nghìn năm vượng-khi nơi đó-hội.
Nếp đất phồn-hoa trải mấy triều,
Phố-xá rộng dài ở chật-chội.
Nhà ngói mái úp đường bàn cờ,
Đèn điện sao sa máy nước gội.
Người đủ hạng người trò đủ trò,
Phong-lưu thanh-liệch cũng có lối.
Trừ ra trai mấy cậu phu-xe,
Là không bộ cánh áo rách rưới;
Trừ ra gái mấy chị háng than,
Là không son phấn mặt đen đui.
Dù đâu mất mùa kém bao nhiêu,
Ở đất ăn chơi chẳng biết đói.
Dù người như đất hiền bao nhiêu,
Ở lâu tập-nhiễm rồi cũng sôi.
Người khôn của khó lừa đưa chen,
Đủ ngón mau chân ầu mới giỏi.
Kìa trong bam-sáu phố phường ngày,

Kẻ đi người lại ai cũng vội.
Các quan sang-trọng thường về chơi,
Khi bỏ khi thăng lại khi đồi.
Công-tư to nhỏ mười mấy trường,
Thầy thầy trò trò rộn hai buổi.
Người đi làm việc người làm công,
Mỗi người một nghề chẳng ai rồi.
Trước ga xe-hỏa trên bến tàu,
Hàng hóa lên xuống phu bồi rồi.
Đồng-xuân chợ họp đông cả ngày,
Hàng Giầy khách chơi vui về tối.
Cà-phê chả-cá hiệu cao-lầu,
Chớp-ảnh tuồng-tàu rạp hát bội.
Lên cao trông xuống bọn người đi,
Thật là chen-chúc trong đám bụi.
Nếu không danh-lợi giắt nhau vào,
Ai chịu bôn-ba sống mấy nổi.
Suy ra cho rộng cuộc doanh-hoàn,
Đại-dề cũng như thành Hà-nội

II

Thành Đại-la

Bia dục Đường xưa đã đã chìm,
Thành La thuyền-tạc biết đâu tìm.
Gốc cây dục rồng tia hang chuột,
Khóm cỏ tha tàn rác tổ chim.
Trải mấy nghìn năm trong cuộc biến,
Đứt ra từng đoạn dưới đồng chiêm.
Sự đời nào chắc gì là vững,
Nước mất ai hoài khóc cỏ kim.

Hà-thành lăm-cỏ

Còn khỏe còn ham thú nước non,
Mắt không sao chán bước không chồn.
Tượng đèn Trấn-vũ đồng không nát,
Bia các Khuê-văn đá chứa mòn.
Vàng mặt Hồ-Tây trong suốt đáy,
Vân lòng sông Nhị đục như son.
Một mình thơ-thần giọng chiều mát,
Bóng ác chênh-chênh quốc gọi hồn.

Nông-san NGUYỄN CAN-MỘNG

(1) Là hai cô-đào

DỊCH BÀI « LE LAC » CỦA ÔNG LAMARTINE

Nhân kẻ trước bản-chỉ có in nguyên-văn bài thơ *Le Lac* của ông LAMARTINE, nay nhận được hai bản dịch đăng sau này. — N.-P.

I

Chơi hồ, nhớ bạn.

Lạc-loài vào kiếp phù-sinh,
Cảnh bèo theo sóng lênh-đềnh bề trần.
Thoi vàng thoăn-thoắt đưa xuân,
Một ngày hăm mấy xoay-vòng được sao?

Nhớ lại năm xưa cũng độ nào,
Chơi hồ chốn sóng lúc tiên-đao.
Bờ hồ tảng đá còn in vết,
Bạn vắng mình ta nhớ xiết bao?

Gió tuôn, sóng vỗ ào-ào,
Ngon ra chân núi, ngon vào gằm hang.
Năm xưa sóng cũng phủ-phàng,
Nhấp-nhò thấm gót chân vàng người
[yêu.

Hồ nhớ hay quên một buổi chiều,
Thuyền bơi tìm thú cảnh diu-hiu,
Chiều trời tịch-mịch vầng mây nước,
Văng-vẳng xa nghe sóng gợn chèo?

Bỗng ai lên giọng mỉ-miêu,
Thời ra sức cảnh Ái-Kiều ngâm thơ.
Tiếng vang âm cả bên bờ,
Sóng vô-tri cũng ngẩn-ngờ vì tình:

« Vội-vàng chi mấy, hỡi ngày xanh?
« Chóng-chóng như tên vút trước
[mạnh...

« Vó kỹ đường xuân ngừng bước lại,
« Chờ xuân may khỏi lỗi ba-sinh?

« Thế-gian vạn kẻ vô tình,
« Chân dõng những muốn liêu minh
cho xong].

« Sao còn để họ chờ mong,
« Sao không vì kẻ trong vòng ái-ân?

« Xin đừng sáng vội, ới đêm xuân!
« Đêm dài dài nhưng cũng có ngắn,
« Câu chuyện nỉ-non chưa nói hết,
« Vòng dòng dẫu đã lộ đầu sân!

« Một lời khuyên với lang-quân:
« Thương nhau chớ ngại xa gần nữa chi.
« Tháng ngày như đuổi xuân đi,
« Nay chờ, mai chậm, còn gì mà mong?»

Ghen ghét nhau chi thế Hóa-Công?
Hương đang đượm khói, lửa đang
nồng.

Ngày vui do chẳng tầy gang ngắn,
Đắng-dắng ngày buồn mãi chẳng
xong!

Biết đâu là chốn trông-mong,
Bấy nay thời đã uổng công đợi-chờ.
Mưa tuôn, gió chạy, mây mờ,
Những ngày quá-khứ bao giờ tái-lai?

Muốn vạch mây lên hỏi tận trời:
Ngày đi: về núi, hay ra khơi?
Bao-nhiêu vui-sướng trời thâu sạch,
Có trả hay không? nói một lời!

Hồ xanh, núi biếc, hang dài,
Nghìn thu được cái hơn người vẫn xinh.
Trăm năm hết kiếp ta dành,
Nước-non nhớ lấy đêm tình năm xưa...

Dù khi im-tạnh, lúc phong-ba,
Hồ đẹp, bờ xanh, dẫu cỏ hoa...
Đêm cũ đừng quên lời gần-bó,
In sâu mặt nước bóng thông thưa.

Giọng tình trong ngọn gió đưa,
«Tiếng Xuân» khúc ấy hỏi hồ nhớ, quên?
Nhớ quên hỏi khách cung Thiềm,
Treo gương mệnh bạc soi trên hồ này?

Mặc khi gió táp, lúc lau bay,
Dẫu bề tha-hỗ cuộc đời-thay,
Hồ vẫn y-nguyên quang-cảnh ấy:
Ghi tình kết nghĩa tự hồ đây!

Hanoi, 8-9 Juillet 1921.

Lương-diễn NGUYỄN LÊ-BÔNG.

Cái hồ

Sóng đưa trôi rất bến người,
Lênh-dênh trong khoảng đêm dài nghìn
năm.

Cất lời hỏi với Thời-gian,
Cầm sào đứng lại một lần được chẳng?

Hỡi ôi ! Đồng quá xuân sang,
Tưởng rằng ta lại với nàng tìm chơi.
Này hồ, này đất, này trời,
Này bàn thạch cũ mà người ở đâu ?

Sóng kêu rền rĩ hang sâu,
Đám-mòn, nước cuộn, như sầu, như than.
Gió đưa sóng lượn bên mình,
Mấy lần sóng bạc sen vàng quyến nhau.

Ngày nào nương bóng cạnh thuyền,
Chơi thuyền với khách động Đào ở đây.
Đâu-hiêu mặt nước chân mây,
Dịp chèo vỗ sóng như say tấm lòng !

Bỗng nghe nàng cất tiếng vàng,
Dịu-dàng thánh-thốt như dân Tiên-Nga.
Dư-âm vắng-vắng dang xa,
Sóng kêu im tiếng như chờ gió xuân.

« Bay làm chi nữa, Thời-gian ?
« Chảy làm chi nữa, hồi năm, hồi ngày ?
« Mặc người say tỉnh, tỉnh say,
« Một đời để được mấy ngày thề non !

« Kia người đầy-dạn phong-trần,
« Cầu ba thước đất cho xong nợ đời.
« Sao không san-sẻ cho người ?
« Sao không mặc khách vui cười với
trăng ?

« Càng kêu càng khổ lòng vàng,
« Nào ai đã quyến được lòng Thời-gian ?
« Van đêm : « Đêm hãy dừng chân »,
« Thì gà đã đón vừng-đồng đến rồi !

« Ngày xuân ta cứ vui chơi,
« Xuân kia há để có dài mà mong.

« Nước trôi, lá rụng, hoa tàn,
« Nhân-sinh không bến, Thời-gian không
bờ ! »

Đào-nguyên oanh-yến hẹn hò,
Bề tình cuộn-cuộn cũng là mộng xuân !
Ghẹo nhau chỉ hỏi Thời-gian ?
Ngày vui có khác ngày buồn ở đâu !

Thành tàn, di-tích còn đâu,
Tơ-hào theo sóng, đưa vào bể Đông.
Trả nhau chút nghĩa non-sông,
Đã cho như thế, lại còn đòi chẳng ?

Trời xanh, kỷ-vãng, hư-không,
Chôn xuân như thế, để hòng làm chi ?
Làm chi mà cướp xuân đi ?
Trả nhau chén rượu, lời thề năm xưa !

Hỡi hồ, hỡi núi xa xa,
Hỡi rừng xanh thẳm nghìn thu vẫn còn.
Nghìn năm nhớ bóng trăng tròn,
Nhớ đêm thuyền quẽ chèo lan trên hồ !

Dẫu khi phẳng-lặng như tờ,
Hay khi dòng-tổ bụi mù cát bay,
Dẫu trên sườn núi xa khơi,
Rừng tòng đường cũng thờ dài như ai !

Dẫu khi gió thoảng đêm dài,
Hồi-thanh vắng-vắng bên trời dưới non.
Dẫu trăng khi khuyết, khi tròn,
Khi soi quăng vầng, khi lộng nước
guơng,

Dẫu khi gió thổi, lau buồn,
Hay khi thoảng-thoảng mấy làn khói
huơng,

Đêm đêm xin bảo nhau rằng :
« Có người hẹn ngọc thề vàng ở đây ».

TRỊNH ĐÔNG-CƯƠNG dịch

ĐU-LUẬN CỦA CÁC BẠN ĐỌC BÁO

Thái-nguyên, le 26 Juillet 1921

Ông Chủ-bút Nam-phong,

Từ khi có báo đến giờ tôi chưa dám đăng bài nào.

Nay thấy nhiều bài bạn có ích-lợi mà cũng chẳng thành-hiệu được bao giờ, thực tôi cũng không hiểu ra làm sao.

Vậy nay tôi có bài cón-con này, xin nhờ ngài đăng ngay hộ cho, để nhờ ơn Nhà-nước xét lại cho dân ta được nhờ; thời tôi lấy làm cảm ơn ngài vô-cùng.

Nay kính thư

NGUYỄN-CHƯƠNG

Ấn-sát Thái-nguyên

Kinh-trình các Ngài duyệt báo

Tôi xem báo đã mấy năm nay, chỉ thấy nói những truyện cái-lương. Nhưng cái-lương có thành truyện gì không, tôi thật lấy làm ngờ lắm.

Những người nhà quê thời phần nhiều là người làm ăn tần-tiện, đồ ăn chẳng dám ngon, đồ mặc không dám phí. Hễ động có việc mất tiền thời cầm nhà, bán ruộng, cổ con. Các điều tệ ấy bởi đâu? Đã cái-lương chưa?

Thường quanh năm nếu không có Hàng Giấy, Tàu-ấp, cao-lâu, chà-cá, thời ai rút tiền của dân mà tiêu vào những chỗ ấy? Đã cái-lương chưa?

Ở nhà quê đình-chùa đồ không dám chữa, cầu-quán nát không dám làm. Mà ở Hà-nội, Hải-phòng, thời bao

hiều phố đất mới làm nhà mới để kẻ tham-những khoét dân lấy tiền làm cơ-nghiệp. Cái tiền ấy có phải bởi cái-lương mà ra không?

Người nhà quê quanh năm chúng chỉ lấy cái bữa cưới, ma, rỗ và những đình-dám để ăn cỗ ngon, mặc áo đẹp. Bây giờ muốn bóc lột, bóp chắt hết để cung vào các cái phí của bọn tham-những đã kẻ trên ấy hay sao?

Phàm nước nào cũng lấy dân làm gốc. Cái gốc ấy chui đi thời cái mầm mới lại nảy ra. Dẫu cái mầm ấy có tốt, nhưng cũng vẫn nguyên cái gốc cũ đó thôi. Nay muốn cho cái mầm mới ấy nó theo cái văn-hóa của Thượng-quốc mà nảy-nở lên, thời phải đem những kẻ có trách-nhiệm vun trồng cây cối ấy ra mà canh-cải trước mới được.

Tôi nghĩ chỉ đem những kẻ binh-nhật tự-xưng là « vi dân phụ-mẫu » ấy mà đẽo sửa lại.

Xin lập một hội-dồng để thi hỏi các người ấy những cách cai-trị dân nên thế nào, và xem trong lý-lịch các người ấy xem binh-nhật « nốt » quan trên cho ra làm sao. Hễ xem ra ai nói cách phải và lý-lịch tốt, thời cho nhưng-cụ cung-chức. Khi đã nhưng-chức rồi, thời phải lấy việc làm mà thi các người ấy. Hễ ai làm việc được thành-hiệu, thời được lưu nhiệm, và sẽ được chiếu-lệ thăng-thuyền. Nhược bằng không thời mời ngài về!

Tôi tưởng thưởng-phạt phải thế thời mới nghiệm.

Sau ba năm đã thi-hành cái nghị ấy rồi, thời tất là những người xét mình vô-trang tự-khắc phải tháo lui, chờ

cũng không phải đợi ai xét đến nữa, lại phiền tiền phí-tồn các quan di hội-Đồng.

Còn các người đề giúp việc cho các quan phụ-mẫu thời là tổng lý. Khi ra làm được một chức-phân gì, thời tất phải mất tiền. Hễ nhiều tiền thời được làm, chớ không cứ rằng giỏi hay dở.

Ai cũng đã biết rằng đến năm 1921 mà chánh phó tổng không biết chữ quốc-ngữ thời không được làm. Thế mà bây giờ vẫn còn thấy có nhiều chánh phó tổng đương không biết a b là gì. Trách-nhiệm học chữ quốc-ngữ không xong, thời còn làm được việc gì nữa ?

Lại còn những kẻ Hán-tự không biết, Quốc-ngữ không thông, cũng vẫn được ra làm lý-trưởng.

Thế thời cái lỗi học chữ Quốc-ngữ không cần phải cải-lương hay sao ?

Những tổng lý bây giờ cũng phải thi mới cho làm được. Đã đủ tư-cách làm thời phải cho ăn lương. Làm việc không mà không lương thời có ai làm được bao giờ ? Thế mà

xưa nay không ai dám kêu điều gì, chỉ bóp vào kẻ không lương mà ăn thôi. Ôi ! ăn thế còn ngon gì !

Khốn nạn ! nhiều khi tôi đi đường gặp ông kinh gọng vàng, nhẫn kim-cương, bài ngà (1), áo gấm, giày tày vàng, trông ra bộ lắm. Mà nhăm vào các ông ấy ở chỗ các hạt tôi đã biết mà hỏi đến địa-thể trong hạt và tình-thể dân hạt, thời ù-cạc nói chẳng nên câu. Cùng-từ thời các ngài chỉ đồ quanh cho quan trên, hoặc tổng lý, hoặc dân điều.

Hễ các ngài họp truyện nhau, khi vui miệng thời chỉ quan Chánh nợ tính-khi thế, quan Chánh kia thị-hiếu thế, cùng là chỗ này dân thuần làm tốt, chỗ kia dân điều khó kiếm, hoặc anh này keo về đường này, anh hia kiếm về miếng khác. Thật là nghe mà xấu-hổ với các người hành-khách.

Tội-nghiệp ! Dân ta nặng nợ đến đâu mà để những hạng người vô-lương-tâm ấy làm phụ-mẫu dân mãi !

Lai-cảo-giã

NGUYỄN-CHƯỚC

Án-sát Thái-nguyên

II

CÁI TRÌNH - ĐỘ NỮ-NGÔN ĐỜI BÂY GIỜ

Người ta đối với đời, rất cần dùng về khoa ngôn-ngữ, bởi vậy mà lời nói phải có học mới dựng nên lời nói khuôn-phép, lời nói chính-đáng, có đạo-đức, có giáo-dục, câu nói phải tùy theo từng hạng người mà xét cao thấp, không những không giống nhau mà lợi hại có khác nhiều, lấy cái trình-độ

mà so sánh thì người có học-vấn lời nói khác người không có học-vấn, người có tri-thức lời nói khác người không có tri-thức, chớ không như-tkhái cho như nhau dặng, dân ông dân bà cũng vậy.

Bảo rằng: lời nói người dân bà đời xưa không khi nào ra khỏi cửa buồng,

(1) Đây tôi không dám nói tất cả những ông bài ngà đâu, mà chỉ nói riêng về những ông có tật vậy. (Ng.-Cu.)

dầu có học tập cũng vụ-cầu cho dùng phép phụ-ngôn, thì giữ-gìn lời nói cốt phải dịu-dàng, ít điều, ít lẽ mà tồn-hỗ đức-hạnh ở trong, không cầu làm cho ai biết, miễn đủ lễ-lối cư xử trong gia-dinh, làm hết phận-sự của người đàn-bà đó mà thôi.

Còn như đối với xã-hội tự-hỗ không can-thiệp gì, nhưng mà có phải không can-thiệp đâu. Một bên trực-tiếp với xã-hội, một bên gián-tiếp với xã-hội, cái hình-thức tuy có khác, mà tinh-thần đều một chủ-nghĩa.

Bởi tại có làm sao mà người đàn bà lại không được trực-tiếp với xã-hội? Là vì sự học-vấn còn chưa phổ-thông và thời-kỳ chưa được hiệu-dụng, cho nên nữ-ngôn không được kiến-trọng với đời. Thế mà gián-hoặc cũng có người xuất-hiện ra luôn, xem như tiền-cổ các nước, biết bao là bậc nữ-anh-hùng, nữ-thường-thơ, cũng nhờ thiện-tử-từ-lệnh mà làm nên danh-dự đề đời, kể sao cho xiết.

Đây chỉ lược kể bản-quốc ta như hai bà Trưng-Vương, bà Triệu-Âu, toàn là bậc thượng-lưu anh-thư trong xã-hội, biết bao nhiêu nghĩa-khí trung-trình, xướng-khởi những lời nói thom-tho làm sao, mới thu-phục được lòng người, dựng cờ nương-tử, rạng tiếng nghìn thu, làm vẻ-vang cho nhà cho nước, như vậy thì có đáng gọi nữ-ngôn chỉ dùng trong khuê-khôn mà thôi không? Lại cho đến những lời hàn-mặc tài-hoa cũng đã đàng-danh lắm thay, kia như Bản-Triều có đức-bà Diệu-liên - công-chúa, đức-bà Huệ-phổ-công - chúa, bà Huyện Thanh-quan, đều là văn-chương đáng giá nghìn vàng, lời lời châu ngọc, hàng hàng gấm thêu.

Thiết-tưởng cái khí-tượng rực-rỡ ấy, cái phong-vân thanh-tao ấy, những nhà kiệt-sĩ văn-nhân trong nước cũng đã từng công-nhận cho là siêu-quần bạt-tuy lắm rồi.

Trong cái thời-đại học-giới nữ-lưu chưa mở-mang, mà đã có người như

vậy, cho nên người ta có bahạng người, ví như người ở đầu non góc bể, suốt đời lam-lữ, chân lấm tay bùn, thì còn có tư-cách gì mà làm gương cho ai, có lẽ gọi là đàn ông toàn-thị hơn đàn-bà hết cả không? Đàn-bà những người quê mùa dốt nát, buôn đầu đình bán cuối chợ, thì ai dám li-nghĩ với các bậc người mà người ta đã cho là đứng vào hạng người, chứ không phải có đủ hai tay hai chân đi ngay đứng vững mà là người. Vậy thì trước phải do cái phẩm-giá con người mà sau định-bình mới là đúng. Còn nhân lại có câu: « Bất dĩ nhân phế ngôn, bất dĩ ngôn thủ nhân », lời nói có ý-vị thay,

Phương-chí, hiện nay Nhà-nước đã lập trường-giáo-dục nữ-lưu, là cốt muốn đào-luyện nhân-tài trong hàng khuê-tú, để ban-bổ văn-minh học-thuật cho phổ-thông toàn-thể quốc-nhân, không phân-biệt nam nữ, cũng đều được ra mà hiệu-dụng với đời, cái trình-độ nữ-ngôn bây giờ đã lần lần mà tiến lên, không phải như trước nữa, ấy đó là một cái tang-chứng rất rõ-ràng, tưởng không nói, chị em cũng đã hiểu vậy. Nhưng mà khó sở-ngôn phải cố sở-hành, chứ không phải nói một đường làm một nẻo, bạ ăn bạ nói, vào tai ra miệng, trau-chuốt những lời phù-hoa xảo-trá, làm mất cả sự thật, không giữ gìn đức-hạnh, làm hèn cái giá-trị nữ-ngôn với đời, thì con người ấy ai cầu làm chi!

Ồi! Cuộc đời chẳng qua như trường ôi-lỗi, ví như một tấn tuồng diễn trên sân khấu, phải có đủ tướng, lão, đàn, kép, bông-lơn, chạy hiệu; nhưng đáng vai nào thì phải biết vai nấy, người xem mới vui mắt, nếu kép mà trở lại đóng vai đàn, đàn thanh-âm ý-chỉ có hay đến đâu, mà nhận kỹ tinh-thần cũng ngỗ-ngang ra lắm. Nói tóm lại thời trên chốn vũ-dải cần phải đủ cả các thức người, nó mới hoàn-toàn được.

ĐẠM-PHƯƠNG nữ-sử (Huế)

THỜI-ĐÀM

Quan Học-chính Giám-đốc Dr Cognacq. —

Kỳ trước bản-chi đã đăng tin quan Học-chính Giám-đốc COGNACQ mới được thăng thưởng chức Thống-đốc Thuộc-địa hạng nhất. Trong các hàng quan-lại thuộc-địa của Đại-Pháp chức này là một chức cao nhất, chỉ kém dưới chức Toàn-quyền. Chính-phủ Đại-Pháp thăng-thưởng cho ngài như vậy, đủ biết cái công-nghiệp của ngài ở Đông-Pháp này trong khoảng hai-mươi năm nay được Chính-phủ kiều-trọng biết bao. Công-nghiệp ấy chắc quốc-dân ta đã biết cả, vì là công-nghiệp giáo-dục cho dân ta. Biểu-chứng cho công-nghiệp ấy, tức là cái tòa lâu đài rực-rỡ nguy-nga kia, là nơi trường Y-học và các trường cao-đẳng mới lập, để cho những kẻ thanh-niên tuấn-tử trong nước đến mà tiếp-thu cái học-thuật văn-minh của Đại-Pháp. Quan COGNACQ làm đốc trường Y-học từ khi sáng-lập đến giờ, một tay ngài đã đào-tạo ra được mấy trăm tay lương-y ta, hiện nay bỏ đi chữa bệnh ở khắp các nơi trong cõi Đông-Pháp. Cũng vì trông thấy trường Y-học thành-hiệu to-tát như vậy, nên quan nguyên Toàn-quyền ALBERT SARRAUT hiện làm Thuộc-địa bộ thượng-thư, mới nghĩ ra đặt mấy trường cao-đẳng cũng theo một kiểu như trường Y-học để làm cơ-sở cho một trường Đại-học Đông-Pháp. Quan SARRAUT biết quan COGNACQ là một bậc thượng-quan giỏi, bèn giao cho ngài tổ-chức và giám-đốc cả mấy trường cao-đẳng ấy. Quan COGNACQ cũng hết sức giúp quan SARRAUT, thành hai ngài thực là hai tay sáng lập ra trường Đại-học ngày nay vậy. Chính-phủ làm nên việc ấy thật đã có công cho sự khai-phóng tinh-thần cho quốc-dân ta, dân ta không bao giờ quên ơn ấy, và không quên ơn ấy tức là không quên tên quan Toàn-quyền SARRAUT và quan giám-đốc COGNACQ vậy.

Quan COGNACQ học thâm tài rộng, thông-thạo các vấn-đề giáo-dục, nhưng thứ nhất có tiếng là người có tài tổ-chức. Tổ-chức nghĩa là gây dựng xếp-đặt cho thành nền nếp, rồi lại mở mang chỉnh đốn cho vững cho to. Quan COGNACQ thật là một tay tổ-chức giỏi, xem như cách xếp đặt trường Y-học ngày nay

có thể cho là hoàn-toàn chỉnh-bị lắm vậy. Bởi thế nên mỗi lần Chính-phủ phải tổ-chức một việc gì to tát, thường cậy đến ngài. Như hiện nay việc Đông-Pháp tham-dự vào cuộc Đấu-xảo Marseille sang năm, cũng là một tay ngài trừ-biên chủ-trương hết cả, trên chỉ có quan Toàn-quyền và quan Thuộc-địa giám-đốc mà thôi. Ngài tức là ủy-viên của chính-phủ Đông-Pháp về cuộc đấu-xảo ấy. Quốc-dân ta chắc ít người rõ một chức Ủy-viên như thế phiền nặng là dường nào. Phải có cái tài xếp-đặt khéo lắm, đã cố-nhiên rồi, nhưng lại phải thông-tỏ cả các vấn-đề thuộc về chính-trị, kinh-tế, xã-hội, trong một cõi thuộc-địa lớn như Đông-Pháp ta, mới tổ-chức cho đủ cho khắp được. Quan COGNACQ kiêu đủ các tư-cách ấy, chắc rằng trong cuộc Đấu-xảo sau này là nơi các thuộc-địa thi nhau khoe tài khéo với quý quốc, Đông-Pháp ta sẽ nhờ tay ngài mà chiếm được một địa-vị cao trọng vậy.

Quan COGNACQ lại có tiếng là người cương-ng nghị quả-quyết, là cái tính-cách những tay « kinh-tế » giỏi ; nhưng cương-ng nghị mà cũng có ôn-hòa, quả-quyết mà cũng hay thề-tất, nhiều người đã từng giúp việc hay được hăm ơn ngài cũng đều công-nhận như thế.

Bản-chi trong cái phạm-vi nhỏ hẹp cũng muốn thể cái chính khai-hóa của Bảo-hộ mà giúp vào việc giáo-dục quốc-dân một đôi phần, nay nhân quan Học-chính Giám-đốc tức là người chủ-trương việc giáo-dục ở xứ này, mới được thăng-thưởng, thừa dịp giới-thiệu ngài cho quốc-dân được biết, về in chân-dung để công-đồng-lãm.

Hai bạn đồng-nghiệp mới : báo « Khai-hóa » và báo « Hữu-thanh ».

Ở Hà-thành ta mới xuất-bản hai báo mới : Khai-hóa nhật-báo và Hữu-thanh tạp-chi. Báo Khai-hóa là của ông Bạch Thái Bưởi, ông Lê Văn Phái và mấy ông ông nữa sáng-lập, ra hàng ngày, chủ báo-cáo các tin-tức và nghị-luận việc hiện-thời. Báo Hữu-thanh thời là cơ-quan của hội « Công-hương đồng-nghiệp Bắc-Kỳ » và hội « Ích-hữu thư-xã », ông Nguyễn Huy Hợi là Hội-trưởng Hội ấy đứng chủ-nhiệm, ông Nguyễn Khắc-Hiếu hiệu Tân-đà là nhà văn-sĩ có tiếng trong nước làm chủ bút, xuất-bản mỗi tháng hai lần

biên-tập những bài về văn-chương, luân-lý, kinh-tế, học-thuật.

Bản-chí đối với hai bạn đồng-nghiệp mới, có cái cảm-tình riêng : thuộc về báo Khai-hóa thời quân-lý là ông Lê-văn-Phúc vừa là người chủ in và vừa là người bạn thân của bản-chí từ hồi đầu ; đầu bộ biên-tập lại là ông Hoàng Tích-Chu, hiệu Biền-xa, mới đây còn giúp việc cho bản-chí, mới thôi được ít lâu ; thuộc về báo Hữu-thanh thời quân-lý sự-vụ chính là ông Nguyễn Mạnh-Bồng hiệu Mân-Châu, cũng là một tay trợ-bút của bản-chí năm xưa các bạn đọc báo chắc còn nhớ những bài đăng trong báo ; còn trong bộ biên-tập thời như ông Nguyễn Khắc - Hiếu, ông Trịnh Đình - Rư, xưa cũng đều có bài in trong Nam-Phong này cả. Vậy thời

cái cảm-tình của bản-chí đối với hai báo Khai-Hóa và Hữu-thanh thật là cái cảm-tình « trong họ ngoài làng » vậy. Bản-chí rất lấy làm vui-về mà chúc mừng hai bạn đồng-nghiệp mới. Báo-giới ta càng đông lại càng vui, ta nên cùng nhau đề-huê mà làm trọn cái trách-nhiệm ngôn-luận trong nước. Sau này, báo-giới có ngày nên thế-lực, kiến-trọng với quốc-dân, với Chánh-phủ, há chẳng phải là công-phu của bọn ta rư? Con đường trước mắt còn dài, anh em ta nên cố gắng !

— Báo-quán Khai-hóa ở phố Hàng Gai, số 82. Giá 6 p. một năm ; 3 p. sáu tháng. Ngày nào cũng ra, trừ chủ-nhật và ngày lễ.

-- Báo-quán Hữu-thanh ở Phố Mã-Vĩ, số 18. Giá 4 p. một năm ; 0 p.25 một số. Ra mỗi tháng hai kỳ.

GIỚI-THIỆU SÁCH

Ấy ai hện ngọc thề vàng (tiểu-thuyết). NGUYỄN ĐỖ-MỤC DỊCH

Ông Tú NGUYỄN-ĐỖ-MỤC là một tay biên-tập sắc-sảo ở báo-quán Trung-Bắc, lâu nay vẫn chuyên mục « tiểu-thuyết » trong báo ấy, dịch các tiểu-thuyết của Tàu đã nhiều lắm. Cách ông dịch lời-lẽ chải-chuốt, lưu-loát dễ nghe, người đọc báo thường lấy làm thích lắm. Nay ông mới in riêng ra thành sách bộ

« Ấy ai hện ngọc thề vàng » đã đăng báo từ trước, bộ này dịch cũng khéo như các bộ kia. Bản-chí vui lòng giới-thiệu cho các bạn đọc báo bộ tiểu-thuyết mới này, và mừng cho tiểu-thụ cũng đắt bằng bộ Song-phượng-kỵ duyên của ông đã xuất-bản trước.

TẬP KÝ-YẾU CỦA HỘI KHAI TRÍ TIẾN-ĐỨC

Biên-bản kỳ hội-đồng tri-sự ngày 9 Juillet. — Ngày thứ bảy 9 Juillet 6 giờ chiều, tòa tri - sự có họp hội - đồng ở nhà Hội Trí-trí để xét những việc như sau này :

1- Việc tiền hội đề ở nhà « Trung-Pháp thực-nghiệp ngân-hàng ».

2- Việc đặt đèn điện và quạt máy ở nhà hội-quán.

Những ông có mặt ở hội-đồng :

Hoàng-trọng-Phu, Thân-trọng-Huê, Trần-văn-Thông, Lacombe, Phạm-Quỳnh, Lê-văn-Phúc, Nguyễn-quí-Toản, Hoàng-quang-Hương.

Ông Thủ-quĩ Lê-văn-Phúc trình sớ - sách cho hội-đồng; xét ra thời Hội đề ở nhà « Trung-Pháp Thực-nghiệp ngân-hàng » trước sau là

25.724 p. 80, nhưng từ tháng giêng tây đến giờ đã trả cho ông Aviat là người lĩnh-trương làm nhà 17.000 p. vậy hiện còn ở nhà bằng 8.724 p. 80. Bây giờ nhà bằng đóng cửa, thời số ấy không biết bao giờ lấy ra được. Quan Cai-trị Lacombe là chánh tòa Chánh-trị ở Phi Toàn-quyền có nói qua về việc nhà bằng đóng cửa cho các hội-viên nghe, khuyên nên vững dạ, không sợ mất được, và quyết rằng làm-thời Hội cũng có thể nhờ chánh-phủ giúp, không đến nỗi nào. Vậy ngài nói rằng cái công việc cứ việc làm, đừng đình-đốn gì cả.

Ông Lê-văn-Phúc lại trình nốt cho hội-đồng biết hiện trong quỹ ông còn . . . 670 p. 15

Tiền nhập-hội của hội-viên chưa

nộp 1394p.00
 Tiền quyền của các ông đã ký mà
 chưa nộp 2960p.00

Cộng. 5024p.15

Hội-đồng dặn ông Phúc nên cho người thu kíp cho được đủ số đó, kẻo hội không có tiền kinh-phí mọi việc.

Đoạn, xét đến việc đặt đèn và quạt ở nhà hội-quán. Nhà làm đã gần xong, cần phải đặt đèn và quạt, không thể đợi lâu được. Xét ra suốt cả nhà phải cần đến ngót một trăm ngọn đèn và 12 cái quạt điện. Hiện có Công-ti Điện Hà-nội và hiệu Larrievé xin làm việc đó. Xét giá của công-ti Điện hạ hơn (vừa đèn vừa quạt, cả công đặt, tổng-số là 13.500 quan, lại hứa nếu nhận được quạt bên Tây mà giá rẻ thì xin hạ xuống 13.000 quan chẵn, và lại xin để cho Hội hạn một năm để trả tiền), vậy hội-đồng định nhận lời của công-ti Điện.

Đến 7 giờ rưỡi hội-đồng tan.

Tiệc tiền ông Choulet - Ông Choulet là một chân hội-viên rất mẫn-cẩn của hội ta, lại có chân hội-đồng trứ-sự, ngày 28 Juin có viết cho quan Hội-trưởng Hoàng Tổng-đốc cái thư như sau này :

* Kính-trình quan Hội-trưởng,

* Tôi ở bên này đã lâu năm, sức thấy yếu-mệt, cần phải về Pháp để nghỉ-ngơi, và cũng đề sung chức Thanh-tra ở một công-ti Bảo-hiêm tại Paris, vậy tôi viết thư này để trình ngài tôi xin từ chức hội-viên trứ-sự Hội ta.

* Tôi xin cảm ơn ngài và cảm ơn cả các anh em trong Hội ta đã nhiều lần tỏ lòng yêu-mến tôi, tôi không bao giờ quên.

* Tôi phải về nước giữa lúc Hội ta sắp mở-mang phát-đặt, tôi lấy làm tiếc vô-cùng, vì sẽ không được mục-đích cái cảnh rực-rỡ sau này.

* Nhưng nghĩ lại tôi tuy vắng mà anh em còn lại, một lòng nhiệt-thành theo đuổi cái công-nghiệp chung, tôi cũng gồ-gàn an-ủi được đôi chút, đầu người xa mà lòng vẫn cùng với anh em vậy. v. v. »

Tiếp được thư ấy, quan Hội-trưởng liền thông-báo cho cả các hội-viên tòa trứ-sự biết, lại bàn nên chung nhau đặt một bữa tiệc tiễn-biệt ông Choulet để tỏ lòng thân-ái. Ai nấy đều hoan - nghênh cả. - Vậy ngày 4

Juillet quan hội-trưởng có viết thư trả lời ông Choulet như sau này :

* Thưa Qui-hữu,

* Tôi đã tiếp được thư Qui-hữu ngày 2 Juin vừa rồi, trong thư nói rằng qui-hữu xin từ chức hội-viên trứ-sự Hội ta, vì sắp phải về Qui-Quốc.

* Tôi không nói chắc qui-hữu cũng biết rằng được tin ấy tôi cùng cả các anh em trong hội đều lấy làm tiếc vì sẽ vắng mặt một người bạn hay.

* Qui-hữu là một chân hội-viên mẫn-cẩn trong Hội ta, từ khi mới thành-lập đến giờ qui-hữu thật đã ra công ra sức giúp việc hội được nhiều lắm. Qui-hữu lại hết sức cố-động cho người qui-Quốc biết hội ta, nhiều qui-quan vui lòng vào Hội cũng là nhờ ở qui-hữu.

* Nay Qui-hữu sắp bồi-Quốc, anh em trong hội-đồng trứ-sự muốn tìm cách tỏ lòng thân-ái với qui-hữu. Vậy có định đến chiều ngày thứ bảy 9 Juillet này, hồi 7 giờ rưỡi, thiết một bàn tiệc nhỏ ở tại nhà ông Thủ-quĩ hội ta là ông Lê-văn-Phúc ở phố hàng Gai, số 82, gọi là bữa tiệc tiễn-biệt qui-hữu. Anh em có nhớ tôi mời qui-hữu, chắc rằng thế nào qui-hữu cũng nhiều-cổ. v. v. »

Ông Choulet nhận lời. Vậy chiều ngày thứ bảy 9 Juillet đặt tiệc ở nhà ông Lê-văn-Phúc Dự tiệc có những ông sau này : Choulet Hoàng - trong - Phu, Thân - trong - Huệ Trần-văn-Thông, Đặng-đức-Cường, Nguyễn văn-Vĩnh, Phạm-Quý-h, Lê-văn-Phúc, Đỗ-Thận, Nguyễn Bá-Trắc, Hoàng Quang-Hương, Nguyễn Quý-Toản, Hoàng Kim-Băng, Nguyễn Huy-Hợi. - Ông Nguyễn Văn-Bào, tri-huyện Lục-ngạn, nhận về qua Hà-nội cũng vui lòng dự tiệc. - Còn mấy ông đã ký tên dự tiệc mà hôm ấy mắc bận không đến được : Ông Nguyễn Hữu-Thu, Nguyễn Kim-Lân. Ông Lacombe cũng mắc bận xin kiều.

Tiệc vui-vẻ lắm, mãi đến 12 giờ đêm mới tan. Đến lúc uống champagne, thời đồng-nhân đều nâng cốc và quan Hội-trưởng thay cử-lạ nói mấy lời chúc mừng ông Choulet, ông Choulet đáp lại, hai bên tinh-y rất thân-mật, thật là một cuộc « Pháp-Việt tương-thân », không phải hồ-hào mà tự-nhiên kết-hợp vậy. - Ông Choulet có hứa rằng ông về Đại-Pháp sẽ tìm cách để giúp các anh em trong Hội, hoặc ông nào có con cháu gửi sang học qui-Quốc, ông sẽ nhận trông nom hộ. Ông có đề lại

bức ảnh để làm kỷ-niệm với các anh em trong Hội. Chứng hạ-tuần tháng 8 tây này thời ông xuống tàu. Đồng-nhân ta nên đồng-thanh chúc mừng ông cùng qui-quyển vượt bể bình-yên và về nghỉ-ngơi bên qui-quốc được vui-vẻ.

Giấy xin vào Hội. — Trong tháng Juillet có những ông sau này gửi giấy xin vào chân chủ-tri, hạn trong hai tháng có ai di-nghị xin viết thư về cho Hội.

1. — Ông Paul Combette, commis de l'Eare-gistrement, à Hanoi.

2. — J. Larrivé, négociant, 84 Rue Jules Ferry, Hanoi.

3. — Cầm Văn-Mai, chánh-tri-châu Mai-sơn, Sơn-la (do ông hội-viên Nguyễn Văn-Múi, y-tá châu Mai-sơn giới-thiệu).

Hội viên mới — Các ông có giấy xin vào Hội đã đăng tên lên báo trong số 47, đến

nay hết hạn hai tháng, không có ai di-nghị được nhận vào Hội kể từ ngày 1er Août 1921.

Vào chân chủ-tri

Ông Nguyễn Hữu-Lộc, Nguyễn Văn-Quỳnh, Nguyễn Đức-Ngọc.

Vào chân thường hội-viên

Ông Phạm-Thúc, Phan Văn-Cơ.

Quyển vào Hội. — Trong tháng Juillet này, có ông hội-viên Vũ Minh-Châu, làm thầu-khoản ở phố Amiral Courbet, quyền vào Hội hai trăm đồng (200 p. 00) ông ký 'giấy liền giao tiền ngay. Hội xin có lời cảm ơn ông đã giúp cho Hội được một món tiền to như thế.

Sau này xin có lời nhắc những ông nào đã ký quyền vào Hội mà chưa nộp tiền, thời kíp nộp ngay cho, vì Hội đương cần tiền.

Cải-chỉnh bài « Cầm-học » đăng kỳ trước

— Trang 468, đoạn thứ năm, về dòng thứ nhất, câu : « như là đòn chậm, đòn mau, v.v. », sửa đọc là : « như là đòn chậm, đòn nam v. v. »

— Trang 469, hàng đầu hết : « đỡ hay... », sửa đọc là : « đòn hay... »

— Đoạn thứ hai, câu đầu hết : « nhịp một tuy là dễ », sửa mà đọc là : « nhịp một tuy là dễ... »

— Trang 470, *Bát* (đánh cả hai dây), sửa mà đọc rằng : « *Bát* (đánh cả hai dây)

— Trang 473, hàng dưới hết, thiếu dấu × dưới chữ 合, 上, và dấu ' dưới chữ 工.

— Trang 474, hàng thứ hai, thiếu dấu × dưới chữ 六 năm trước chữ 尺 nhịp thứ 2.

— Trang 475, hàng thứ nhất, nhịp thứ 2, dưới chữ 四, bỏ cái dấu " đi không thời trái diện.

— Trang 476, bản *Nguyên-tiểu*, nhịp thứ ba, tiếng 工 về nhịp ngoại thời năm trước cái sỏ, chớ không phải năm ngay giữa sỏ.